

Số: 40 /2023/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu Ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 479 ngày 19 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024:

1. Sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Vị trí và chiều sâu đất nông nghiệp:

a) Vị trí 1:

Xác định trong 60 mét đầu của những thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường phố tính từ hành lang lộ giới hiện hữu hoặc tính từ mép đường lộ, mép bờ kênh nơi chưa có quy hoạch lộ giới (*là ranh giới giữa mái dốc tự nhiên của kênh với mặt đất tự nhiên theo chiều ngang*).”

2. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đất ở nông thôn có mặt tiền tiếp giáp các tuyến đường giao thông chính có tên trong bảng giá đất trên địa bàn các xã thuộc các huyện, thị xã và thành phố Bạc Liêu đã có hạ tầng tương đối đồng bộ và có khả năng sinh lợi được chia theo vị trí như sau:

a) Vị trí 1: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly 30m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 100% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá.

b) Vị trí 2: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 30m đến 50m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 70% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

c) Vị trí 3: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 50m đến 70m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 50% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

d) Vị trí 4: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 70m đến 90m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 20% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

đ) Phần đất còn lại ở cự ly từ trên 90m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, thì được tính bằng giá đất ở tối thiểu của khu vực.”

3. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Đất ở nông thôn có mặt tiền tiếp giáp đường liên xã, liên ấp, có mặt lộ trái nhựa, tráng xi măng hoặc tiếp giáp các trục kênh thủy lợi từ cấp 3 trở lên chưa có tên trong bảng giá đất thì được phân thành 03 vị trí như sau:

a) Vị trí 1: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly 30m tính từ mốc lộ giới đối với đường liên xã, liên ấp, có mặt lộ trái nhựa hoặc tráng xi măng rộng từ 1,5m trở lên đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới;

b) Vị trí 2:

- Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 30m đến 50m tính từ mốc lộ giới đối với đường liên xã, liên ấp, có mặt lộ trái nhựa hoặc tráng xi măng rộng từ 1,5m trở lên đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới;

- Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly 30m tính từ mốc lộ giới đối với đường liên xã, liên ấp còn lại hoặc các trục kênh thủy lợi từ cấp 3 trở lên đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường, mép kênh đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới;

c) Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại.”

4. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 và khoản 6 Điều 10 như sau:

“1. Thửa đất có vị trí góc ngã ba, ngã tư, ngã năm đường, thửa đất tiếp giáp hai mặt tiền đường (hoặc tiếp giáp mặt tiền đường và mặt tiền kênh thủy lợi, *muong lộ có tiếp giáp đường giao thông*) trở lên thì được xác định theo giá đất ở chuẩn quy định cho vị trí đó nhân với hệ số 1,2 lần.

6. Trong quá trình xác định vị trí đất ở theo các tuyến đường nhánh, hẻm cụt đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng nhưng có khả năng sinh lợi kém hoặc các tuyến đường có cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ (*đã hình thành đường sỏi, đường đá nhưng chưa trải nhựa*) thì được tính giảm giá 30% so với giá quy định cho vị trí đó.”

5. Bổ sung khoản 9, khoản 10 vào Điều 10 như sau:

“9. Đối với các thửa đất ở có vị trí không tiếp giáp đường, kênh thủy lợi và không cùng chủ sử dụng với thửa đất có cạnh tiếp giáp thì được tính bằng giá đất ở tối thiểu của khu vực.

10. Đối với các thửa đất nông nghiệp được quy định tại khoản 3 Điều 5 mà trường hợp thửa đất có vị trí 3 và chiều sâu >70m thì giá đất của phần diện tích sau mét thứ 70 được xác định bằng 20% giá đất nông nghiệp ở phạm vi 30m đầu nhưng không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 1 được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này; trường hợp, giá đất xác định theo quy định tại điểm này mà thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 1 được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này thì tính bằng giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 1 được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này”.



6. Bổ sung khoản 7 vào Điều 12 như sau:

“7. Đối với đất nông nghiệp khác được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 10, Luật Đất đai tính bằng mức giá đất nông nghiệp liền kề tương ứng; trường hợp liền kề tương ứng với nhiều loại đất nông nghiệp khác nhau, thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá cao nhất để xác định giá.”

7. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Giá đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; đất phi nông nghiệp khác được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 60% giá đất ở liền kề có vị trí tương đương; giá đất này không thấp hơn giá tối thiểu và không vượt quá giá tối đa theo khung giá đất của Chính phủ quy định hiện hành tại Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long cụ thể đối với thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II, thị xã Giá Rai là đô thị loại IV và thị trấn thuộc các huyện là đô thị loại V.”

Giá đất xây dựng công trình sự nghiệp được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 80% giá đất ở liền kề có vị trí tương đương; giá đất này không thấp hơn giá tối thiểu và không vượt quá giá tối đa theo khung giá đất của Chính phủ quy định hiện hành tại Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long cụ thể đối với thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II, thị xã Giá Rai là đô thị loại IV và thị trấn thuộc các huyện là đô thị loại V.”

8. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Căn cứ mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để xác định giá cho các loại đất sau, cụ thể:

a) Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất quốc phòng; đất an ninh thì căn cứ giá đất ở liền kề, nếu không có đất ở liền kề thì căn cứ vào giá đất ở khu vực gần nhất để xác định giá.

b) Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa; đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng thì căn cứ giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại vị trí liền kề; trường hợp không có đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ liền kề thì căn cứ vào giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại khu vực gần nhất để xác định giá.

c) Đối với đất sông ngòi, kênh rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng thì căn cứ giá đất phi nông nghiệp liền kề, nếu không có đất phi nông nghiệp liền kề thì căn cứ vào giá đất phi nông nghiệp khu vực gần nhất để xác định giá.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Phụ lục giá đất các huyện, thị xã, thành phố

1. Phụ lục giá đất thành phố Bạc Liêu.

2. Phụ lục giá đất huyện Đông Hải.

3. Phụ lục giá đất huyện Hòa Bình.

4. Phụ lục giá đất huyện Hồng Dân.
 5. Phụ lục giá đất thị xã Giá Rai.
 6. Phụ lục giá đất huyện Phước Long.
 7. Phụ lục giá đất huyện Vĩnh Lợi.
- (Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Quy định chuyên tiếp: Trường hợp các nội dung đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024.
4. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu Ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại Biểu Quốc Hội tỉnh (giám sát);
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- CVP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Bạc Liêu, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học (đăng công báo);
- Lưu: VT, MT (QĐQPPL02).



Phan Thanh Duy

**B. BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở CÁC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
I	DỰ ÁN BẮC TRẦN HUỶNH				
1	Đường Nguyễn Công Tộc (trước Chợ Phường 1, đoạn: Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)	26.5	7,940	8,800	
2	Đường Nguyễn Thái Học (đoạn: Trần Huỳnh đến Khu Đô thị mới)	26.5	6,700	7,400	
3	Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Lê Duẩn - Hết ranh Chợ)	19.0	5,300	5,900	
4	Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Hết ranh Chợ - Nguyễn Thái Học)	19.0	4,400	4,800	
5	Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Nguyễn Thái Học - Tôn Đức Thắng)	19.0	4,400	4,800	
6	Đường Nguyễn Chí Thanh	17.0	3,170	4,400	
7	Đường Trần Văn Tấn	17.0	3,170	4,400	
8	Đường Nguyễn Thị Mười	17.0	3,170	4,400	
9	Đường Dương Thị Sáu	17.0	3,170	4,400	
10	Đường Lê Thị Hương	17.0	3,170	4,400	
11	Đường số 5, số 13	15.0	2,650	4,000	
12	<i>Đường Nguyễn Thị Minh (Đường số 1-N2 cũ)</i>	14.0	2,650	4,400	
13	<i>Đường Trương Thu Hà (Đường số 2-N2 cũ)</i>	15.0	2,650	4,000	
14	Đường Trương Văn An	10.0	2,700	3,800	
15	Đường Trần Hồng Dân	13.0	2,700	3,900	
16	Đường Nguyễn Văn Ưông (Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)	15.0	2,900	4,000	
17	Đường Nguyễn Văn Ưông (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)		2,700	3,800	
18	Đường Ninh Thạnh Lợi (Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)	10.0	2,900	3,500	
19	Đường Ninh Thạnh Lợi (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)		2,700	3,200	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
20	Đường Phạm Thị Lan (Đường số 14 cũ)	10.0	2,470	3,800	
21	Đường Huỳnh Văn Xã	10.0	2,470	3,800	
22	Đường số 17	10.0	2,470	3,800	
23	Đường Trần Văn On (đường số 11 cũ)	15.0	2,650	4,000	
II	DỰ ÁN KHU NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN				
1	Đường Nguyễn Công Tộc (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)	26.5	5,300	6,400	
2	Đường Nguyễn Công Tộc (Tôn Đức Thắng - Nguyễn Chí Thanh)	11.0	2,470	3,800	
3	Đường Châu Văn Đặng (Lê Duẩn - Trương Văn An)	19.0	5,300	6,200	
4	Đường Nguyễn Văn Uông (nối dài) (số 4 cũ)	15.0	2,650	4,000	
5	Đường Hồ Minh Luông (nối dài) (số 2 cũ)	13.0	2,470	3,900	
6	Đường Trương Văn An (nối dài) (số 3 cũ)	13.0	2,470	3,900	
7	Đường Nguyễn Chí Thanh (nối dài) (số 5 cũ)	17.0	2,470	4,400	
8	Đường Đinh Thị Tùng (số 7 cũ)	13.0	2,470	3,900	
9	Đường Phan Thị Phép (số 9 cũ)	10.0	2,470	3,800	
10	Đường Lê Thị Thành (số 10 cũ)	10.0	2,470	3,800	
11	Đường Lư Hòa Nghĩa (số 08 cũ)	10.0	2,470	3,800	
III	DỰ ÁN BẾN XE - BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG				
1	Đường Nguyễn Thông	28.0	5,300	5,800	
2	Đường Lê Thị Riêng (số 8 cũ)	28.0	5,300	5,800	
3	Đường Nguyễn Trường Tộ	21.0	4,400	4,900	
4	Đường Mậu Thân (số 7 cũ)	21.0	4,400	4,900	
5	Đường Ung Văn Khiêm (số 12 cũ)	21.0	4,400	4,900	
6	Đường Nguyễn Hồng Khanh	17.0	3,170	3,600	
7	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa	17.0	3,170	3,600	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
8	Đường Lê Đại Hành nối dài	11.0	2,300	2,900	
9	Đường Nguyễn Văn Kinh (số 3 cũ)	11.0	2,300	2,900	
10	Đường Bế Văn Đàn	11.0	2,300	2,900	
11	Đường Kim Đồng	11.0	2,300	2,900	
12	Đường Trần Bình Khuôi (số 11 cũ)	11.0	2,300	2,900	
IV	DỰ ÁN KHU CƠ ĐIỆN CŨ (PHƯỜNG 1)				
1	Đường Nguyễn Chí Thanh	17.0	4,400	5,200	
2	Đường Lê Thiết Hùng	17.0	3,500	4,500	
3	Đường Nguyễn Thị Thù	15.0	3,000	4,000	
4	Đường Tô Minh Luyện	15.0	3,000	4,000	
5	Đường Trần Văn Hộ	15.0	3,000	4,000	
6	Đường Hoà Bình nối dài	15.0	3,000	4,000	
V	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM KHU HÀNH CHÍNH				
1	Đường Ngô Quang Nhã (đường sau trụ sở UBND tỉnh)	17.0	7,000	8,000	
2	Đường Huỳnh Quảng	15.0	5,000	6,000	
3	Đường Quách Thị Kiều	10.0	4,000	5,000	
4	Đường Lương Định Của	10.0	4,000	5,000	
5	Đường Trần Thị Khéo	10.0	4,000	5,000	
6	Đường Lâm Thành Mậu	15.0	4,000	5,000	
7	Đường Ngô Thời Nhiệm	15.0	4,000	5,000	
8	Đường Nguyễn Bình Khiêm	15.0	4,000	5,000	
9	Đường Trần Văn Sớm	15.0	4,000	5,000	
10	Đường Hùng Vương (02 tuyến bên Quảng Trường Hùng Vương, đoạn từ Trần Huỳnh đến Nguyễn Tất Thành)	15.0	4,000	5,000	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
11	<i>Đường Cù Chính Lan</i>	10.0	4,000	5,000	
12	Các tuyến đường nội bộ còn lại trong dự án	10.0	4,000	5,000	
VI	DỰ ÁN KHU LÊ VĂN TÁM (PHƯỜNG 1)				
1	Các tuyến đường nội bộ trong dự án		6,700	7,300	
VII	DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI PHƯỜNG 1				
1	Đường Nguyễn Văn Linh	42.0	7,900	9,000	
2	Đường 3 tháng 2	35.0	6,700	7,600	
3	Đường Nguyễn Thái Học (nối dài)	26.5	5,300	6,200	
4	Đường 19-5	26.5	5,300	6,200	
5	Đường Bùi Thị Xuân	15.0	4,000	4,800	
6	Đường Trần Quang Diệu	15.0	4,000	4,800	
7	Đường Cao Triều Phát	15.0	4,000	4,800	
8	Đường Nguyễn Thị Định	15.0	4,000	4,800	
9	Đường Phan Đình Giót	15.0	4,000	4,800	
10	Đường Lê Khắc Xương	15.0	4,000	4,800	
11	Đường Lê Trọng Tấn	15.0	4,000	4,800	
12	Đường Lâm Văn Thê	15.0	4,000	4,800	
13	Đường Thích Hiền Giác	15.0	4,000	4,800	
14	Đường Phan Ngọc Sến	15.0	4,000	4,800	
15	Đường Nguyễn Việt Hồng	15.0	4,000	4,800	
16	Đường Nguyễn Thái Bình	15.0	4,000	4,800	
17	Đường Phạm Hồng Thám	15.0	4,000	4,800	
18	Đường Văn Tiến Dũng	15.0	4,000	4,800	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
19	Đường Trần Văn Ôn	15.0	4,000	4,800	
20	Đường Trần Đại Nghĩa	15.0	4,000	4,800	
21	Đường Phạm Ngọc Thạch	15.0	4,000	4,800	
22	Đường Tăng Hồng Phúc	15.0	4,000	4,800	
23	Đường Hoàng Cẩm	15.0	4,000	4,800	
24	Các tuyến đường còn lại lộ giới	15.0	4,000	4,800	
VIII	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 5				
1	Đường Hàm Nghi	34.0	5,300	6,000	
2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	30.0	4,400	5,000	
3	Đường Đồng Khởi	26.5	4,600	5,300	
4	Đường Bùi Thị Trường	22.5	4,400	5,000	
5	Đường Lê Quý Đôn	22.5	4,400	5,000	
6	Đường Lê Đại Hành	22.5	4,400	5,000	
7	Đường Nguyễn Trung Trực	19.0	3,500	4,200	
8	Đường Tôn Thất Tùng	17.0	3,170	3,600	
9	Đường Trần Văn Trà	17.0	3,170	3,600	
10	Đường Duy Tân	15.0	2,800	3,300	
11	Đường Nguyễn Viết Xuân	15.0	2,800	3,300	
12	Đường Nhạc Khị	15.0	2,800	3,300	
13	Đường 6A	15.0	2,800	3,300	
14	Đường Phạm Văn Kiệt	15.0	2,800	3,300	
15	Đường Nguyễn Thị Thom	15.0	2,800	3,300	
16	Đường Lê Thị Sáu	15.0	2,800	3,300	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
17	Đường Nguyễn Bình (Đường số 11B cũ)	15.0	2,800	3,300	
18	Đường Hồ Minh Luông	15.0	2,800	3,300	
19	Đường Bông Văn Dĩa	15.0	2,800	3,300	
20	Đường Phó Đức Chính	15.0	2,800	3,300	
21	Đường Mười Chức (Nọc Nạng cũ)	15.0	2,800	3,300	
22	Đường Nguyễn Tri Phương	15.0	2,800	3,300	
23	Đường Lê Thị Thê	15.0	2,800	3,300	
IX	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐÀI PHÁT THANH CŨ (PHƯỜNG 7)				
1	Đường Lâm Thị Anh (số 13 cũ)	10.0 - 17.0	7,050	7,600	
2	Đường Dương Văn Diệp (số 10 cũ)	10.0 - 17.0	7,050	7,600	
3	Đường số 11	10.0	6,150	6,800	
4	Đường số 4	7.0	5,300	5,800	
X	DỰ ÁN KHU DU LỊCH NHÀ MÁT				
1	Đường C và C1 (đường Bạch Đằng nối dài ra biển)	42.0	3,500	4,500	
2	Đường số 2, số 4 (vuông góc đường Bạch Đằng)	17.0	2,100	3,000	
3	Các đường nội bộ còn lại trong dự án	15.0	1,750	2,500	
XI	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ (02 HA) TẠI PHƯỜNG 8				
1	<i>Đường số 5 và đường số 11, đường số 9</i>	11.5	1,900	2,600	
2	<i>Đường số 12, đường số 6</i>	15.0	2,100	3,200	
3	Đường số 1	17.0	2,650	3,600	
XII	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 2				
1	Đường Phan Văn Xoàn (số 6 cũ)	34.5	6,750	7,500	
2	Đường Nguyễn Vĩnh Nghiệp (số 11 cũ)	24.0	5,300	6,000	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
3	Đường Ninh Bình (Trung tâm Phường 2)	24.0	7,200	8,000	
4	Đường Nguyễn Thị Bùi (số 3 cũ)	15.0	4,200	5,000	
5	Đường Nguyễn Bá Tụ (số 13 cũ)	14.0	3,800	4,400	
6	Đường Trần Văn Mẫn (số 3A cũ)	13.0	3,200	4,000	
7	Đường Đoàn Thị Huệ (số 3B cũ)	13.0	3,200	4,000	
8	Đường Lê Văn Năm (số 1B cũ)	10.5	2,800	3,600	
9	Đường Phạm Thị Út (số 1E cũ)	10.5	2,800	3,600	
10	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường đối diện Kinh Hồ cũ, đoạn từ kênh 30/4 đến đường Ninh Bình)	14.0	4,000	4,800	
11	Đường Lê Hồng Phong (số 8 + 14 cũ)	24.0	6,400	7,300	
12	Đường Trần Thanh Việt (số 1D cũ)	13.0	3,200	4,000	
13	Đường Nguyễn Lương Bằng (số 12 cũ)	24.0	6,400	7,300	
14	Đường Trần Văn Bình (số 1A cũ)	13.0	3,200	4,000	
15	Đường Trần Hồng Dân (số 1 cũ)	16.0	4,900	5,700	
16	Đường Nguyễn Thị Nho (số 5 cũ)	16.0	5,300	6,000	
17	Đường Trương Hán Siêu (số 4 cũ)	15.0	4,900	5,600	
18	Đường Trần Văn Đại (số 8A cũ)	24.0	6,400	7,300	
19	Đường Châu Thị Tám (số 2 cũ)	15.0	4,900	5,600	
20	Đường Hoa Lư (số 7 cũ)	13.0	3,200	4,000	
21	Đường Phan Thị Khá (số 6A cũ)	13.0	3,200	4,000	
22	Đường Nguyễn Công Thượng (số 6B cũ)	13.0	3,200	4,000	
23	Đường Nguyễn Hồng Khanh (số 6C cũ)	13.0	3,200	4,000	
24	Đường Tào Văn Ty (số 1C cũ)	10.5	2,800	3,600	
25	Đường Tạ Thị Huệ (số 11A cũ)	13.0	3,200	4,000	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
26	Đường Lê Thị Huỳnh (số 11B cũ)	13.0	3,200	4,000	
27	Đường Lê Thị Mười (số 9 cũ)	13.0	3,200	4,000	
28	<i>Đường số 10</i>	<i>16.0</i>		<i>6,000</i>	<i>Bổ sung</i>
29	<i>Đường 9A</i>	<i>16.0</i>		<i>6,000</i>	<i>Bổ sung</i>
30	<i>Đường 5B</i>	<i>16.0</i>		<i>6,000</i>	<i>Bổ sung</i>
31	<i>Đường 4B</i>	<i>16.0</i>		<i>6,000</i>	<i>Bổ sung</i>
XIII	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ GIÁP KHU TÁI ĐỊNH CƯ BÊN XE BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG PHƯỜNG 7 (KHU DÂN CƯ TRẢNG AN)				
1	Đường số 8; 11	28	6,000	7,500	
2	<i>Đường Đỗ Thị Bông (Đường số 6A cũ)</i>	12	3,400	4,000	
3	<i>Đường Thạch Thị Nương (Đường số 8A cũ)</i>	12	3,400	4,000	
4	<i>Đường Hồ Thị Nghi (Đường số 8B cũ)</i>	12	3,400	4,000	
5	<i>Đường Ngô Thị Ba (Đường số 10 cũ)</i>	14	3,800	4,300	
6	<i>Đường Trần Văn Lâm (Đường số 12 cũ)</i>	14	3,800	4,300	
7	<i>Đường Nguyễn Thị Đẹt (Đường số 16 cũ)</i>	12	3,800	4,300	
8	<i>Đường Lê Thị Mạnh (Đường số 13A cũ)</i>	12	3,400	4,000	
9	<i>Đường Hứa Thị Quán (Đường số 14 cũ)</i>	15	3,900	4,300	
10	<i>Đường Nguyễn Thị Lượm (Đường số 15 cũ)</i>	12	3,400	4,000	
11	<i>Đường Lý Thị Huệ (Đường số 13 cũ)</i>	12	3,400	4,000	
12	<i>Đường Nguyễn Việt Khải (Đường số 17 cũ)</i>	12	3,400	4,000	
13	<i>Đường Huỳnh Thị Búp (Đường số 18 cũ)</i>	14	3,800	4,300	
14	<i>Đường Tô Vĩnh Diện (Đường số 19, số 04 và 04B cũ)</i>	14	3,800	4,300	
15	<i>Đường Nguyễn Thị Dân (Đường số 19A cũ)</i>	12	3,400	4,000	
16	<i>Đường Trần Thị Viên (Đường số 19B cũ)</i>	12	3,400	4,000	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
17	Đường Huỳnh Thị Hoa (Đường số 19C cũ)	12	3,400	4,000	
18	Đường Nguyễn Thị Tiên (đường số 19D cũ)	16	3,400	4,000	
19	Đường Nguyễn Thị Tròn (Đường số 23 cũ)	16	4,000	4,300	
20	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường số 25 cũ)	13	3,700	4,200	
21	Đường Ngô Văn Ngô (Đường số 27 cũ)	13	3,700	4,200	
22	Đường Lê Thị Đồi (Đường số 29 cũ)	12	3,400	4,000	
23	Đường Nguyễn Thị Nữ (Đường số 31 cũ)	14	3,800	4,300	
24	Đường Lương Thị Tài (Đường số 31A cũ)	14	3,800	4,300	
25	Đường Mạc Thị Nhân (Đường số 33 cũ)	12	3,400	4,000	
26	Đường Nguyễn Thị Hoa (Đường số 33A cũ)	12	3,400	4,000	
27	Đường số 2; 6	14	3,800	4,300	
28	Đường số 14A, 14B	14	3,180	4,300	
29	Đường Ung Văn Khiêm	21	3,180	4,900	
30	Đường số 5, 5A, 7	12	3,180	4,000	
31	Các tuyến đường Khu nhà ở xã hội	11	3,180	4,000	
XIV	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẬP TRUNG VÀ NHÀ Ở XÃ HỘI ĐÔNG CAO VĂN LẬU (PHƯỜNG 5)				
1	Đường số 11	10.0	1,600	2,500	
2	Đường số 12	10.0	1,600	2,500	
3	Đường số 13	10.0	1,600	2,500	
4	Đường số 14	10.0	1,600	2,500	
5	Đường số 15	10.0	1,600	2,500	
6	Đường số 01	10.0	1500	2300	
7	Đường số 02	10.0	1500	2300	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
8	Đường số 03	10.0	1500	2300	
9	Đường số 07	10.0	1500	2300	
10	Đường số 08	10.0	1500	2300	
XV	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HOÀNG PHÁT				
1	<i>Đường Thị Châm (đường D1 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
2	<i>Đường Huỳnh Thị Lãnh (đường D2 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
3	<i>Đường Nguyễn Khuyến (đường D3 cũ)</i>	28	4,400	5,200	
4	<i>Đường Lê Thị Bảy (đường D4 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
5	<i>Đường Hồ Tùng Mậu (đường D5 cũ)</i>	26.6	4,300	5,000	
6	<i>Đường Trương Thị Phụng (đường D6 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
7	<i>Đường Võ Thị Tư (đường D7 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
8	<i>Đường Lê Thị Nhơn (đường D8 cũ)</i>	13	3,000	4,000	
9	<i>Đường Đào Thị Thanh (đường D9 cũ)</i>	13	3,000	4,000	
10	<i>Đường Trần Thị Chính (đường D11 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
11	<i>Đường Trần Thị Lang (đường D13 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
12	<i>Đường D12</i>	15	3,000	4,200	
13	<i>Đường Trần Thị Thanh Hương (đường D14 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
14	<i>Đường Huỳnh Thị Đê (đường D15 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
15	<i>Đường Nguyễn Thị Đương (đường D16 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
16	<i>Đường Nguyễn Thị Sen (đường D17 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
17	<i>Đường Nguyễn Thị Huệ (đường D18 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
18	<i>Đường Nguyễn Thị Hải (đường D19 cũ)</i>	15	3,000	4,200	
19	<i>Đường Nguyễn Thị Cầu (đường D20 cũ)</i>	15	3,000	4,200	

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
20	Đường Trần Thị Hạnh (đường D21 cũ)	15	3,000	4,200	
21	Đường Phạm Thị Chừ (đường N2 cũ)	15	3,000	4,200	
22	Đường Nguyễn Thị Thiên (đường N3 cũ)	15	3,000	4,200	
23	Đường Mai Thị Đáng (đường N4 cũ)	15	3,000	4,200	
24	Đường Nguyễn Tiệm (đường N5 cũ)	15	3,000	4,200	
25	Đường Nguyễn Thị Đủ (đường N6 cũ)	15	3,000	4,200	
26	Đường Hồ Xuân Hương (đường N7 cũ)	15	3,000	4,200	
27	Đường Trương Thị Cương (đường N8 cũ)	15	3,000	4,200	
28	Đường Lê Thị Đồng (đường N9 cũ)	15	3,000	4,200	
29	Đường Nguyễn Thị Cúc (đường N10 cũ)	15	3,000	4,200	
30	Đường Lê Thị Nga (đường N11 cũ)	15	3,000	4,200	
31	Đường Nguyễn Minh Nhật (đường N12 cũ)	15	3,000	4,200	
32	Đường Lê Thị Quý (đường N13 cũ)	15	3,000	4,200	
33	Đường Dương Thị Hai (đường N14 cũ)	15	3,000	4,200	
34	Đường Nguyễn Chánh Tâm (đường N15 cũ)	15	3,000	4,200	
35	Đường 19 tháng 5 (Đường 19/5)	26.5	4,300	5,000	
36	Đường Nguyễn Văn Cừ (đường Vành Đai cũ)	33	5,200	6,100	
37	Đường Võ Chí Công (đường A cũ)	35	6,700	7,500	
38	Đường 3 tháng 2 (Đường 3/2)	35	5,500	6,300	
39	Đường Nguyễn Văn Linh	42	7,900	8,500	
40	Các đường nội bộ trong dự án (đã hoàn thiện hạ tầng)	15	3,000	4,200	
XVI	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VINCOM (PHƯỜNG 7)				
1	Đường D2 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh và đường Nguyễn Đình Chiểu)	13		10,000	Bổ sung

STT	Tên đường trong dự án	Chi giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
2	Đường D1 và D4 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh)	11-13		8,750	Bổ sung
3	Đường nội bộ khu dân cư	11-13		6,200	Bổ sung
XVII	DỰ ÁN KDC CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ GÓC ĐƯỜNG HAI BÀ TRƯNG - VÕ THỊ SÁU (PHƯỜNG 3)				
1	Đường số 01, đường 02 và đường số 03	9		6,000	Bổ sung
XVIII	DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP TRÀ KHA				
1	Đường D1 (đường đầu nối ra đường Quốc lộ 1A và tuyến tránh)			3,600	Bổ sung
2	Đường N1 và đường N2 (đường đầu nối ra đường D1)			3,200	Bổ sung
3	Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng			2,800	Bổ sung
XIX	DỰ ÁN KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO PHÁT TRIỂN TÔM BẠC LIÊU				
1	Đường N1 và đường N2 (đường trục giao thông chính)	28		1,600	Bổ sung
2	Đường N3, đường N5 và đường N6 (đường trục giao thông đầu nối)	11		1,100	Bổ sung
3	Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng	5.5		750	Bổ sung

**PHỤ LỤC 01: BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở VÀ BẢNG GIÁ ĐẤT Ở CÁC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU**

A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Điện Biên Phủ	Phòng CSGT đường thủy	Võ Thị Sáu	7,900	8,500	
		Võ Thị Sáu	Trần Phú	11,500	12,000	
		Trần Phú	Lê Hồng Nhi	16,700	17,300	
		Lê Hồng Nhi	Lê Lợi	14,000	15,000	
		Lê Lợi	Cuối đường (Hết ranh Chùa Vĩnh Triều Minh)	10,600	12,000	
2	Mai Thanh Thế	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	16,700	18,000	
3	Phan Đình Phùng	Hoàng Văn Thụ	Hòa Bình	16,700	18,000	
4	Lê Lợi	Điện Biên Phủ	Hòa Bình	14,000	16,000	
		Hòa Bình	Ngô Quang Nhã (sau UBND tỉnh)	13,200	14,000	
5	Thủ Khoa Huân	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	10,600	11,500	
6	Trần Văn Thời	Ngô Gia Tự	Lê Lợi	13,200	14,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Lê Lợi	Phan Đình Phùng	5,300	6,500	
7	Lê Hồng Nhi (Đình Tiên Hoàng cũ)	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	7,050	7,500	
8	Cách Mạng	Hẻm T32 (Đối diện Chùa Sùng Thiện Đường)	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	2,650	3,000	
9	Đình Bộ Lĩnh	Nguyễn Huệ	Sông Bạc Liêu	7,050	7,500	
10	Hòa Bình	<i>Bắt đầu từ đường Lê Duẩn</i>	<i>Bắt đầu từ đường Nguyễn Thái Học</i>		15,600	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ đường Nguyễn Thái Học</i>	<i>đến đường Tôn Đức Thắng</i>	500	13,400	
11	Trần Phú	Hết ranh Bến xe	Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bạc Liêu)	16,700	17,000	
		Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bạc Liêu)	Ngã năm Vòng xoay	12,350	12,500	
12	<i>Đường Nguyễn Hữu Nghĩa (đường vào Bến xe (hướng Bắc))</i>	Trần Phú (QL 1 cũ)	Hết ranh Bến Xe	6,150	6,400	
13	Đường vào Bến xe (hướng Nam)	Trần Phú (QL 1 cũ)	Hết ranh Bến Xe	6,150	6,400	
14	Đường 23-8 (Quốc Lộ 1 cũ)	Hết ranh Cty Công trình giao thông	Cầu Sập (Cầu Dàn Xây)	4,400	5,000	
15	Đường Quốc Lộ 1	Ngã năm Vòng Xoay	Hết ranh trường Trăng Non	7,050	7,500	
		Hết ranh trường Trăng Non	Cách ranh Vĩnh Lợi 200 m	4,400	5,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		<i>Bắt đầu từ cách ranh Vĩnh Lợi 200m</i>	<i>Đến giáp ranh huyện Vĩnh Lợi</i>		4,000	<i>Bổ sung</i>
16	Đường Tránh Quốc lộ 1	Ngã năm Vòng Xoay	Đường Trà Uôl	1,750	2,600	
		Đường Trà Uôl (Giáp ranh giữa P.7 & P.8)	Cầu Dẫn Xây	1,400	2,000	
17	Nguyễn Tất Thành	Hẻm đối diện Công sau Công viên Trần Huỳnh	Hết ranh DA Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ)	4,900	5,700	
		Hết ranh DA Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ)	Trần Phú	7,050	7,500	
18	Trần Huỳnh	Tôn Đức Thắng (DA Nam S. Hậu)	Nguyễn Chí Thanh (Bờ kênh Tị)	7,050	7,500	
19	Đường Trần Bình Trọng (Đường vào nhà máy Toàn Thắng 5 cũ)	Võ Thị Sáu	Sông Bạc Liêu	4,400	4,800	
20	<i>Đường Lộc Ninh (đường Nguyễn Thái Học cũ)</i>	Trần Huỳnh	Đường Cách Mạng	5,000	5,500	
21	Tôn Đức Thắng	Cầu Tôn Đức Thắng	<i>đường Nguyễn Thị Minh Khai</i>	5,300	5,800	
22	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	Cách Mạng	Hoàng Diệu	7,050	7,500	
23	Cao Văn Lầu	Đống Đa (Dạ cầu Kim Sơn)	Thống Nhất	6,150	6,400	
		Nguyễn Thị Minh Khai	Đường vào Tịnh Xá Ngọc Liên	7,050	7,500	
		Đường vào Tịnh Xá Ngọc Liên	Miếu Thần Hoàng	4,400	4,600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Miếu Thần Hoàng	Trụ sở Bộ đội BP tỉnh	3,500	3,800	
		Trụ sở Bộ đội BP tỉnh	Đường vào Tiểu đoàn 1	3,150	3,400	
24	Bạch Đằng (Cao Văn Lầu cũ)	Kênh Trường Sơn	Đường Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	3,500	3,600	
25	Nguyễn Thị Minh Khai					
	Khu vực phường 2, phường 5	Kênh 30/04	Phùng Ngọc Liêm	5,300	5,700	
		Phùng Ngọc Liêm	Nguyễn Du	7,050	7,200	
		Nguyễn Du	Lý Văn Lâm	5,300	5,600	
26	Đường Cầu Kè P2	Kênh 30/04	Trường TH Phường 2A (cuối đường Ngô Quyền)	1,750	2,000	
		Trường TH Phường 2A (cuối đường Ngô Quyền)	Đường kênh số 04	850	950	
27	Nguyễn Thị Minh Khai (Đường Liên tỉnh lộ 38 cũ) (Khu vực phường 5)	Cầu thứ 3	Đường Lò Rèn	2,650	2,800	
		Đường Lò Rèn	Tôn Đức Thắng	2,100	2,300	
		Tôn Đức Thắng	Cầu Rạch Cắn Thẳng (Nam Sông Hậu)	1,750	1,900	
28	Khu vực xã Vĩnh Trạch	Cầu Rạch Cắn Thẳng	Đầu đường đi Xiêm Cáng	1,300	1,450	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Đầu đường đi Xiêm Cánh	Giáp ranh Vĩnh Châu, Sóc Trăng	1,050	1,200	
29	Đổng Đa	Kênh 30/04	Lý Văn Lâm	6,150	6,400	
30	Nguyễn Du	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	6,150	6,400	
31	Thống Nhất	Nguyễn Thị Cẩm	Lý Văn Lâm	7,050	7,300	
32	Hồ Thị Kỳ	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	6,150	6,400	
33	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	5,300	5,500	
34	Lý Văn Lâm	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	5,300	5,500	
35	Lê Thị Hồng Gấm	Rạch Ông Bồn	Ngã ba đi Chùa Cô Bảy	1,600	1,800	
36	Lê Thị Hồng Gấm nối dài	Ngã ba đi Chùa Cô Bảy	Cuối đường	1,050	1,200	
37	Đường hai bên rạch Ông Bồn	<i>cầu số 3 (đường Nguyễn Thị Minh Khai)</i>	Cổng Rạch Ông Bồn	1,400	1,550	
		Cổng Rạch Ông Bồn	đến hết tuyến	1,000	1,200	
38	Phan Văn Trị	Cao Văn Lầu	Lê Thị Cẩm Lệ	7,900	8,200	
39	Tô Hiến Thành	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thống Nhất (Tên gọi cũ là đường Đổng Đa)	4,400	4,600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
40	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thống Nhất (Tên gọi cũ là đường Đồng Đa)	4,400	4,600	
41	Phùng Ngọc Liêm	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	6,150	6,300	
42	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Văn Trị	6,150	6,300	
		Phan Văn Trị	Thống Nhất	3,500	3,800	
43	Nguyễn Thị Cẩm (Đường số 1 cũ (Khu Tu Muối cũ))	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	4,400	4,600	
44	Nguyễn Văn A	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	4,400	4,600	
45	Lê Thị Cẩm Lệ	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	4,400	4,600	
46	Trương Sa (Đê Biển Đông cũ)	Cầu Út Đen (Cầu Nhà Mát)	Hết ranh Trường Bán	2,100	2,300	
		Hết ranh Trường Bán	Giáp ranh huyện Hòa Bình	880	950	
47	Hoàng Sa (Đê Biển Đông cũ)	Cầu Út Đen (Cầu Nhà Mát)	Bạch Đằng	2,100	2,200	
		Bạch Đằng	Giáp ranh xã Hiệp Thành	1,750	1,900	
		Ranh xã Hiệp Thành	Ranh Sóc Trăng	1,000	1,200	
48	Lộ Chòm Xoài	Giáp ranh Hoà Bình (NT ĐHải cũ)	Cổng số 2	1,400	1,550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Cổng số 2	Kênh 30/4	1,750	1,900	
49	Đường Giồng nhần	Kênh 30/4	Miếu Cá Ông (Chùa Cá Ông)	3,500	3,700	
		Miếu Cá Ông (Chùa Cá Ông)	Trại điều dưỡng Tỉnh ủy	2,000	2,300	
		Trại điều dưỡng Tỉnh ủy	Ranh xã Hiệp Thành	1,500	1,650	
		Ranh xã Hiệp Thành	Qua ngã tư TT xã 200m	1,300	1,450	
		Qua ngã tư TT xã 200m	Ranh Vĩnh Châu, Sóc Trăng	1,100	1,300	
50	Bờ bao Kênh xáng (Phía đông)	Cầu Xáng (Đường Cách Mạng)	Vào Cổng Thủy Lợi	2,100	2,300	
51	Đường Ngô Quyền (Bờ Tây Kênh 30/4 cũ)	Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - P2)	Kênh Bộ Đội	1,500	1,700	
		Kênh Bộ Đội	Đường Cầu Kè	1,400	1,550	
		Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - P2)	Kênh Trường Sơn (Cầu Thành Đội)	1,200	1,350	
52	Đường Nội bộ số 01	Đường Bạch Đằng	Kênh 30/4	1,400	1,550	
53	Đường Kênh xáng (bờ sông BL-CM)	Kênh Giồng Me	Cầu treo Trà Kha	1,400	1,550	
		Cầu treo Trà Kha	Giáp ranh Vĩnh Lợi	1,050	1,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
54	Hẻm bờ sông Bạc Liêu - Cà Mau	Đoàn Thị Điểm (Phường 3)	Hẻm chùa Tịnh Độ	1,200	1,350	
55	Đường Cầu Sập - Ngan Dừa	Cầu Sập (Phường 8)	Cổng Cầu Sập (Phường 8)	1,200	1,350	
56	Đường Trà Vãn	Đầu lộ ngã 5 Vòng xoay	30 m đầu	4,400	4,600	
			60 m tiếp theo	2,650	2,900	
			300 m tiếp theo	1,750	1,900	
			Đoạn còn lại	1,200	1,350	
57	Đường Lò Rèn	Đập Lớn	<i>Nguyễn Thị Minh Khai</i>	1,600	1,600	
58	Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - P2)	Đường Ngô Quyền (Bờ Tây Kênh 30/4 cũ)	Giáp ranh Hòa Bình	880	950	
59	Đường Trà Kha B (Phường 8)	Cầu Treo Trà Kha	Miếu Ông Bồn	1,400	1,550	
		Miếu Ông Bồn	Chùa Khánh Long An	1,050	1,200	
60	Đường ra chùa Xiêm Cáng	<i>đường Nguyễn Thị Minh Khai</i>	Chùa Xiêm Cáng	1,050	1,200	
61	Đường VT2	Cầu Vĩnh An	Cầu Ông Ghịch	880	950	
		Cầu Ông Ghịch	Giáp ranh VTĐ	700	800	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Giáp ranh VTĐ	Cách đường Giồng Nhãn 200 m	700	800	
		Cách đường Giồng Nhãn 200m	Đường Giồng Nhãn	1,050	1,200	
62	<i>Đường VT2 (đoạn đường Nguyễn Thị Minh Khai)</i>	Cầu Vĩnh An (đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Sông Bạc Liêu	880	950	
63	Đường VTĐ2	Kênh rạch Cản Thăng (Giáp ranh xã Hiệp Thành)	<i>Đường đi từ Nguyễn Thị Minh Khai đi chùa Xiêm Cáng</i>	700	800	
64	Đường nhánh song song kênh Rạch Thăng (phường 5)	Cầu Rạch Thăng	Kênh Ông Nô	1,400	1,550	
		Kênh Ông Nô	Giáp ranh xã Hiệp Thành	1,050	1,200	
		Cầu Rạch Thăng	Sông Bạc Liêu	700	800	
65	Đường nhánh song song kênh Rạch Thăng (xã Vĩnh Trạch)	Cầu Rạch Thăng	Giáp ranh xã Vĩnh Trạch Đông	900	1,000	
		Cầu Rạch Thăng	Sông Bạc Liêu	700	800	
66	Đường dẫn lên cầu Vĩnh An	<i>đường Nguyễn Thị Minh Khai</i>	Kênh Vĩnh An	900	1,000	
67	Đường Công Điền - Bờ Xáng	<i>đường Nguyễn Thị Minh Khai</i>	Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu	900	1,000	
		Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu	Cống Bờ Xáng	580	650	
68	Hẻm chùa Tam Sơn	Cầu rạch Cản Thăng	Sông Bạc Liêu	1,400	1,550	



STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
69	Đường Trà Uôl	Đường vào trạm Vật lý Địa cầu (Đường số 11 DA Bến xe)	Ranh Phường 8	880	950	
		Đầu đường Trà Uôl	Giáp ranh Thị trấn Châu Hưng - VL	700	770	
70	Các đoạn hẻm bờ sông Bạc Liêu-Cà Mau	Trần Huỳnh (Giáp Phường 3)	Cầu treo Trà Kha	1,400	1,550	
		Cầu treo Trà Kha	Cầu Dẫn Xáy	1,200	1,350	
71	Chùa Khomer	Cầu chùa Khomer	Giáp ranh Phường 7	1,400	1,500	
72	Đường Tân Tạo					
73	Phía Bắc đường tránh thành phố	Cách đường tránh thành phố 30 m	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,050	1,200	
74	Đường Dẫn Xáy (Trà Kha B)	Vàm Dẫn Xáy	Giáp ranh Phường 2	880	950	
75	Tuyến lộ Nhà Kho	Đường Cao Văn Lầu	Đường Đê Lò Rèn	1,000	1,150	
		Đường Đê Lò Rèn	Giáp ranh xã Vĩnh Trạch Đông	700	770	
76	Tuyến lộ Du lịch sinh thái	Đường Giồng Nhãn	Đường VT2	700	770	
77	Đường cầu Thảo Lạng ra sông Bạc Liêu	<i>Từ cầu Thảo Lạng (đường Nguyễn Thị Minh Khai)</i>	Đến sông Bạc Liêu	580	650	
78	Đường đi Xóm Làng An Trạch Đông	<i>đường Nguyễn Thị Minh Khai</i>	Đến cầu xóm làng An Trạch Đông	580	650	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
79	Đường đi ấp Thảo Lạng và Bờ Xáng	<i>đường Nguyễn Thị Minh Khai</i>	Trường tiểu học Vĩnh Trạch	790	850	
			Trường tiểu học Vĩnh Trạch	620	700	
80	Đường đi chùa Kim Cầu	<i>đường Nguyễn Thị Minh Khai</i>	Chùa Kim Cầu	880	950	
81	Đường đi ấp Công Điền và An Trạch Đông	Từ cầu Tư Cái	Đến Lộ An Trạch Đông (Lộ Xóm Làng)	580	650	
82	Lộ Giồng Nhãn (Giáp ranh Sóc Trăng)	Đường Giồng Nhãn	Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	880	950	
83	Đường Giồng Me	Kênh 30/04	Vào 500m	1,200	1,300	
		Đoạn còn lại	Giáp ranh xã Vĩnh Hậu A huyện Hòa Bình	700	770	
84	Đường Võ Thị Chính (Đường Bà Chủ cũ)	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường vào Tịnh xá Ngọc Liên	1,400	1,500	
85	Lộ Trà Khứa	Cầu Đúc	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,200	1,300	
86	Đường kênh số 4	Đường Giồng Me	Đường Đặng Văn Tiểu (Sáu Huấn)	700	770	
87	Đường Tập Đoàn I (Tạm gọi)	Kênh số 4	Lộ Bờ Tây	700	770	
88	Đường Bộ Đội (Tạm gọi)	Kênh số 4	Lộ Bờ Tây	700	770	
89	Đường Hứa Hòa Hưng (Ba Hưng) (Đường vào sân chim cũ)	Đường Cao Văn Lầu	Khu du lịch sinh thái Vườn Chim	1,600	1,700	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
90	Đường Tạ Thị Hai	Lộ Giồng Nhãn	Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	1,200	1,300	
91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía bắc Kênh Hờ cũ)	Kênh 30/4	Cao Văn Lầu	2,650	2,800	
92	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía nam Kênh Hờ cũ)	Đường Ninh Bình	Cao Văn Lầu	2,650	2,800	
93	Đường dọc theo Kênh Hờ (P5) Hướng Bắc kênh	Cao Văn Lầu	Hết đường nhựa	2,100	2,200	
94	Đường Xóm Lá (tạm gọi)	Giáp ranh phường 8	Đường Giồng Me	700	770	
95	Đường cầu Tràng An (nối dài) phường 2	Đường Ngô Quyền	Kênh 30/4	1,050	1,200	
96	Đường kênh xương cá, phường 2	Đường Giồng Me	Đường Xóm Lá	700	770	
97	Đường dẫn 2 bên cầu Tôn Đức Thắng, phường 5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Tôn Đức Thắng	1,050	1,200	
98	Đường dẫn 2 bên cầu Tôn Đức Thắng, phường 1	Đường Cách Mạng	Sông Bạc Liêu	1,800	1,900	
99	<i>Đường mòn nhựa (phường 1)</i>	<i>Bắt đầu từ đường 3/2</i>	<i>Đến cuối đường</i>		2,300	<i>Bổ sung</i>
100	<i>Đường khu trung tâm thương mại (phường 2)</i>	<i>Hết tuyến</i>			4,500	<i>Bổ sung</i>
101	<i>Đường kênh Ông Bồn - Cao Văn Lầu (phường 5)</i>	<i>Bắt đầu từ kênh Ông Bồn</i>	<i>Đến Đường Cao Văn Lầu</i>		2,000	<i>Bổ sung</i>
102	<i>Đường Kênh I</i>	<i>Bắt đầu từ đường Ngô Quyền</i>	<i>Đến kênh Nam Định</i>		750	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
103	Đường Kênh 2	Bắt đầu từ đường Ngô Quyền	Đến kênh Nam Định		750	Bổ sung
104	Đường Kênh Tập Đoàn 7	Bắt đầu từ đường Ngô Quyền	Đến nhà ông Sơn Hà		750	Bổ sung
105	Đường Bùi Thị Xưa	Bắt đầu từ đường Nguyễn Văn A	Đến Đường Nguyễn Thị Cẩm Lệ		4,000	Bổ sung
106	Đường Ngô Quyền nối dài	Bắt Đầu từ cầu Thành Đội (cầu Trường Sơn)	Đến đường Trường Sa (khóm Bờ Tây, Nhà Mát)		750	Bổ sung

PHỤ LỤC 02

**BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI
THỊ TRẤN, ĐÀU MỎI GIAO THÔNG, TRUNG TÂM XÃ
HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU NĂM 2020 - 2024**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	THỊ TRẤN GÀNH HÀO					
1	Phan Ngọc Hiến	Bắt đầu từ xí nghiệp Đông Lạnh (đoạn bờ kè)	Đến bến phà Rạch Cóc	500	800	
		Bắt đầu giáp Đường Lê Thị Riêng (tuyến trụ sở ấp 1)	Đến cầu Rạch Dục Giữa	1,500	2,700	
		Bắt đầu từ cầu Rạch Dục Giữa	Đến ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5)	3,000	4,200	
		Bắt đầu từ ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5) (Nhà ông Tô Văn Bé)	Đến cầu Chà Là	3,000	4,200	
		Bắt đầu từ cầu Chà Là (trên lộ)	Đến bến phà Rạch Cóc	2,000	3,200	
2	Đường Ngọc Điền	Bắt đầu từ giáp Lê Thị Riêng (Biên Phòng Gành Hào)	Đến ngã 4 huyện ủy	2,500	3,700	
		Bắt đầu từ ngã 4 huyện ủy	Đến sông Gành Hào	3,100	4,500	
3	Đường Lê Thị Riêng	Bắt đầu từ ngã 3 Mũi Dùi	Đến Bờ Kè (giáp nhà ông Nguyễn Văn Cây)	1,100	1,800	
4	Đường 19 tháng 5	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiến (ngã ba cây xăng Kim Tiến)	Đến đường Lê Thị Riêng (Ngã 3 Mũi Dùi)	3,000	4,500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Đường 1 tháng 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (ngã ba Cảng Cá)	Đến giáp đường Ngọc Điền (cặp nhà ông Phạm Văn Đà)	1,200	1,900	
6	Đường số 2	Bắt đầu từ ngã ba (Sáu Thoàng)	Đến ngã ba (nhà may Duy Phan)	1,500	2,150	
		Bắt đầu từ ngã ba (nhà may Duy Phan)	Đến giáp đường Ngọc Điền (nhà Sơn hớt tóc)	2,500	4,200	
7	Đường số 4	Đường hai bên nhà lồng chợ thị trấn		2,600	4,500	
8	Đường số 8 (Hương Lộ)	Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (Ngã 3 Mũi Dùi)	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (mé bên bờ kênh lộ làng)	600	1,000	
9	Đường số 10 (lò heo)	Bắt đầu từ giáp đường Ngọc Điền	Đến Kênh Liên Doanh	550	830	
10	Khu Trung tâm Thương mại thị trấn Gành Hào	Hai bên dãy nhà đối diện Lồng chợ Trung tâm Thương mại Gành Hào		3,200	5,200	
11	Đường giáp ranh trụ sở UBND huyện	Bắt đầu từ giáp đường Phan Ngọc Hiền (Quán nước Đầm Hẹn)	Đến giáp đường bê tông	2,700	4,000	
12	Đường đối diện nhà các hộ dân	Bắt đầu từ giáp Đường Phan Ngọc Hiền (Nhà May Thi)	Đến giáp đường bê tông	2,700	4,000	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Thúy	Đến hết ranh đất nhà bà Huỳnh Thị Bích	1,800	2,650	
13	Đường ấp 4	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Chạy (Đốc Cầu Liên Doanh)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Sáu	650	850	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
14	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất Chùa Hải Tịnh	Đến ngã tư Trụ sở cũ	650	850	
		Bắt đầu từ ngã tư Trụ sở cũ	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Chu Văn An	900	1,280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Lụa	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Quốc Tuấn	650	850	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Hoàng Mến	Đến hết ranh đất nhà bà Văn Thị Bắc	650	850	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đọt	Đến hết ranh đất nhà ông Tiêu Phong Kim	650	850	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hết	650	850	
15	Đường số 5	Bắt đầu từ cầu Rạch Dục ngoài	Đến đường Phan Ngọc Hiền (ngã 3 cầu Rạch Dục Giữa)	1,300	1,700	
16	Đường ông Sắc (ấp 2)	Bắt đầu cách đường Ngọc Điền 30 m	Đến ranh đất nhà ông Lê Văn Hải	2,500	3,650	
17	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Ngọc Bích	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Thất	500	700	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Phú	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Sáu	500	700	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Bàng	Đến ranh đất nhà bà Mai Thị Chi	500	700	
18	Đường ấp 3 (dãy trước)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến ngã 4 huyện ủy	900	1,270	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến ngã huyện ủy	600	800	
		Bắt đầu từ ngã 4 của hàng xe Thành Mỹ	Đến sông Gành Hào	2,200	3,000	
20	Đường ấp 1 đến ấp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Cây (đường Lê Thị Riêng, diềm bờ kè tiếp giáp sông Gành Hào)	Đến Xí nghiệp đông lạnh	1,400	1,900	
21	Đường ấp 5	Bắt đầu từ ngã ba Mũi Dùi	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (đường hương lộ 9)	600	800	
22	Đường ấp 3	Bắt đầu từ khu sản xuất tôm giống (giáp đồn biên phòng Gành Hào)	Đến kênh Liên Doanh	800	1,050	
23	Đường ấp 4	Khu tái định cư 2ha giáp ranh Chi cục Thi hành án, Công an huyện		600	800	
24	Đường 2	Bắt đầu từ Hai bên dãy nhà lồng cũ (nhà bà Nguyễn Thị Chạy và bà Trần Thị Dung)	Đến tiếp giáp bờ kè	1,000	1,400	
25	Đường ấp 4 (tiếp giáp sông Gành Hào)	Bắt đầu từ tiếp giáp bến phà Tân Thuận	Đến cầu Gạch Cóc	500	700	
26	Đường ấp 4 giáp đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ ngã 3 vật liệu xây dựng Hữu Lộc	Đến vòng xoay Cảng Cá Gành Hào	1,000	1,370	
27	Đường ấp 4 giáp đường 19/5	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hồng (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	800	1,050	
		Bắt đầu từ ranh đất bà Huỳnh Kim Hoa (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	800	1,050	
28	Đường ấp 3 (01)	Bắt đầu từ đất ông Khuru Minh Luân (giáp đường Ngọc Điền)	Đến kênh Liên Doanh (đất ông Huỳnh Thanh Nguyên)	300	500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
29	Đường ấp 2 (tiếp giáp dãy nhà phía sau chợ Gành Hào)	Bắt đầu từ bà Huỳnh Ngọc Liên (ngã ba đường số 12)	Đến nhà bà Trịnh Ngọc Diệp (tiếp giáp đường kênh Ông Sát)	1,000	1,300	
30	Đường ấp 2 (02): 02 hẻm giáp 02 mặt hướng bắc và hướng nam của trụ sở UBND ấp 2	Bắt đầu Tiếp giáp đường số 13	Đến tiếp giáp bờ kè	1,000	1,300	
31	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Lũy	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Minh Tâm	700	950	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Khuôn	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Dũng (tiếp giáp đường kênh Ông Sát)	500	700	
32	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Ánh Phan (giáp bờ kè)	Hết ranh đất Trường tiểu học Chu Văn An	900	1,150	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cội (giáp đường 23)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Minh Đức (giáp đường số 50, đường bổ sung)	600	800	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Dợi	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Liên (giáp đường số 28)	400	630	
33	Tuyến đường nhà ông Bền đồn biên phòng Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến giáp đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trụ sở Ấp 1 cũ		280	Bổ sung
34	Tuyến hẻm dãy nhà khu dân cư Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến nhà ông Nguyễn Hồng Nhật		280	Bổ sung
35	Tuyến đường nhà ông Nguyễn Ngọc Ân Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trụ sở Ấp 1 cũ		280	Bổ sung
36	Tuyến hẻm nhà ông Ba Đức, Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường lộ Làng (trụ sở-ấp 1 cũ)	Đến nhà ông Phan Văn Đức		280	Bổ sung
37	Tuyến hẻm nhà Bà Quý, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến nhà ông Đỗ Kim Phụng		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
38	Tuyến hẻm nhà Bé Sáu Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến sau trường Chu Văn An		280	Bổ sung
39	Tuyến hẻm nhà bà Mỹ, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu Rạch vượt ngoài	Đến sau trường Chu Văn An		280	Bổ sung
40	Tuyến hẻm giáp bờ kè Ấp 2	Bắt đầu từ đường bờ kè Cầu Rạch vượt ngoài đến bến phà Tân Thuận	Đến nhà ông Nguyễn Văn Định		280	Bổ sung
41	Tuyến đường nhà ông Lê Phước Dũng, Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Mai Thị Kim Chi - Lê Văn Bàng		280	Bổ sung
42	Tuyến hẻm nhà ông Trần Lợi, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiến (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường 6 Thoàng - Duy Phan		280	Bổ sung
43	Tuyến hẻm nhà ông Nguyễn Văn Út, Ấp 2	Bắt đầu từ nhà ông Trần Lợi đến nhà ông Nguyễn Văn Mười Hai	Đến nhà ông Ngô Văn Cường		280	Bổ sung
44	Tuyến hẻm nhà ông Huỳnh Văn Song, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiến (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường Kênh Ông Súc		280	Bổ sung
45	Tuyến hẻm nhà trọ Phú Xuân, ấp 2	Bắt đầu từ đường Trần Ngọc Bích đến đập ông Phạm Văn Thất	Đến đường từ kênh ông Súc đến nhà ông 5 Cu Le		280	Bổ sung
46	Tuyến hẻm nhà ông Quyền, ấp 2	Bắt đầu từ đường Đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm		280	Bổ sung
47	Tuyến hẻm nhà ông 8 Mãn, Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Ngọc Điền		280	Bổ sung
48	Tuyến hẻm khu tập thể giáo viên, ấp 3	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm		280	Bổ sung
49	Tuyến hẻm, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Hồ nước cũ xí nghiệp Đông Lạnh đến ngã 4 huyện ủy	Đến giáp nhà ông Phan Minh Nhứt		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
50	Tuyến hẻm cầu Liên Doanh, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc		280	Bổ sung
51	Tuyến hẻm Xóm Đào Lớn, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Chà Là)	Đến nhà ông Lý Thanh Phương		280	Bổ sung
52	Tuyến hẻm Xóm Đào Nhỏ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Chà Là)	Đến nhà bà Hồ Kim Anh		280	Bổ sung
53	Tuyến hẻm trụ sở ấp 4 cũ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc		280	Bổ sung
54	Tuyến hẻm nhà ông 6 Đàng, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Chà Là)	Đến giáp đường 1 tháng 3 (đối diện TAND)		280	Bổ sung
55	Tuyến hẻm nhà ông Đặng Văn Hải, ấp 4	Bắt đầu từ đường 1 tháng 3	Đến giáp nhà ông Đặng Văn Hải		280	Bổ sung
56	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường Huỳnh Kim Hoa đến Lê Văn Trắng	Đến đường nhà ông Quách Văn Túc		280	Bổ sung
57	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường 19 tháng 5	Đến đường Phan Ngọc Hiển		280	Bổ sung
58	Tuyến hẻm khu dân cư, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Lâm Văn Đông		280	Bổ sung
59	Tuyến đường Lô 8, ấp 5	Bắt đầu từ đường lộ 19 tháng 5	Đến giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ		280	Bổ sung
60	Tuyến đường Kênh Chệt, ấp 5	Bắt đầu từ cầu Kênh Chệt	Đến giáp nhà ông Phạm Văn Thiệu		280	Bổ sung
61	Tuyến đường bờ Giá ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Đoàn Văn Hồ		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
62	Tuyến đường Kênh 3, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến kênh Chệt		280	Bổ sung
63	Các tuyến đường-khu Nhà ở-kết hợp thương mại dịch vụ thị trấn Gành Hào (đã hoàn thiện hạ tầng đường)					
	Đường số 14A				3,800	Bổ sung
	Đường số 13				4,000	Bổ sung
	Các tuyến đường còn lại				1,900	Bổ sung
64	Các tuyến đường khu dân cư Gành Hào					
	Đường số 03				4,500	Bổ sung
	Các tuyến đường còn lại				4,000	Bổ sung
II	XÃ LONG ĐIỀN ĐÔNG					
1	Ấp Bửu II	Bắt đầu từ ngã tư Chợ Cống Xĩa	Đến 200m hướng về Cầu Trường Điền (hộ Mã Thanh Đoàn)	1,000	1,800	
		200m hướng về Cầu Trường Điền (Hộ Trần Văn Tâm)	Đến cầu Trường Điền	600	950	
		Bắt đầu từ ranh đất hộ Mã Thanh Đoàn	Đến hết ranh đất hộ Trần Văn Tâm	700	1,100	
		Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến cầu Phước Điền	400	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Áp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Trường Diên	Đến quý Diên (Bửu Đông)	300	500	
		Bắt đầu từ cổng Tư Đàn	Đến đê Biển Đông	400	600	
3	Áp Bửu I, áp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Hai Được	Đến giáp Lộ Xóm Lung Cái Cùg	350	530	
		Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Lê Quý Đôn	Đến giáp Lộ nhựa Bửu I	400	600	
4	Đường Cống Xĩa - Kinh Tư	Bắt đầu từ ngã tư Cống Xĩa	Đến 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	1,000	1,800	
		Từ 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	Đến giáp ranh xã Diên Hải	600	950	
		Bắt đầu từ cầu qua UBND xã	Đến ranh đất nhà Ông Nguyễn Thành Được	600	900	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Thành Được	Đến Đê Biển Đông	400	600	
5	Áp Bửu II, áp Trường Diên	Bắt đầu từ cầu Trường Diên	Đến cầu Dầu Bờ	250	280	
6	Áp Minh Diên, áp Trung Diên	Bắt đầu giáp ranh xã Long Diên	Đến cầu Lâm Thiết-cầu Trung Diên (cũ)	250	280	
7	Áp Cái Cùg-Vĩnh Diên, Bửu II, Trường Diên	Bắt đầu giáp ranh xã Vĩnh Thịnh (đê Biển Đông)	Đến giáp ranh xã Diên Hải	400	520	
8	Áp Bửu I, Bửu II	Bắt đầu từ ngã 4 Chợ Cống Xĩa	Đến cầu Hai Được	650	850	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
9	Áp Bửu II	Bắt đầu từ ngã Tư Cống Xĩa	Đến cầu qua Ủy ban xã	650	900	
10	Hòa Đông (ấp Trung Điền)	Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền)	Đến giáp ranh xã Long Điền	330	420	
11	Lộ nhựa Xóm Lung - 2 Được	Bắt đầu từ Lộ Nhựa	Đến đê Trường Sơn	250	280	
12	Đường Đào (ấp Cái Cùng - Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Tâm Hồng (cấp lộ nhựa)	Đến đê Trường Sơn	250	280	
13	Tuyến đập đá Lãm Thiệt (ấp Bửu 1-Minh Điền)	Bắt đầu từ cầu Lãm Thiệt	Đến cầu Trường Điền	320	380	
14	Đường Năm Lén (ấp Bửu Đông)	Bắt đầu từ cầu Năm Lén	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiêu	250	280	
15	Tuyến Ông Đàn - Út Chiêu (ấp Bửu Đông)	Bắt đầu từ cầu Ông Đàn	Đến ranh đất nhà Ông Nguyễn Văn Chiêu	250	280	
16	Đường Kinh Giữa (ấp Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Kinh Giữa (ấp Bửu 1-Bửu 2)	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngô Văn Nững	250	280	
17	Đường Trại mới (ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ đê Biển Đông	Đến cầu đê Trường Sơn	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Đầu bờ (lộ nhựa)	Đến đê Trường Sơn	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường đé Trường Sơn (ấp Cái Cù, Vĩnh Điền, Bù 2, Trường Điền)	Bắt đầu Giáp ranh Kinh Xáng xã Vĩnh Thịnh	Đến giáp ranh xã Điền Hải	400	530	
19	Tuyến Trung Điền cũ - Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền - Bù Đông)	Đến giáp đường đan nhà Ông Nguyễn Văn Chiêu	250	280	
20	Đường Hai Vũ	Bắt đầu từ cầu Hai Vũ	Đến cầu Kinh Ngang Hòa Đông	300	340	
21	Tuyến Kênh Ngang - Hòa Đông	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang	Đến lộ Hòa Đông	250	280	
22	Tuyến Cầu Lãm Thiết	Bắt đầu từ cầu Lãm Thiết	Đến cầu Kênh Ngang	250	280	
23	Tuyến Đầu Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiêm	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Văn Ký (ấp Trung Điền)	250	280	
24	Đường Đập đá - Lãm Thiết (ấp Minh Điền - Trung Điền - ấp Bù I)	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến hết ranh đất Trường THCS Lê Quý Đôn	300	340	
25	Tuyến đường Ao Lớn	Bắt đầu từ cầu Ao Lớn	Đến giáp Kênh Đập Đá	250	280	
26	Tuyến đường Kênh Giữa (2 Minh) ấp Vĩnh Điền	Bắt đầu từ cầu nhà Liễu ấp Bù I	Đến cầu Đường Đào (2 Lãm)	250	280	
27	Tuyến đường số 3 lớn ấp Bù II	Bắt đầu từ đê Biền Đông	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thuận	250	280	
28	Tuyến đường ruộng muối ấp Trường Điền	Bắt đầu từ cầu Đầu Bờ (Nguyễn Sơn Lợi)	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Trúc Phương	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
III	XÃ LONG ĐIỀN ĐÔNG A					
1	Áp Mỹ Điền	Bắt đầu từ ngã ba Ngân Điền	Đến cầu Mỹ Điền	600	800	
		Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến hết ranh đất nhà Ông Trần Văn Út	700	870	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Trần Văn Út	Đến hết ranh đất Nhà mô	400	520	
		Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến cầu ông Đốc	300	350	
		Bắt đầu từ ranh chợ Mỹ Điền	Đến Ba Ngựa áp 1	250	280	
2	Tuyến Miếu Ông Tà	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Ông Tà	Đến cầu Mỹ Điền 3	250	280	
3	Áp Hiệp Điền	Bắt đầu từ cống tư Đản	Đến Đầu voi Xóm Lung	400	460	
		Bắt đầu từ Càng Bà Công	Đến mũi Giá giáp Long Điền	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đản	Đến Hòa-Đông - Long Điền	250	280	
4	Áp 1	Bắt đầu từ Đầu voi Xóm Lung	Đến Rạch Bà Già	250	280	
5	Áp 2	Bắt đầu từ Cầu ông Chiến	Đến hết ranh đất nhà máy Sáu Luôn	250	280	
		Bắt đầu từ Cầu Đực Thịnh	Đến cầu Hai Cầm	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
6	Áp 3	Bắt đầu từ Đầu lộ nhựa áp III-bến phà Việt Trung	Đến lộ nhựa ngã 3 Ngăn Điền	250	280	
7	Áp 4	Bắt đầu từ ranh Trường Tiểu học 4A	Đến hết ranh Trường Tiểu học 4B-Trụ sở ấp 4	250	280	
		Bắt đầu từ Cầu lộ cũ -đường Chín Tém	Đến Rạch Bà Già	250	280	
8	Tuyến 2 Phụng - Trịnh Văn Tám	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Phụng	Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Tám	250	280	
9	Áp Châu Điền - Ngăn Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Long Điền	Đến ngã ba Ngăn Điền	400	450	
10	Áp Châu Điền - Phước Điền	Bắt đầu từ Ngã ba Châu Điền	Đến cầu Phước Điền	400	450	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoành	Đến Chà Là-Long Điền, ra cầu 6 Nghiệp	250	280	
11	Tuyến Xóm Chùa (ấp Phước Điền)	Bắt đầu từ ranh đất Trường THCS Long Điền Đông B	Đến hết ranh đất nhà ông 5 Chơi	250	280	
IV	XÃ LONG ĐIỀN					
1	Khu vực chợ Cây Giang	Bắt đầu từ Trạm cấp nước sạch	Đến Đình Thần (giáp Trường TH-Nguyễn Bình Khiêm)	1,200	1,700	
2	Cây Giang - Châu Điền	Bắt đầu từ Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)	Đến đầu cầu Chín Bình	800	1,200	
		Bắt đầu từ cầu Chín Bình	Đến giáp ranh xã Long Điền Đông A	500	730	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3	Hương lộ Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Rạch Rắn (Giáp ranh Phường 1)	Đến cầu Rạch Giồng	750	1,100	
		Bắt đầu từ cầu Rạch Giồng	Đến Cầu Tư Cồ	700	1,000	
		Bắt đầu từ cầu Tư Cồ	Đến giáp ranh xã Diên Hải	1,500	1,800	
4	Cầu Rạch Rắn - Cầu Vịnh	Bắt đầu từ cầu cầu Rạch Rắn	Đến Cầu Vịnh	500	700	
5	Áp Rạch Rắn - Thạnh Trị	Bắt đầu từ cầu Vịnh	Đến kinh Xáng Hộ Phòng	400	600	
6	Thạnh An - Cây Dương	Bắt đầu từ cầu Miếu Bà Thù	Đến Cầu Đường Đào	300	340	
7	Đường Long Điền Tiến	Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiến (giáp Giá Rai - Gành Hào)	Đến Cầu Ngã Tư	400	450	
8	Thạnh II - Cây Dương	Bắt đầu từ cầu Ngã Tư	Đến Cầu Đường Đào	350	400	
9	Hòa I - Đại Điền	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến Cầu Thanh Niên	250	280	
10	Đại Điền - Công Điền	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Cầu Trường THCS Phan Ngọc Hiến	250	280	
11	Đường lộ Cây Dương A - Kênh Tư Cồ	Bắt đầu từ cầu 5 Duyên	Đến giáp lộ Gành Hào - Hộ Phòng	250	280	
12	Đường Giá Cắn Bày	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh Phường 1	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13	Đường lộ nhóm 6	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Bà Thủy	Đến giáp phường Hộ Phòng	250	280	
14	Đường Chà Là	Bắt đầu từ giáp Lộ chợ Cây Giang	Đến đường cống Chín Tài	250	280	
		Bắt đầu từ đường cống Chín Tài	Đến giáp xã Long Điền Đông	250	280	
15	Đường Cầu Đình	Bắt đầu từ giáp lộ Chợ Cây Giang	Đến giáp ranh ấp 4, xã Long Điền Đông A	250	280	
16	Tuyến Thọ Điền	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp co nhà Ba Trường	250	280	
17	Đường GTNT Công Điền - Mười Xứ, xã Long Điền	Bắt đầu từ ngã ba 10 Xứ	Đến giáp ranh nhà Ông Bảy Xứ	250	280	
18	Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh II, xã Long Điền	Bắt đầu từ cầu Hòa Thạnh	Đến Long Điền Tiến, lộ nhựa	250	280	
19	Tuyến Đan Thạnh 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Châu Thanh Đồi	Đến Ngã 3 Sông Công Điền	250	280	
20	Đường Hộ Phòng-Gành Hào	Bắt đầu từ Ấp Dầu Lú	Đến cầu kênh Chùa ấp Cây Dương A	500	900	
V	XÃ ĐIỀN HẢI					
		Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Điền	Hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng (hai bên)	2,000	2,500	
		Bắt đầu từ hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng	Đến hết ranh đất Trường mẫu Giáo	2,500	3,500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Tuyến Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ hết ranh đất Trường mẫu Giáo	Đến cầu Trại Sò	1,500	2,500	
		Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Điện Hải (Gò Cát)	1,500	2,500	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Điện Hải (Gò Cát)	Đến hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	1,500	2,000	
		Bắt đầu từ hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	500	1,000	
2	Long Hà - Khâu	Bắt đầu từ đầu lộ HTX ấp Long Hà	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	300	500	
3	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu từ tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiêm	1,700	2,500	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiêm	Đến đầu lộ mới	1,500	2,000	
		Bắt đầu tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Điệp	2,000	3,000	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Điệp	Đến tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu	1,500	2,500	
		Tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	1,000	1,300	
4	Kinh Tư - Long Điền Đông	Bắt đầu từ giáp Hương lộ	Đến cầu Kinh Tư 2	1,200	1,800	
		Bắt đầu từ cầu Kinh Tư 2	Đến giáp ranh xã Long Điền Đông	600	1,050	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Áp Bờ Càng - Doanh Điền	Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà 5 Vinh	320	380	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà 5 Vinh	Đến hết ranh đất nhà bà Hương	280	300	
6	Đường dự án muối	Bắt đầu từ kinh Dân Quân	Đến trạm Bơm số 3	300	350	
7	Đê Trường Sơn (Áp Gò Cát)	Bắt đầu từ ngã 3 Chùa Linh Ứng (đê Trường Sơn)	Đến giáp ranh xã Long Điền Đông	400	480	
8	Áp Gò Cát	Bắt đầu từ công ty Tôm giống số 1	Đến cầu Gò Cát (Nhà ông Nguyễn Hoàng Vũ)	500	680	
9	Đường dự án muối	Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến chùa Linh Ứng	330	390	
10	Đê Trường Sơn - Gò Cát - Long Điền Đông	Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Điền Đông	Đến kênh Huyện Kế	400	540	
11	Đường Trước UBND huyện (mới)	Bắt đầu từ vòng xoay nhà ông Trục	Đến vòng xoay nhà bà Tuyết	2,000	2,800	
12	Đường 2 dãy nhà thu nhập thấp (nhà ở xã hội)	Hết tuyến		1,000	1,850	
13	Đường Cầu Cháy	Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	300	380	
14	<i>Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng</i>	<i>Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Diêm Điền)</i>	<i>Đến sông Kênh Tư - Khâu</i>		<i>1,500</i>	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ giáp sông Kênh Tư - Khâu</i>	<i>Đến kênh Trại Sò</i>		<i>800</i>	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ kênh Trại Sò</i>	<i>Đến đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Long Hà)</i>		<i>500</i>	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
VI	XÃ LONG ĐIỀN TÂY					
1	Áp Thuận Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	1,000	1,300	
		Bắt đầu từ hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	Đến giáp ranh xã Điền Hải	650	740	
		Bắt đầu từ lộ Long Hà (Cầu Khâu cũ)	Đến giáp ranh xã Điền Hải	300	330	
		Bắt đầu từ giáp với lộ nhựa Khâu - Kinh Tư	Hết ranh đất nhà bà Lâm Thị Vân (Vịnh Hóc Ráng)	300	330	
2	Áp Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Vinh Cậu	500	550	
		Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Trung ương Đoàn	400	450	
3	Áp An Điền - Bình Điền	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến kinh 3 (giáp ranh thị trấn Gành Hào)	1,050	1,300	
4	Áp Canh Điền	Bắt đầu từ Phà Rạch Cóc (giáp ranh TT Gành Hào)	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)	1,000	1,250	
		Bắt đầu từ cầu Vinh Cậu	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	300	350	
5	Tuyến Kinh 2 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Mười	Đến hết ranh đất nhà Ông Võ Văn Viễn	250	280	
6	Tuyến Kinh 3 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Độ (Cầu TW Đoàn ấp Thanh Hải)	300	330	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ cầu Kinh (ấp Bình Điền)	Đến hết ranh đất trường TH Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	300	330	
8	Tuyến Hai Liêm (ấp An Điền)	Bắt đầu từ trường Tiểu Học Bình Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ Bình	250	280	
9	Tuyến Ông Nham (ấp An Điền)	Bắt đầu từ ranh đất trại Giồng Dương Hùng	Đến cầu TW Đoàn ấp An Điền	250	280	
10	Tuyến Nách Ông Tường	Bắt đầu từ cầu Khâu (Trạm Y Tế)	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Tông	250	280	
11	Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Nghị	250	280	
12	Tuyến An Điền	Bắt đầu từ cầu Mười Chiến	Giáp ranh ấp Long Hà - Điền Hải	300	330	
13	Tuyến Xóm Rẫy	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Sự	250	280	
14	Tuyến Lập Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Hai Dẫn	Đến hết ranh đất nhà ông Trí Cụt	250	280	
15	Tuyến Cây Mét	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Nhỏ	250	280	
16	Tuyến Kinh Giữa	Bắt đầu từ cầu Trung ương đoàn Canh Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Lực	300	330	
17	Tuyến Kênh Ngang - Vườn Chim	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Nhật Nam	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Màu	300	330	
18	Tuyến Khai Hoang	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Đến hết ranh đất nhà ông Tạ Văn Thiều	250	280	
20	Tuyến Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn	Đến cầu Vinh Cậu (Xóm lá)	350	380	
21	Nách ông Tường (đoạn cuối)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông La Văn Tông	Đến hết ranh đất nhà ông La Văn Bá	250	280	
22	Tuyến Ô rô	Bắt đầu từ cầu Trung Ương đoàn Canh Điền	Đến cầu Huyện Đoàn	250	280	
23	Gạch Cóc - Khâu Giòng	Bắt đầu từ cầu Gạch Cóc	Đến cầu Khâu Giòng	250	280	
24	Trường TH Trần Đại Nghĩa - BP Lam Điền	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Trần Đại Nghĩa	Đến bến phà Kênh Xáng	250	280	
25	Lô 6 - Tập đoàn dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hội	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đạt	250	280	
26	Cầu huyện Đoàn - BP Vàm Xáng	Bắt đầu từ cầu huyện Đoàn	Bến phà Vàm Xáng	250	280	
27	Đồng cóc, ấp Vinh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Vui	250	280	
28	Kênh Hội đồng Ty - Cầu Rau Muống	Bắt đầu từ kênh Hội đồng Ty	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Cừ	250	280	
29	Nách nhà ông Tường - Kênh thầy 5 Vi rô	Bắt đầu từ cầu nách Ông Tường	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Minh Đầu	250	280	
30	Nhà ông 6 Màu - Nhà ông Sĩ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Màu	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sĩ	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
31	Hóc Ráng - Huy Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Xuân	Đến Huy Điền	250	280	
32	Tuyến Bà Tham	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Hên	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hữu	250	280	
33	Tuyến Lập Điền - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tấn Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Tạng	250	280	
34	khv vực 11 nhà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng	Đến hết ranh đất nhà bà Vưu Thị Hương	250	280	
35	Tuyến 7 Tho - Hăng nước đá ông Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Tho	Đến hết ranh đất Hăng nước đá ông Sơn	250	280	
36	Kinh Trà Côn	Bắt đầu từ cầu Trà Côn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình	250	280	
37	Tuyến Vàm kinh Chệt - nhà ông Sơn	Bắt đầu từ Vàm kinh Chệt	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Sơn	250	280	
38	Tuyến nhà ông 6 Sĩ - Kênh chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Sĩ	Đến bến phà Kênh Chùa	250	280	
39	Đường Hộ Phòng-Gành-Hào	Bắt đầu từ cầu kênh Chùa giáp ranh xã Long Điền	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)		900	<i>Bổ sung</i>
VII	XÃ AN TRẠCH					
1	Thành Thương-Thành Thương A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Luyến giáp lộ nhựa tuyến An Trạch - Định Thành	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng (Vàm Bộ Buổi)	420	490	
2	Văn Đức A-Văn Đức B-Anh Dũng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tính	Đến hết ranh trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	300	330	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3	Văn Đức B Hoàng Minh A-Hoàng Minh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng	Đến hết ranh trường Tiểu học Hiệp Thành (Hoàng Minh)	300	330	
4	Văn Đức A-Văn Đức B-Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đến kênh Điện-Cô Ba	250	280	
5	Áp Hoàng Minh A	Bắt đầu từ cầu nhà bà Tạ Thị Gấm	Đến kênh Hiệp Thành	250	280	
6	Thành Thương-Văn Đức A	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Ca Thị Bánh	Đến giáp ranh Cây Thè, xã Định Thành	500	570	
7	Áp Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ngã Ba áp Anh Dũng	Đến cầu treo giáp ranh xã An Trạch A	250	280	
8	Đường GTNT Văn Đức A, xã An Trạch	Bắt đầu từ giáp lộ nhựa 3m5 (Nhà ông Tạ Văn Sáng)	Đến cầu ngã 3 lầu	300	340	
		Bắt đầu từ cầu ngã 3 Lầu	Đến Áp Lung Xinh	250	280	
VIII XÃ AN TRẠCH A						
1	<i>Đường liên ấp Thành hương B đến ấp Thành Thương C</i>	Bắt đầu từ cầu Vàm Bộ Bưởi (ấp Thành Thương B)	Đến cầu Kênh Bầy Gỗ (ấp Thành Thương C)	350	480	
2	<i>Đường liên Ấp Thành Thương B đến ấp Ba Mến</i>	Từ Đình Nguyễn Trung Trực (Thành Thương B)	Đến cầu ngã ba Kênh Tây (Ba Mến)	300	400	
3	Áp Ba Mến A	Bắt đầu từ cầu Treo (Ba Mến A)	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Sở (Ba Mến A)	250	280	
4	<i>Áp 1, Đường kênh Giáo Quang</i>	<i>Bắt đầu từ Trường Tiểu Học Giáo Quang</i>	<i>Đến Cầu 10 Nghĩa</i>	250	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Đường liên ấp Ba Mến đến Ấp 2	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã	Đến kênh nhà nước	250	350	
6	Ấp 2, Kênh Nhà Nước	Bắt đầu từ kênh-6 Thước (Nhà ông Lý Văn Mến)	Đến cầu Láng Đước (Nhà ông Võ Văn Lén)	250	280	
7	Ấp Ba Mến đến ấp Quyết Chiến, Quyết thắng	Bắt đầu từ Đầu Họa Đổ	Đến Xóm Trà Thê, Gạch ông qua Trường học Kênh Xáng	250	300	
8	Tuyến Kênh Xáng Hộ Phòng - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh Khóm 3 - phường Hộ Phòng	Đến Cây Xăng Ấp 2	250	300	
9	Đường GTNT Vàm Bộ Buổi - Kênh Tây, xã An Trạch A	Bắt đầu từ Lộ nhựa	Đến cầu Kênh Tây	350	370	
10	Tuyến Kênh Giữa	Bắt đầu từ Lộ đal giáp đường bê tông 3,5 mét	Đến nhà ông Đường Văn Thừa	300	320	
11	Chệt Khọt - Bùng Bình - Giã Rít	Bắt đầu từ Cầu Chệt Thọt	Đến Ngã Ba nhà ông Lê Minh-Đáng, nhà ông Huỳnh Văn Tánh	300	320	
12	Tuyến Gạch Ong - Trà Thê	Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Nghiệp	Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc		280	Bổ sung
13	Ấp Thành Thường B, kinh Lung Nhất	Bắt đầu từ nhà bà Trần Bé Hai	Đến nhà ông Đào Văn Khởi		280	Bổ sung
14	Ấp Ba Mến A, Phía Bắc Kinh Tây	Bắt đầu từ Nhà ông Nguyễn Văn Khởi	đến Nhà bà Nguyễn Thị Chín		280	Bổ sung
15	Ấp 1, Kinh Sáu Thước Nhỏ	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Cuôi	Đến nhà bà Lê Ngọc Thâm		280	Bổ sung
16	Ấp 1, kinh Ba Tỉnh	Bắt đầu từ nhà ông Đào Văn Út	Đến nhà ông Nguyễn Minh Vương		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
17	Áp Quyết Chiến, Kinh Ba Tĩnh	Bắt đầu từ Miếu Ba Tĩnh	Đến Cầu Vàm kinh Ba Tĩnh		280	Bổ sung
18	Áp 2, kinh Trà Ké	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Dương	Đến nhà ông Lê Văn Chính		280	Bổ sung
19	Áp 2, Kinh Thanh Niên	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Cường	Đến nhà ông Võ Văn Cận		280	Bổ sung
20	Áp Ba Mến	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Nghét	Đến nhà ông Huỳnh Văn Rợ nối dài ấp Thành Thường B		280	Bổ sung
21	Áp Ba Mến, tuyến Kinh Cùg	Bắt đầu từ nhà bà Nguyễn Thị Luyến	Đến nhà bà Già Thị Ảnh		280	Bổ sung
22	Tuyến Chệt Bắc	Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Mến A	Đến nhà ông Trần Thanh Sơn		280	Bổ sung
23	Áp 2	Bắt đầu từ Trường tiểu học Giáo Quang	Đến kênh Sáu Thước Lớn		280	Bổ sung
24	Áp Quyết Thắng, Giá Rít	Bắt đầu từ nhà ông Lương Văn Út	Đến Tạp Hóa xanh Ngọc Lan		280	Bổ sung
IX	XÃ ĐỊNH THÀNH					
1	Tuyến Lung Xinh	Bắt đầu từ Công Sáu Tiểu	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Đẩu		260	Bổ sung
		Bắt đầu từ công chào ấp Lung Xinh	Đến Công chào ấp Cây Thê		260	Bổ sung
2	Tuyến Xóm Chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ Thánh tịnh Hắc Long Môn	Đến Cầu Hai Sang ấp Cây Giá		300	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Toàn	Đến trụ sở Ấp Lung Chim		300	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3	Tuyến Kinh Xáng - Chòi Mòi	Bắt đầu từ Cầu Ba Tòa (giáp ranh xã An Phúc)	Đến Cầu xã Thàng (Ngã ba Long Phú)		280	Bổ sung
4	Tuyến Trạm cấp nước - Xóm chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ giáp đường An Trạch - Định Thành - An Phúc	Đến tiếp giáp tuyến Xóm chùa - Lung Chim (Nhà ông Lê Văn Toàn đến trụ sở ấp Lung Chim)		600	Bổ sung
X	XÃ ĐỊNH THÀNH A					
1	Kinh Xáng Cống	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Nhạc-ấp Lung Rong (Giáp ấp 4, xã Tác Vân, Thành phố Cà Mau)	Đến ngã 3 Đầu Xáng cống, ấp Kinh Xáng	300	420	
2	Đường Lung Lá - Cây Sộp, xã Định Thành A	Bắt đầu từ UBND xã Định Thành A	Đến cầu BT (Ngã 3 Cây Sộp)	250	310	
3	Tuyến Đầu Xáng Cống - Phan Mẫu - Cái Xu	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến cống Cái Xu	250	300	
4	Tuyến kênh Sáng - kênh Ngang	Bắt đầu từ Đầu Kênh Sáng	Đến hết Kênh Ngang		280	Bổ sung
5	Tuyến kênh Phan Mẫu - Lung Lá	Bắt đầu từ đầu Cầu Phan Mẫu	Đến rạch Lung Lá		280	Bổ sung
6	Tuyến rạch Láng Xéo	Bắt đầu từ Cầu Lung Rong	Đến Cầu Hùng Liễu		280	Bổ sung
XI	XÃ AN PHÚC					
1	An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)	Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	600	720	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	Đến Cầu Bà Tòa	500	600	
		Bắt đầu từ Cầu Cái Keo	Đến Vàm Xáng	500	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	<i>An Phúc - Định Thành ĐH.55</i>	<i>Bắt đầu từ cầu Cái Keo</i>	Đến cầu Hai Miên	500	600	
		Bắt đầu từ cầu Hai Miên	Đến cầu Xã Thàng	250	375	<i>Bổ sung</i>
3	Đông Cái Keo	Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu	300	340	
		<i>Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu</i>	<i>Đến Nhà ông Trần Liên An</i>		280	<i>Bổ sung</i>
4	<i>Tuyến Xã Thàng - Mười Chì</i>	Bắt đầu từ cầu Xã Thàng	<i>Đến ranh đất ông Trần Văn Sơn</i>	250	280	
		<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sơn</i>	<i>Cầu Mười Chì</i>	250	375	
5	Đường Kênh Đê xã An Phúc	Bắt đầu từ cầu Rạch Bần	Đến kinh 773 Phước Thắng	250	375	
6	Vàm Sáng - 6 Thước	<i>Bắt đầu từ đường nhựa ĐT.982</i>	<i>Đến kênh Sáu Thước</i>	250	280	
7	Đầu kênh Cái Keo - Hết kênh Huyện Tịnh	Từ đầu kênh Cái Keo	Đến hết kênh Huyện Tịnh	250	280	
8	Kênh Hai Nhiệm	<i>Bắt đầu từ Cầu Phước Thắng A</i>	<i>Đến hết ranh đất nhà ông Hà Hồng Thanh</i>	250	280	
		<i>Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Năm</i>	<i>Đến ranh đất nhà ông Tống Văn Thái</i>		250	<i>Bổ sung</i>
9	Kênh số 1	Bắt đầu từ ranh trường THCS Lương-Thế Vinh (Điểm lẻ - ấp Minh Thìn)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lực	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
10	Cổng Đá	<i>Bắt đầu từ Cầu Trung Ương Đoàn</i>	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Linh	250	280	
11	<i>Cự Gà (Đường An Phúc - An Trạch: DH.53)</i>	<i>Bắt đầu từ Cầu Cự Gà</i>	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thức (giáp xã An Trạch)	250	280	
12	Tuyến Khúc Chéo - Giếng Sen - 5 Quờn	<i>Bắt đầu từ Cầu Khúc Tréo</i>	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quờn	250	280	
13	Kênh Gốc Khai	<i>Bắt đầu từ Cầu Gốc Khai</i>	<i>Đến Cầu Ba Hòa</i>	250	375	
		<i>Bắt đầu từ Cầu Ba Hòa</i>	<i>Đến Chùa Lá</i>	250	280	
14	Lung Su	<i>Bắt đầu từ Cầu Lung Su</i>	Đến kênh Nhà nước (giáp xã An Trạch)	250	280	
15	Ngã Tư Lung Su - Kênh số 1	<i>Bắt đầu từ Cầu Hội Đồng Hương</i>	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khởi	250	280	
16	Lợi Điền	<i>Bắt đầu từ Cầu Lợi Điền</i>	Đến bến phà ông Trần Văn Hiền	250	280	
17	Ngã Tư Lợi Điền - Kênh số 1	<i>Bắt đầu từ Cầu Bắc Lợi Điền</i>	<i>Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Quấn</i>	250	375	

**BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI
THỊ TRẤN, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRUNG TÂM XÃ
HUYỆN HÒA BÌNH - TỈNH BẠC LIÊU**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	THỊ TRẤN HÒA BÌNH					
1	Đường Lê Thị Riêng (Trung tâm chợ)	Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến cầu Hoà Bình 2 (Phía TT thương mại)	4,500	6,500	
		Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến hết Cầu Hoà Bình 2 (Phía nhà 2 Nghiêm)	4,500	6,500	
2	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cầu Cái Tràm (Giáp ranh H. Vĩnh Lợi)	Đến đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hồng Đông)	2,900	3,700	
		Bắt đầu từ đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hồng Đông)	Đến đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	3,800	5,200	
		Bắt đầu từ đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	Đến đường Lê Thị Riêng (Đèn xanh đèn đỏ)	4,500	5,700	
		Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (Đèn xanh đèn đỏ)	Đến cầu Đìa Chuối	3,800	5,200	
		Bắt đầu từ qua cầu Đìa Chuối	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B	2,300	3,400	
3	Hẻm 1 (Đường nhà ông Đoàn Thanh Bắc)	Quốc lộ 1A	Bờ sông kênh Bạc Liêu- Cà Mau	300	400	
4	Đường Nhạc Khị (đường vào Láng Giài)	Quốc lộ 1A lộ dưới	Đến cầu Láng Giài	400	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Đường Bàu Sen	<i>Bắt đầu từ trụ sở ấp Láng Giài</i>		300	400	
6	Đường Nguyễn Trung Trực (đường vào Láng Giài A)	Quốc lộ 1A lộ trên		400	550	
7	Hẻm 3 (nhà ông Suốt)	Quốc lộ 1A		300	400	
8	Đường 30/4 (đường Trại tạm giam)	Quốc lộ 1A		800	1,200	
9	Đường Trần Huỳnh	Quốc lộ 1A		800	1,200	
10	Đường Trần Huỳnh (Nội Ô Khu Dân Cư)	Quốc lộ 1A		800	1,200	
11	Đường cấp Huyện Ủy	Quốc lộ 1A		600	1,000	
12	Đường Lê Quý Đôn (Đường Trg. Tiểu học Hòa Bình A)	Quốc lộ 1A		800	1,200	
13	<i>Hẻm 2 (Lộ nhà ông Tư Thắng) ấp thị trấn A1</i>	<i>Quốc lộ 1A</i>		320	380	
14	<i>Đường Trần Văn Lâm - Đường Sân vận động (ấp thị trấn A)</i>	<i>Quốc lộ 1A</i>		550	850	
15	<i>Hẻm 4 (Lộ 1c cấp Bưu Điện) ấp thị trấn A1</i>	<i>Quốc lộ 1A</i>		400	600	
16	<i>Đường cấp Hội Đông Y ấp thị trấn A</i>	<i>Quốc lộ 1A</i>		750	1,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
17	Hẻm 6 (Hẻm Phòng Tài chính cũ) Ấp thị trấn A1	Bắt đầu từ phòng Tài chính cũ	Đến hết ranh đất nhà ông Quận	300	420	
18	Hẻm 8 (Đường nhà ông Bùi Huy Chúc) Ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Đến kênh Chùa cũ	300	400	
19	Hẻm nhà bà Ky	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Trường	300	400	
20	Hẻm 10 (Đường Hoà Bình-Minh Diệu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Chấn	Đến giao lộ	400	800	
21	Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình - Minh Diệu)	Quốc lộ 1A(Đèn xanh đèn đỏ)	Đến giao lộ	800	3,000	
		Bắt đầu từ giao lộ (ngã ba nhà ông Hào)	Đến cầu Hàng Bần	620	1,800	
		Cầu Hàng Bần	Đến giáp ranh xã Minh Diệu	350	1,000	
22	Đường 19/5 (Đường quây hàng Thanh niên)	Quốc lộ 1A	Đến kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	3,500	4,000	
23	Đường 1/5 (Đường chợ giữa)	Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Quý (Quốc lộ 1)	Đến công chợ mới	3,500	4,000	
24	Hẻm 7 (Đường nhà Bác sĩ Lầu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bác sĩ Lầu (Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Phước (lộ Kênh Xáng CM-BL)	350	400	
25	Hẻm 9 (Đường cấp Chùa Mới) Ấp thị trấn B	Quốc lộ 1A	Đến kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau	350	450	
26	Đường cấp Bệnh Viện	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Tươi	300	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
27	Hẻm 12 (Cầu Đĩa Chuối) Ấp thị trấn B1	Quốc lộ 1A	Đến giáp ranh ấp 15, xã Vĩnh Mỹ B	280	320	
28	Hẻm 16 (Đường nhà ông Bành Út)	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Phước	280	320	
29	Đường 3/2 (Đường cạp Kênh Xáng)	<i>Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình</i>	<i>Đến chùa Hoà Bình mới</i>	750	900	
		<i>Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình</i>	<i>Đến sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)</i>	750	900	
		<i>Bắt đầu từ sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)</i>	<i>Đến hết ranh Khu Dân Cư ven sông</i>	520	650	
		<i>Bắt đầu hết ranh Khu Dân Cư ven sông</i>	<i>Đến vựa cát đá ông Hiệp</i>	400	500	
30	Đường Nhà Ba Cống	Bắt đầu từ ranh đất trường mầm non Hoa Hồng	Đến đường Lò Gạch (Nhà Sáu Giáo)	500	800	
31	Lộ giáp khu Lò Gạch	Bắt đầu từ ranh đất nhà Hai Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Công Già	400	480	
32	Đường nhà ông Liêu Tài Ngoánh	Bắt đầu từ sân vận động	Đầu lộ vào chợ Hòa Bình (nhà ông Bắc)	400	550	
33	Bây Tập Kết	Bắt đầu từ sông kênh Xáng Bạc Liêu Cà Mau	Đến hết ranh đất nhà ông Cao Cừ	480	600	
34	Đường Đông Thắng	<i>Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực</i>	Đến hết ranh đất nhà ông Nhân	300	400	
35	Đường Cựa Gà	<i>Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực</i>	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ	280	350	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
36	Lộ nhà ông Phước	<i>Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực</i>	<i>Đến hết ranh đất nhà ông Một</i>	280	400	
37	Đường nhà ông Năm Thanh	Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ	Đến hết ranh đất Ấp thị trấn A1	300	500	
		<i>Bắt đầu hết ranh đất Ấp thị trấn A1</i>	<i>Đến cầu Đoàn Thanh Niên Láng Giài</i>	300	400	
38	Tuyến đường sau chùa cũ	Bắt đầu từ cầu Sơn Lợi	Đến chùa cũ	300	350	
39	Đường Chùa cũ- Láng Giài	Bắt đầu từ cầu Lâm Út	<i>Đến đường Nhạc Khị (Láng Giài)</i>	400	600	
40	Ấp Thị trấn B	<i>Bắt đầu giáp hẻm 9</i>	Đến hết ranh đất nhà ông Lược (QL1)	350	400	
41	<i>Đường vào trụ sở Ấp thị trấn B</i>	<i>Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ</i>	Đến trụ sở ấp thị trấn B	300	800	
42	Hẻm cập nhà ông Hai Nghiêm	<i>Bắt đầu giáp đường Lê Thị Riêng</i>	Đến hết ranh đất nhà bà Điệp	320	400	
43	<i>Đường kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu</i>	Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Thạnh (huyện Vĩnh Lợi)	Đến kênh 6 Tập (xã giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A)	450	550	
44	<i>Đường kênh 30/4</i>	Bắt đầu từ ranh đất Trại cây Năm Hiền	Đến Ấp Toàn Thắng - Vĩnh Hậu	300	500	
45	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Bắt đầu từ cầu Hoà Bình 2	Đến hết ranh đất điện lực	460	3,000	
		<i>Bắt đầu hết ranh đất Điện Lực</i>	<i>Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A</i>	400	1,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
46	Đường Phan Thị Tư (Lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A)	Bắt đầu từ ngã ba đường Lê Thị Riêng	Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	400	2,000	
		Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A	400	1,000	
47	Áp Chùa Phật	Bắt đầu từ cầu Dương Châu	Đến kênh ông Bầu	300	380	
48	Tuyến Xóm Chạy	Bắt đầu từ lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Xưa	300	380	
49	Rạch Miếu Bà	Bắt đầu từ cầu Cái Tràm	Đến kênh Cái Phóc	300	400	
50	Kênh 18 Thước (ấp Thị trấn A1 ấp Láng Giài)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cô Hạnh	Đến hết ranh đất nhà Cô Ba	250	300	
		Bắt đầu từ kênh 18 thước	Đến giáp ấp 21, xã Minh Diệu		280	Bổ sung
51	Tuyến đường Ấp Láng Giài A - giáp xã Long Thạnh	Bắt đầu từ nhà ông Sáu Nhỏ	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Quý		280	Bổ sung
II	XÃ MINH DIỆU					
1	Tuyến đường ấp 21	Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Hoà Bình	Đến nhà ông Nghiêm	500	800	
		Bắt đầu từ nhà ông Nghiêm	Đến nhà ông Thông	700	1,000	
		Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến chùa Địa Chuối đường đi xã Vĩnh Bình	320	450	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Tuyến đường ấp Ninh Lợi	Bắt đầu từ nhà ông Thông	Đến cầu Đoàn Thanh Niên	450	800	
3	Đường Trảng Bèo	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dương Văn Thạch	Đến hết ranh đất nhà Ngô Thị Út Hồng (giáp ranh xã Vĩnh Hưng-Vĩnh Lợi)	250	280	
4	Tuyến đường ấp 21	Bắt đầu từ cầu giữa (nhà ông Nguyễn Văn Kỳ)	Đến cầu Thanh Niên (nhà ông Trang Văn Út)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm	Đến giáp ấp Thị trấn B-Thị trấn Hoà Bình	250	280	
5	Tuyến đường Ấp 33	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến cầu Cẩm Vân	320	450	
6	Tuyến xóm Trại	Đầu cầu nhà ông 3 Oai	Đến vàm Xã Xín (nhà ông Nhường)	250	280	
7	Đường Cầu Miếu ấp 33, ấp 36	Bắt đầu từ cầu Miếu ấp 33	Đến cầu nhà bà Lù	250	280	
8	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Báy Phát	Đến công nhà ông Bảo (Giáp ranh xã Vĩnh Hưng)	500	800	
9	Tuyến ấp 36	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Đực	Đến Ấp 38 giáp Láng Giải	250	350	
10	Tuyến ấp 33	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Kiều	Đến ngã tư Trà Co (nhà ông Kía)	250	500	
11	Tuyến cầu Ba Bồi	Bắt đầu từ cầu Bà Bồi	Đến hết ranh đất nhà bà Tú Anh	250	300	
12	Tuyến ấp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến đầu cầu Tư Quân	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13	Tuyến Ninh Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 3 Huy	Đến hết ranh đất nhà ông Chệt	250	280	
14	Tuyến ấp Cá Rô - 37	Bắt đầu từ cầu ông Cảnh	Đến hết ranh đất nhà ông 3 Thiện	250	280	
15	Tuyến ấp Trà Co – Hậu Bồi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Huấn	250	280	
16	Tuyến Hậu Bồi 1- Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà Sáu Lương	Đến đầu cầu nhà ông Mạnh	250	280	
17	Tuyến Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Mạnh	Đến đầu cầu nhà ông Trường	250	280	
18	Tuyến ấp 37	Bắt đầu từ cầu nhà Sơn Đình	Đến cầu nhà ông Tùng, Giáp xã Long Thạnh (Vĩnh Lợi)	250	280	
19	Tuyến ấp 38	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chót (Ngã tư Bàu Sen)	Đến hết ranh đất nhà ông Đèo	250	280	
20	Đường ấp Hậu Bồi 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà ông Út Chiến	250	280	
21	Đường ấp 37	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc	250	280	
22	Ấp Nam Hưng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Oai	Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Thanh	250	280	
23	Ấp Nam Hưng-ấp Cá Rô	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hậu	Đến cầu ông Phạm Thanh Hải	250	280	
24	Ấp Hậu Bồi 1	Bắt đầu từ cầu Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Gọn	200	260	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
25	Áp 36	Bắt đầu từ Miếu áp 36	Đến hết ranh đất nhà bà Chín Hiệm	200	260	
26	Áp Cá rô-áp 36	Bắt đầu từ cầu Chùa	Đến cầu ông Ân	200	260	
27	<i>Tuyến đường Cùi, Áp 37 - 38</i>	<i>Bắt đầu từ cầu ông Ba Thành</i>	<i>Đến nhà ông Long</i>	200	260	
28	Áp 37-áp 36	Bắt đầu từ cầu Tư Khiêu	Đến cầu ông Sung	300	400	
29	Áp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ứng	Đến hết ranh đất nhà ông Dũng	200	260	
30	<i>Tuyến đường áp Trà Co - Hậu Bồi II</i>	<i>Bắt đầu từ nhà Bà Màu</i>	<i>Đến nhà Bà Út</i>		280	<i>Bổ sung</i>
31	<i>Tuyến đường Cá rô, Áp Cá rô</i>	<i>Bắt đầu từ cầu nhà ông Tư Hanh</i>	<i>Đến nhà ông Khởi (cầu Từ Thiện)</i>		260	<i>Bổ sung</i>
32	<i>Tuyến đường áp Trà Co - Cá rô</i>	<i>Bắt đầu từ cầu Xà Nâu</i>	<i>Đến nhà ông Dương</i>		260	<i>Bổ sung</i>
III	XÃ VINH MỸ B					
1	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh Thị trấn Hòa Bình	Đến hết ranh đất Nhà thờ	2,100	3,000	
		Bắt đầu từ hết ranh đất Nhà thờ	Đến cầu số 2	2,300	2,800	
		Bắt đầu từ cầu số 2	Đến cầu số 3	2,500	3,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ cầu số 3	Đến cầu Xóm Lung	1,800	2,400	
2	Lộ tè tránh dốc cầu số 2	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (ngã 3)	3,000	3,800	
3	Lộ cũ	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (Ngã 3)	1,000	1,400	
4	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ giao lộ (Ngã 3)	Đến cống Tư Lù	900	1,200	
		Bắt đầu từ cống Tư Lù	Đến giáp xã Vĩnh Bình	750	900	
5	An Khoa – An Thành	Quốc lộ 1	Đến cầu ông Ớt	400	520	
6	An Khoa – An Thành	Bắt đầu từ cầu ông Ớt	Đến hết ranh đất nhà ông Tới	250	300	
		Bắt đầu từ cầu ông Ngươn	Đến cầu ông Kim	250	300	
		Bắt đầu từ cầu ông Kim	Đến giáp thị trấn Hòa Bình	250	300	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tới	Đến kênh ông Đon	250	300	
		Bắt đầu từ kênh ông Đon	Đến cầu Nhà ông 6 Hoài	250	300	
		Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thắng	Đến cầu Thanh Niên	250	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7	Đường xóm Lung- Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu xóm Lung	Đến cầu Tư Chứa	250	300	
8	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2	Bắt đầu từ cầu Chệt Niêu	Đến cầu Vĩnh Phong 21	350	440	
		Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong 21	Đến giáp ranh thị xã Giá Rai	250	300	
		Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thi	Giáp ranh thị xã Giá Rai	250	300	
9	Đường Đải Loan	Quốc lộ 1	Đến kênh HB 24	300	360	
10	Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Quốc lộ 1	Đến cống cầu số 2	300	400	
		Bắt đầu từ cống cầu số 2	Đến giáp ranh xã Vĩnh Bình	250	400	
		Bắt đầu từ cống chào HB24	Đến cầu nhà ông Đồi	250	300	
11	Đường Cây	Bắt đầu từ cầu 3 Cuối	Đến cầu Cây Dương	250	300	
		Bắt đầu từ cầu nhà ông Tùng	Đến cầu nhà ông Nguơn	250	300	
		Bắt đầu từ cầu Nhà ông Việt	Đến hết ranh trụ sở HTX Vĩnh Cường	250	300	
		Bắt đầu từ cầu số 3	Đến cầu Út Duy	250	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu từ cầu Út Duy	Đến cầu Cây Dương	250	300	
		Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Công Tiến	250	300	
		Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Hải	250	300	
13	Đông Lớn 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Thuyền	Đến cầu nhà bà Sương	250	300	
14	Tuyến bờ kinh Vĩnh Phong 21	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hưng	Đến cầu Hàng Me	250	300	
15	<i>Tuyến đường cây</i>	<i>Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Thất</i>	<i>Đến nhà ông Huỳnh Văn Khuôl</i>		300	<i>Bổ sung</i>
16	<i>Tuyến kênh Vĩnh Phong 21 (bờ Nam)</i>	<i>Bắt đầu từ cầu Út Duy</i>	<i>Đến nhà ông Lý Văn Chạy</i>		300	<i>Bổ sung</i>
17	<i>Tuyến sau nhà thờ</i>	<i>Bắt đầu từ giáp Quốc Lộ 1A (nhà Ông Chính)</i>	<i>Đến giáp Quốc lộ 1A (nhà ông Tuấn)</i>		300	<i>Bổ sung</i>
18	<i>Tuyến An Khoa - An Thành</i>	<i>Bắt đầu giáp lộ An Khoa - An Thành</i>	<i>Đến nhà ông Võ Văn Nam</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ cầu Ông Kim</i>	<i>Đến nhà ông Danh Khel</i>		280	<i>Bổ sung</i>
19	<i>Tuyến cây Dương - Đông Lớn 1</i>	<i>Bắt đầu từ cầu nhà ông Ngô Đông Xía</i>	<i>Đến kênh 900</i>		280	<i>Bổ sung</i>
20	<i>Tuyến Đông Lớn 1</i>	<i>Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Thanh Sang</i>	<i>Đến nhà ông Huỳnh Minh Điền</i>		280	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
21	Tuyến Đồng Lớn 2	Bắt đầu từ Cầu Trường Học	Đến nhà bà Đặng Thị Lụa		280	Bổ sung
22	Tuyến đường Xóm Lung - Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu Láng Tranh	Đến nhà ông Nguyễn Ngọc Tĩnh		280	Bổ sung
23	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu Ba Châu	Đến kênh TNNĐ		280	Bổ sung
24	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu giáp cầu Ông Te	Đến cầu nhà ông Thành		280	Bổ sung
25	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến giáp kênh Vĩnh Phong 17		280	Bổ sung
IV	XÃ VĨNH BÌNH					
1	Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	700	880	
		Từ hết ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	Đến Lộ tè 18-19	1,000	1,250	
		Bắt đầu từ lộ tè 18-19	Đến giáp ranh huyện Phước Long	700	880	
2	Lộ tè	Bắt đầu từ lộ Vĩnh Mỹ-Phước Long	Đến hết ranh đất nhà ông Cường	700	800	
3	Lộ tè	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng	Đến cống Bảy Quán	700	800	
4	Lộ tè đi Minh Diệu	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến cầu Chùa Địa Chuối	310	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Lộ Kế Phòng- Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến trụ sở ấp Mỹ Phú Nam	310	380	
6	Tuyến Kênh HB 16	Bắt đầu từ kênh HB 16 (đầu kênh)	Đến kênh HB 16 (cuối kênh)	310	380	
7	Tuyến Kênh HB 18	Bắt đầu từ cầu ống Minh (kênh HB 18)	Đến kênh HB 18 (cuối kênh)	250	280	
8	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu nhà ống Đầy	Đến cầu Trung Ương Đoàn	310	380	
9	Lộ Thạnh Hưng II- Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến giáp xã Hưng Phú	250	280	
10	Đường Cây Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà 2 Miên	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyệt	250	280	
11	Tuyến Cây Đông Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mót	Đến hết ranh đất nhà bà Lài	250	280	
12	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến giáp kênh HB	250	280	
13	Lộ tè Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm	Đến giáp Vĩnh Mỹ B	250	280	
14	Tuyến ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Chùa Địa Chuối	Đến hết ranh đất nhà ông 4 Dứt (giáp Vĩnh Mỹ B)	250	280	
15	Lộ tè ấp 17-20	Bắt đầu từ cầu Đỉnh 17-20	Đến hết ấp 20 (giáp xã Phong Thạnh Đông)	250	280	
16	Tuyến Kênh Vĩnh Phong ấp 17	Bắt đầu từ ranh đất kho đạn	Đến ngã 3 cầu Châu	280	350	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
17	Tuyến đường ấp 17	Bắt đầu từ ngã 3 cầu Châu	Đến cầu Bàu Sàng	280	350	
18	Lộ tè ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm	Đến giáp Vĩnh Mỹ B	250	280	
19	Đường 18-19	Bắt đầu từ công nhà 7 Quân	Đến giáp xã Phong Thạnh Đông (Giá Rai)	400	480	
20	Lộ Ninh Lợi	Bắt đầu từ cầu Chùa Địa Chuối	Đến cầu Trung Ương Đoàn	310	380	
21	Đường Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Tuấn	250	280	
22	Lộ 19	Bắt đầu từ trụ sở ấp 19	Đến hết ranh đất nhà ông Linh	250	280	
23	Đường Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Nghiệp	Đến kênh Thủy nông nội đồng	250	280	
24	<i>Tuyến đường 17 - 19</i>	<i>Bắt đầu từ Cầu Trâu</i>	<i>Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Đông</i>		280	<i>Bổ sung</i>
25	<i>Tuyến đường ấp Ninh Lợi</i>	<i>Bắt đầu từ nhà ông Khô</i>	<i>Đến nhà ông Danh Vê</i>		280	<i>Bổ sung</i>
26	<i>Tuyến đường Ấp Kế Phò - Minh Hòa</i>	<i>Bắt đầu từ nhà ông Đầy</i>	<i>Đến nhà ông Trường</i>		280	<i>Bổ sung</i>
27	<i>Tuyến đường 18 - 19</i>	<i>Bắt đầu từ chùa Ấp 18</i>	<i>Đến nhà ông Bét</i>		280	<i>Bổ sung</i>
V	XÃ VINH HẬU A					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Phường nhà Mát	600	800	
2	Đường Đê Đông (Đê Biển)	Bắt đầu từ giáp ranh Phường nhà Mát	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu	500	600	
3	Tuyến Kênh 7 (Phía Tây)	Đê Đông	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	350	400	
4	Đường Kênh 9 (Phía Tây)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà năm Ánh	Đến giáp lộ Cây Gừa	350	400	
5	<i>Tuyến phía Đông Kênh 12</i>	Bắt đầu từ cầu 12 (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến giáp trụ sở ấp Cây Gừa	350	400	
6	<i>Tuyến phía Tây kênh 12</i>	<i>Bắt đầu từ Cầu Kênh 12</i>	<i>Đến nhà ông Huỳnh Văn Hiền (ấp 13 xã Vĩnh Hậu)</i>		350	<i>Bổ sung</i>
7	Tuyến Đường Cây Gừa	Bắt đầu từ ấp Cây Gừa	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc giáp Phường 2	250	280	
8	Tuyến Đường Cây Gừa - Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Phước Sơn	Đến cầu Thanh Niên	250	280	
9	Tuyến phía Bắc Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến kênh Cây Mết giáp Phường 8	250	280	
10	Đường Kênh 7(phía Đông)	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	250	280	
11	<i>Tuyến Kênh 9 (Phía Đông)</i>	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	350	380	
12	<i>Tuyến Đông Kênh 12</i>	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	600	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13	Tuyến Tây Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	300	350	
14	<i>Tuyến Tây Giồng Tra</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lộc ấp Cây Gừa	Đến giáp cầu nhà ông Lượm (ấp Giồng Tra)	250	280	
15	<i>Chợ tạm ấp 15</i>	Bắt đầu từ chợ tạm ấp 15	Đến cầu Kênh 1 ấp 15	250	280	
16	<i>Đê Đông kênh 6 ấp 15</i>	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến kênh 2 ấp 15	250	280	
17	<i>Kênh ranh ấp 17</i>	Bắt đầu từ kênh 7	Đến kênh 9	250	280	
18	<i>Khu dân tộc Khmer</i>	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh 1 ấp 6	250	280	
19	<i>Lộ bê tông phía Nam kênh Giồng Tra</i>	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Đạt	250	280	
20	<i>Lộ bê tông kênh 1 ấp 16</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiết	Đến giáp Vườn Chim	250	280	
21	<i>Lộ bê tông kênh Cựa Gà</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến giáp kênh 5 ấp 12	250	280	
22	<i>Lộ bê tông kênh giáp ranh</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông tám Hoàng	Đến giáp kênh phường 2	250	280	
23	<i>Kênh 4 Ấp 15</i>	Bắt đầu từ kênh Trờng Sơn	Đến đê Đông	250	280	
24	<i>Kênh 6 Ấp 17</i>	Bắt đầu từ giáp Kênh số 7	Đến giáp nhà ông Dư	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
25	Lộ bê tông kênh 7	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu Ba	Đến giáp kênh 9	250	280	
26	Phía Tây kênh số 4 ấp 15	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	250	280	
27	Lộ bê tông (Kênh 130)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Giáp đê Đông	250	280	
28	Phía Tây cầu Dân Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Xuân	Giáp kênh Giồng Me - cây Dừa	250	280	
29	Lộ bê tông	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Giáp nhà ông Tô Thành Lâm	250	280	
30	Lộ bê tông khu 37ha ấp Cây Già	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đào	Giáp kênh số 9	250	280	
31	Tuyến kênh 10 (phía đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào		350	Bổ sung
32	Tuyến kênh 11 phía đông kênh 12	Bắt đầu từ kênh 130	Đến giáp kênh Trường Sơn 2		350	Bổ sung
33	Tuyến Vành Đai Sân Chim	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Quang	Đến giáp nhà ông Tiểu		350	Bổ sung
34	Tuyến đường phía đông kênh 9	Bắt đầu từ nhà ông Chính	Đến giáp nhà ông Nga		350	Bổ sung
VI	XÃ VINH HẬU					
		Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến cây xăng ông Vạn	360	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ cây xăng ông Vạn	Đến kênh 5M4	450	800	
		Bắt đầu từ kênh 5M4	Đến đê Đông	360	600	
2	Lộ Đê Đông	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hàn Lê)	500	600	
3	Đường Giồng Nhân-Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hai Bắc)	500	800	
4	Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)	Bắt đầu từ giáp Thị trấn Hòa Bình	Đến cầu 3 Thân	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Hiến	Đến kênh 130	250	280	
5	Đường Toàn Thắng	Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Vĩnh Hậu C	Đến kênh 12	300	360	
6	Đường Miếu Toàn Thắng - Cái Tràm	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Vĩnh Hậu A	250	280	
7	Đường Lung Lớn	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến mương I nhà ông Hàn Lê	350	400	
8	Đường Cầu Trâu	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	310	350	
9	Đường Mương 6	Bắt đầu từ kênh 5m4	Đến kênh 130	250	280	
10	Đường Mương 8	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Đường Kênh Tế II	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	250	280	
12	Đường Kênh Làng Hưu	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	250	280	
13	Đường Nam Kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Xã	Đến kênh Mương 1	300	350	
14	Đường 5M4	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 8	250	280	
15	Đường áp Thống Nhất	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	250	280	
VII	XÃ VĨNH MỸ A					
1	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu ông Nghĩa	400	480	
		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu Bánh Bò	400	480	
		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến hết ranh đất Trg. Tiểu học Vĩnh Mỹ A1	350	400	
		Bắt đầu từ cầu chợ	<i>Đến cầu Miếu Thành Hoàng</i>	400	450	
		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến nghĩa địa Phước Hải	400	450	
		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến Chùa Hưng Mỹ Tự	350	390	
		<i>Bắt đầu từ ngã tư Đình</i>	<i>Đến ngã 3 hết ranh đất nhà ông Độ</i>		450	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường Vinh Mỹ A-Vinh Thịnh	<i>Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải</i>	<i>Đến cầu Ông Sang</i>	350	420	
		<i>Bắt đầu từ cầu Ông Sang</i>	<i>Đến giáp ranh xã Vinh Thịnh</i>		350	<i>Bổ sung</i>
		Bắt đầu từ cầu 6 Tập	Đến nghĩa địa Phước Hải	400	480	
		Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải	Đến cầu Tào Lang	400	430	
		Bắt đầu từ cầu Tào Lang	Đến cầu rạch Vinh	300	350	
		Bắt đầu từ cầu rạch Vinh	Đến cảng cầu cảng Bà Công	280	330	
		<i>Bắt đầu từ cầu rạch Vinh</i>	<i>Đến giáp ranh xã Vinh Thịnh</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		Bắt đầu từ cầu Sáu Tập (ấp 15a)	Đến ngã Ba Xóm Lung	450	480	
		Bắt đầu từ ranh đất trường TH Vinh Mỹ A 2	Đến giáp ấp Vinh Bình- Xã Vinh Thịnh	300	350	
		Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung	Đến giáp ranh xã Vinh Thịnh	300	350	
		Bắt đầu từ ngã Ba nhà ông Ruộng	Đến nhà thờ ấp Châu Phú	300	350	
		Bắt đầu từ ngã 3 nhà ông Quân	Đến nghĩa địa Đất Thánh (hết ranh đất ông Lê Văn Lâm)	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ cầu 5 Đẩu	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến ranh đất nhà ông Tăng Bày		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ cầu Ông Rắn	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ cầu Ông Vạn	Đến giáp kênh Vĩnh Thành		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang (ấp Vĩnh Tiến)	Đến cầu kênh Ngang (ấp Vĩnh Tân)		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ cầu Châu Phú	Đến giáp ngã ba kênh ông Liếm		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ cầu Ông Tuấn	Đến lộ Hòa Bình - Vĩnh Mỹ A	350	450	
		Bắt đầu từ ngã tư Đình	Đến cầu ông Nghĩa	400	430	
3	Ấp Vĩnh Tiến	Đập Cây Trương (giáp ranh Thị trấn Hòa Bình)	Đến cầu Lung Lớn, xã Vĩnh Hậu	400	460	
		Bắt đầu từ ngã ba cầu Bánh bò (Châu Phú)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Phần	250	280	
4	Đường liên ấp xã Vĩnh Mỹ A	Bắt đầu từ cầu 5 Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 5 Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Hoàng Dũng	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Áp Vĩnh Tân	Bắt đầu từ cầu Ông Rắn	Đến hết ranh đất nhà ông Tăng Bày	250	280	
6	Áp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Cái Huru	Đến cầu 3 Chư	250	300	
		Bắt đầu từ cầu 3 Chư	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính	250	280	
		Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung (Tu muối cũ)	Đến cầu Cây Vong	300	350	
		<i>Bắt đầu từ cầu Tào Lang</i>	<i>Đến giáp ngã 3 kênh Tào Lang - kênh 5 Đầu</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ cầu 3 Chư</i>	<i>Đến hết ranh đất của ông Nguyễn Công Khanh</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ cầu Bà Thế</i>	<i>Đến cầu ông 5 An</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ cầu 3 Bình</i>	<i>Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Vui</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ cầu ông Nghi</i>	<i>Đến cầu Đám Lá</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ cầu Út Lắc</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Thái</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ cầu Bà Lan</i>	<i>Đến hết nhà ông Hùng</i>		280	<i>Bổ sung</i>
	<i>Bắt đầu từ cầu 4 Chà</i>	<i>Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Trung</i>		280	<i>Bổ sung</i>	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Bắt đầu từ ranh thị trấn Hòa Bình	Đến Cầu Lung Lớn	400	1,200	
VIII	XÃ VĨNH THỊNH					
1	Tuyến lộ Xóm Lung-Cái Cùng	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Hội - Xã Vĩnh Mỹ A	300	400	
2	Chợ Cống Cái Cùng	Bắt đầu từ đê Trường Sơn	Đến cầu Chữ Thập Đỏ	800	1,100	
3	Lộ dưới ấp Vĩnh Lạc	Bắt đầu từ cầu qua sông Cái Cùng	Đến cầu Chữ Thập Đỏ	380	450	
4	Đường Trường An	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến đê Trường Sơn	300	370	
5	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới	400	460	
6	Đường Giồng Nhân-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Mẫu - Xã Vĩnh Hậu	400	450	
7	Tuyến Kênh Bàu Hồng	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	250	280	
8	Đường Kinh 4 ngang trụ sở xã cũ	Bắt đầu từ cầu ấp Vĩnh Lập	Đến cầu Vĩnh Hòa	350	400	
9	Tuyến 500	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc	Đến Ấp Vĩnh Mới	250	280	
10	Tuyến lộ nhựa	Bắt đầu từ cầu Chữ Thập Đỏ	Đến Lộ Đê Đông	350	390	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Đường Vĩnh Hòa	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	250	280	
12	Tuyến Đê Đông	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh	Đến Cầu Mương I	350	380	
13	Tuyến lộ Vĩnh Hòa - Vĩnh Kiều	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa giáp ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	Đến cầu Lung Lớn ấp Vĩnh Thạnh- xã Vĩnh Hậu	250	280	
14	Tuyến đường Kim Em	Bắt đầu từ kênh ấp Vĩnh Hòa	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	250	280	
15	Tuyến Ông Tà	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	250	280	
16	Đường Bình Tiến	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến giáp cầu Vĩnh Thành- xã Vĩnh Mỹ A	250	280	
17	Đường hậu cơ quan	Đê Trường Sơn	Đến hạt Kiểm lâm liên huyện (ấp Vĩnh Lạc)	360	400	
18	Đường Cống Đá	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến kênh 7 Hồng (ấp Vĩnh Bình)	250	280	
19	Tuyến đường kênh Đốc Thiện	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	250	280	
20	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới (phía bên sông)	350	390	
21	Tuyến sau hậu	Bắt đầu từ đường vô Trạm Y tế xã	Đến kênh Trường Sơn	250	280	
22	Tuyến cấp kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Lạc	Đến đến lộ sau hậu	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
23	Tuyến cầu thừa kênh cạn	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến ấp Vĩnh Hòa	250	280	
24	Tuyến đường mương 4	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Mới)	250	280	
25	Tuyến đường mương 7	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Tiến (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Tiến)	250	280	
26	Tuyến đường Lái Hai	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh 500 (ấp Vĩnh Mới)	250	280	
27	Tuyến đường Nông Trường	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh Học Máu (ấp Vĩnh Mới)	250	280	
28	Tuyến đường Mương I	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào (ấp Vĩnh Mới)	Đến cầu nhà ông Trần Hòa Bình (ấp Vĩnh Kiều)	250	280	
29	Tuyến đường Sua Đũa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Minh	Đến tuyến đường Kim Em	250	280	
30	<i>Tuyến đường Vĩnh Hòa (phía bên sông)</i>	<i>Bắt đầu từ cầu kênh Ông Tà</i>	<i>Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A</i>		280	<i>Bổ sung</i>
31	<i>Tuyến Đường điện gió</i>	<i>Bắt đầu từ đường Đê Đông</i>	<i>Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A</i>		300	<i>Bổ sung</i>

PHỤ LỤC 04

**BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở
THỊ TRẤN, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRUNG TÂM XÃ
HUYỆN HỒNG DÂN - TỈNH BẠC LIÊU**

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	THỊ TRẤN NGAN DỪA					
	ẤP NỘI Ô					
1	Khu 1A	Bắt đầu từ ngã Ba lộ chợ Ngan Dừa (Vòng Xuyên)	Đến đầu cầu Lúng Mới (lộ trước Phố)	3,500	4,400	
		<i>Bắt đầu từ Đầu cầu Lún</i>	Đến giáp Trường Tiểu học A	1,900	2,500	
		<i>Bắt đầu từ Đầu cầu Lún</i>	Đến hết ranh đất ông Hồ Công Uẩn (Giáp ấp Thống Nhất)	1,600	2,300	
2	Khu 1B	Bắt đầu từ ngã Ba lộ chợ Ngan Dừa (Vòng xuyên)	<i>Đến lộ Trần Hưng Đạo</i>	2,200	2,600	
		Bắt đầu từ trường Tiểu Học A (Lộ sau)	<i>Đến lộ Trần Hưng Đạo</i>	1,400	2,000	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Út Bé	Đến giáp ranh Trại cưa Tám Tương (trên lộ và mé sông)	1,100	1,500	
		Bắt đầu từ cổng Trường Tiểu học A	Đến giáp Lộ trước (đến ranh đất ông Trịnh Văn Y)	1,700	2,100	
		Bắt đầu từ giáp ranh Trại cưa Tám Tương	Đến giáp ấp Bà Gòng (hết ranh đất ông Trần Văn Bé Phía trên lộ và mé sông)	800	1,100	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3	Khu 2	Bắt đầu từ ranh đất ông Trang Hoàng Ân	Đến hết ranh đất Chùa Phật	2,000	2,500	
		Bắt đầu từ ranh đất bà Trần Thị Nô	Đến Hết ranh đất ông Danh lợi (giáp Kênh Xáng cầu mới đường Thống Nhất II)	1,100	1,500	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Tăng Văn Nhân	Đến ranh đất Miếu Quan Đế (Chùa ông Bồn)	3,500	3,800	
		Bắt đầu từ ranh đất Miếu Quan Đế (Chùa ông Bồn)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Khởi An	2,000	2,700	
4	Đoạn giáp khu hành chính	Bắt đầu từ ranh đất nhà Nguyễn Khởi An	Đến giáp lộ Thống Nhất II	1,500	2,000	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Văn Ty	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Toàn Ân	2,100	2,700	
5	Khu III	Bắt đầu từ đầu cầu Lún	Đến ngã tư Kinh Xáng Trung tâm y tế	850	1,200	
6	Đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ đầu cầu Lún khu III	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	850	1,200	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Tấn	Đến đầu cầu Kinh Nhỏ	680	820	
		Bắt đầu từ đầu cầu kinh nhỏ khu III (theo kênh nhỏ)	Đến chùa Hưng Kiến Tự	600	800	
7	Đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)					
		Bắt đầu từ 0 m	Đến 30 m	850	1,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ 30 m tiếp theo	Đến 60 m	600	800	
		Bắt đầu từ 60 m tiếp theo	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	400	650	
8	ẤP XÈO QUAO					
	<i>Đường Trèm Trèm - Xèo Quao</i>	Bắt đầu từ ranh đất bà Dương Thị Thanh (dọc theo sông Cái Trầu)	Đến hết ranh đất Đình thần Trung Trực	350	350	
9	ẤP BÀ HIÊN					
		Bắt đầu từ ranh tái định cư	Đến trụ sở ấp Bà Hiên	500	720	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tuyết Thăng	Đến Miếu Bà Hiên	450	580	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ca Văn Quang	Đến ngã tư Bà Gòng (đến ranh đất ông Trần Tuấn Mạnh)	300	370	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Mạnh	Đến giáp khu tái định cư (hết ranh đất ông Lương Văn Được)	350	420	
10	Khu tái định cư	Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	850	1,000	
		Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		700	880	
		Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		550	730	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	ẤP TRỀM TRỆM					
11	Bờ đông	Bắt đầu từ ranh đất Trung tâm y tế	Đến hết ranh đất Chùa Hưng Kiến Tự	600	700	
12	Bờ Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Nghĩa	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	Đến hết ranh Miếu Rạch Chùa	420	460	
	<i>Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Bình Đăng	Đến ngã ba Vàm Xáng (hết ranh đất bên đò ông Bảy Đực)	350	350	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Hồng Bảy	Đến hết ranh đất ông Võ Văn So	290	350	
	<i>Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Thanh	Đến hết ranh đất Bảy Đực	300	300	
13	Bờ Bắc rạch Chùa	Cầu Trung Ương đoàn	Đến hết ranh ông Lâm Dù Cạc	250	280	
14	ẤP THỐNG NHẤT					
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Thê	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bê	1,300	1,800	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sáu	Đến Cầu Kè	700	1,100	
		Bắt đầu từ Cầu Kè	Đến Bến phà (hết ranh đất bà Hương)	620	800	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	<i>Đường Trần Hưng Đạo</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Nhỏ (tuyến lộ Thống Nhất II)	Đến Bến Phà Vàm Ngan Dừa	600	600	
15	ẤP BÀ GÔNG					
		Bắt đầu từ ngã tư Bà Gòong (từ ranh đất ông Trương Kim Năm)	Đến giáp Khu 1B Nội Ô (giáp ranh đất ông Trần Văn Bé)	700	820	
		Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đến ngã Tư Bà Gòong (đến ranh đất ông Quách Văn Siều)	480	550	
		Bắt đầu từ ngã Tư Bà Gòong (từ ranh đất Trường Tiểu Học)	Đến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	600	680	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Thị Tinh	Đến hết ranh nhà ông Danh Khen (chuông dơi)	250	280	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Danh Khen	Đến ranh xã Ninh Hòa	250	280	
16	Cầu Bụi Dừa	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Thanh Văn	Đến cầu Bụi Dừa	250	280	
17	Rạch Tà Ben	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Thanh Văn	Đến rạch Bà Hiên	250	280	
18	Đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II					
		Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	700	800	
		Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đến giáp lộ Thống Nhất II	550	620	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà					
		Bắt đầu từ bến phà Vàm Ngan Dừa	Đến hết ranh đất ông Sáu Bùì	450	530	
		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Bùì	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tông	380	430	
		Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	300	380	
20	Khu Trung tâm hành chính (Trừ khu Trung tâm Thương mại)					
21	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2,500	3,350	
22	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2,500	3,350	
23	Đường Bùi Thị Trường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2,500	3,350	
24	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Ngan Dừa	Đường Lộc Ninh	2,500	3,350	
25	Đường Nguyễn Huệ	Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đường Võ Thị Sáu	2,500	3,350	
26	Đường Trần Văn Bảy	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2,500	3,350	
27	Đường Lê Thị Riêng	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2,500	3,350	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
28	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Thị Riêng	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2,500	3,350	
29	Đường Trần Kim Túc	Đường Trương Văn An	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2,300	3,150	
30	Đường Trương Văn An	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	2,300	3,150	
31	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	2,300	3,150	
32	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	2,300	3,150	
33	Đường Thị Chậm	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	2,300	3,150	
34	Đường Nguyễn Thị Mười	Đường Bùi Thị Trường	Đường Nguyễn Đình Chiểu	2,500	3,150	
35	Đường Trần Văn Tấn	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lộc Ninh	2,300	3,150	
36	Đường Nguyễn Thị Năm	Đường Trần Kim Túc	Đường Trần Văn Tấn	2,300	3,150	
37	Đường Lộc Ninh	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	2,300	3,150	
38	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	2,300	3,150	
39	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	2,300	3,150	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
40	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2,300	3,150	
41	Đường Nguyễn Trung Trực	Đầu đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	2,300	3,150	
42	Đường Nguyễn Du (đường số 01)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Duẩn	2,300	3,150	
43	Đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân (Đường Ngô Quyền)					
		Bắt đầu từ 0 km (đầu đường)	Đến đường dẫn cầu Gia Diễn (Lê Văn Đông)	700	800	
		Bắt đầu từ giáp ranh đất bồi thường đường dẫn cầu Gia Diễn (đất ông Lê Văn Đông)	Đến hết đường Ngô Quyền	550	620	
	Khu III					
44	Đoạn nối giữa đường Ngô Quyền với lộ kênh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Vui	Đến ranh đất bà Nguyễn Thị Ly	400	480	
45	Đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II					
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mười	1,400	1,700	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mười	Đến hết sân Tennis	980	1,200	
		Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến lộ Thống Nhất II	700	800	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
46	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực					
		Bắt đầu từ cầu Kênh nhỏ	Đến cầu Chùa Ngan Dừa	440	500	
		Bắt đầu từ cầu Chùa Ngan Dừa	Đến hết đất ông Võ Văn So	370	420	
		Bắt đầu từ cầu Đoàn Thanh Niên	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	300	380	
47	Ngan Dừa -NH-NQ	<i>Bắt đầu từ lộ Thống Nhất II</i>	Đến cầu Mới Bà Gò	600	700	
		Bắt đầu từ cầu Mới Bà Gò	Đến hết ranh thị trấn (Bãi rác)	500	580	
		Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	600	700	
48	<i>Trèm Trèm giáp Nội Ô</i>	<i>Bắt đầu từ Ngã Tư Ngô Quyền</i>	<i>Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm</i>		1100	<i>Bổ sung</i>
49	<i>Bà Hiên</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Đượ</i>	<i>Đến ranh đất ông Trần Quốc Nghiêm</i>		800	<i>Bổ sung</i>
50	<i>Rạch Chùa</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Thanh Tuấn</i>	<i>Đến ranh đất ông Trần Quốc Dũng</i>		320	<i>Bổ sung</i>
II	XÃ LỘC NINH					
1	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến công Chèo	850	900	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ cổng Chèo	Đến hết ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	650	730	
		Bắt đầu từ ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	Đến giáp Kinh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	500	600	
		Bắt đầu từ kênh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên)	400	470	
		Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	700	750	
2	Áp Dầu Sáu Đông	Bắt đầu từ Miếu Ông Bồn	Đến rạch đường Trâu (cổng Ông Cọn)	500	550	
3	Áp Dầu Sáu Đông	Bắt đầu từ rạch đường Trâu (cổng Ông Cọn)	Đến Cầu chùa Dầu Sáu	400	450	
4	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	Đến hết ranh đất Hăng Nước đá Trần Tấn	550	600	
		Bắt đầu từ hết ranh đất Hăng nước đá Trần Tấn	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Tan	500	550	
		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lâm Văn Tan	Đến Cầu Tám Tụ	400	450	
		Bắt đầu từ giáp cầu Tám Tụ	Đến giáp xã Vĩnh Lộc (hết ranh đất ông Hàng Văn Sinh)	300	350	
5	Kênh Xáng Dầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thị Dũng	Đến ranh đất nhà bà Thị Diện	750	810	
6	Đường dẫn Cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Du	Đến giáp móng cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	750	810	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7	Áp Đầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Điện	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	250	280	
8	<i>ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi</i>	Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở xã (giáp cầu ông Tân)	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	760	760	
9	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	Đến cầu ông Lý Hoàng Thọ	390	440	
10	Áp Bà Ai I, Tà Suối	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hà Thị Sớm	Đến hết cầu nhà Năm Hiền	270	300	
11	<i>ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi</i>	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Phôn (giáp xã NTL)	550	550	
12	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ cầu 12000 (ranh ông Dện)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	250	280	
13	Áp Bà Ai I, II, Cai Giăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Hoàng Thọ	Đến hết ranh đất Chùa Thành Thất	390	430	
14	Áp Kênh Xáng, Đầu Sáu Tây	Bắt đầu từ kênh Xáng (nhà ông Đình)	Đến hết ranh ông Danh Khum	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Văn Bình	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	250	280	
15	Áp Đầu Sáu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Khum	Đến giáp kênh Xáng Hòa Bình	250	280	
16	<i>ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi</i>	<i>Bắt đầu từ kênh 12000</i>	Đến hết ranh đất ông Dện	500	500	
17	Phước Hoà	Bắt đầu từ cầu Trường học Phước Hoà	Đến giáp thị trấn Phước Long (hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ)	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Áp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông Phôn	Đến hết ranh đất Chùa Cai Giăng (giáp xã Vĩnh Lộc)	300	340	
19	Áp Tà Suối, Bình Dân	Bắt đầu từ cầu Tà Suối (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Sỏi)	Đến hết ranh đất ông Phan Minh Hoàng	300	340	
20	Áp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Phen	<i>Đến giáp cầu Bà Ai I (Cầu Sắt)</i>	280	300	
21	<i>ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi</i>	<i>Bắt đầu từ hết ranh đất ông Dện (Cầu kênh Xáng Hòa Bình)</i>	Đến hết ranh đất ông Lưu Văn Sua	500	500	
22	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Văn Sua	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cùa	400	440	
23	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cùa	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đồng	350	380	
24	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đồng	Đến hết ranh đất ông Võ Hoàng Thọ	300	330	
25	Áp Bình Dân, Tà Suối, Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Quê (kênh 6.000)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc (Bờ đông Kênh Hoà Bình)	300	330	
26	Áp Bình Dân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hai Hoàng	Đến giáp xã Ninh Hoà (đối diện nhà ông Danh Phal)	300	330	
27	Áp Cai Giăng - Phước Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cang	Đến hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ (đầu kênh 6.000)	300	330	
28	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Phạm Văn Cá	Đến giáp cầu Trường học Phước Hòa	250	280	
29	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã (giáp cầu ông Tân)	Đến cầu Thanh Niên (Rạch thầy Cai)	590	620	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
30	Ấp Tà Suôi	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (rạch thầy Cai)	Đến cầu 1000 (ranh đất Nguyễn Văn Sưa)	420	450	
31	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ống 7 Nhỏ	Đến giáp kênh 3 tháng 2	250	280	
32	Tuyến Vĩnh Ninh - Ấp Kinh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đức	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	250	280	
III	XÃ NINH QUỚI					
1	Ấp Phú Tây					
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Phương	Đến cầu 30 tháng 4	450	490	
		Bắt đầu từ cầu 30 tháng 4	Đến cầu Bà Âu	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Sách	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Tạo	360	390	
		Bắt đầu từ ngã tư chợ Ninh Quới (Nguyễn Ngọc Ân)	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Ty	360	400	
		Bắt đầu từ cầu chợ Ninh Quới	Đến hết ranh đất công	400	440	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sứ Văn Khuyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quận	350	390	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đình thần Nguyễn Trung Trực	280	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Khanh	Đến 1/2 ranh đất ông Danh Chanh	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thùy	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Em	280	300	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Thị Hai (cầu giáp ranh Ninh Hòa)	Đến hết ranh Thái Đức Hồng	350	390	
2	Ấp Ninh Phú	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Giới	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	280	300	
3	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuyết Dương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thế (Cầu giáp Ninh Quới A)	280	300	
4	Ấp Ninh Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thép	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Dợt	280	300	
5	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Còn	Đến hết ranh ông Đặng Văn Thạch	280	300	
6	Ấp Vàm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thạch	Đến cầu Bà Âu	280	300	
7	Ấp Ninh Điền					
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Diệp Văn Út	Đến hết ranh đất ông Phan Văn Còn	280	300	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Thắng	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Lô	280	300	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Be	Đến hết ranh đất ông Chiến	280	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quận	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuận	280	300	
9	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Sơn	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuận	260	280	
10	Kênh Trà Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Ngự	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Văn	260	280	
11	Tuyến Lung Phèn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thu	Đến hết ranh đất ông 6 Chem	280	300	
12	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Trung Liên	280	300	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Trà	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Thọ	280	300	
13	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	280	300	
		Bắt đầu từ cầu 2 Ân	Hết ranh thửa đất ông Nguyễn Văn Cuối	280	300	
14	Ấp Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hùng Dũng	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Hương	280	300	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Lạc	Đến hết ranh đất ông 7 Nỹ	280	300	
15	Tuyến Kênh Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Chí Nguyễn	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Giới	280	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16	Áp Xóm Tre	Bắt đầu từ cầu 7 Cắm	Hết ranh thửa đất ông 6 Tiến	280	300	
17	Tuyến Cây Me	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 4 Ngàn	Kênh Cây Me	280	300	
18	Áp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Trứ	Đến ranh đất ông Lâm Mười Lớn	280	300	
IV	XÃ NINH QUỚI A					
1	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Vinh (ông 7 Chánh)	Đến hết ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	600	650	
2	Bờ bắc Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	<i>Đến áp Phước Hoà Tiền - Thị trấn Phước Long</i>	500	570	
3	Đường bờ bắc Kênh Quản lộ	Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy huyện Hồng Dân	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Ri (ấp Ninh Lợi)	500	570	
4	Đường bờ nam Kênh QL (Chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Tài	Đến cầu Rạch Cũ (ông Lý Ích)	1,500	1,750	
6	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)					
		Bắt đầu từ chùa Hưng Thiên Tự	Đến hết ranh đất ông Lưu Minh Trung	500	560	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Minh Trung	Đến hết ranh đất kho lương thực	450	520	
		Bắt đầu từ hết ranh đất kho lương thực	Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	400	450	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Xiếu	Hướng Cầu Sập giáp cầu 3 Đẽ	500	560	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hòn	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	450	520	
7	Kênh xóm Chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Châu	Đến Quán Lộ Phụng Hiệp	300	340	
8	Đường lộ hậu sau chợ	Bắt đầu từ trụ Sở xã Ninh Quới A (Trụ Sở cũ)	Đến đường Cầu Mới Ninh Quới A	1,000	1,150	
9	Đường Phía Tây Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phài	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Luân	1,000	1,150	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Liệt	Đến hết ranh đất ông Diệp Bình Hồng	900	1,000	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Khải	Đến hết ranh ông Nguyễn Văn Việt	800	860	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Đặng	Đến cầu Chín Tôn (giáp huyện Phước Long)	700	760	
10	Đường Phía Tây Ninh Quới A - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiệp	Đến cầu 3 Gió	500	550	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ủ	Đến Ninh Thạnh II xã Ninh Hoà (cầu 3.000)	350	380	
11	Đường Phía Đông Ninh Quới - Ngan Dừa					
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Phiêng	Đến hết ranh đất ông Lê Thanh Hải	500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12	Đường phía Bắc Ninh Quới A - Vĩnh Quới - Sóc Trăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Biểu	Đến giáp ranh xã Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	350	380	
13	Đường phía Đông Ninh Quới A -Ngan Dừa					
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Vân	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Đức	400	440	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Điện	Đến hết ranh đất ông Trương Văn Hải	320	360	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mai Thị Vân	Kênh Mười Sộp	300	350	
14	Các tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Dân (ấp Ninh Tiền)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Sắc	Đến Nhị tỷ Ninh Hiệp (giáp ranh xã Mỹ Quới)	300	330	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Lệ	Đến Chùa Chệt Sĩa (giáp ranh xã Mỹ Quới)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đỗ Thị Sáng	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Điều (ấp Ninh Hiệp)	300	330	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Đăng Thêm	Đến hết ranh đất ông Hồng Văn Khởi (Vàm tư Táo)	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Chín Điệu	Đến hết ranh đất ông Danh Thượng (Ninh Chùa)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (cầu 3 Tài)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mai Văn Sanh	Đến hết ranh đất ông Lê Bữu Trang	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Đường cầu mới Ninh Quới A					
15	Đoạn nối giữa đường Ngan Dừa - Ninh Quới A (Lộ 63)	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép Lộ 63)	Đến hết ranh đất Miếu ông Bôn	500	560	
16	Đoạn nối giữa đường Ninh Quới A - Cầu sập	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép lộ đường Ninh Quới A - Cầu Sập)	Đến cầu Mới Ninh Quới A	700	780	
17	Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Ta	Đến cổng Hai Quan	600	680	
18	Đường Dẫn Cổng âu thuyền	Bắt đầu từ cổng Âu Thuyền	Đến cổng phân ranh mặn ngọt: Cầu Sập - Ninh Quới	350	390	
19	Đường Lộ Hậu	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới	Đến cầu Rạch Cũ	500	560	
20	Đường Lộ Mới trụ sở xã Ninh Quới A	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Ninh Quới A (từ ranh nhà ông Thọ)	Đến đường Cầu Sập - Ninh Quới (chợ mới)	1,000	1,150	
21	<i>Kênh 3/2</i>	<i>Bắt đầu từ cầu 3/2</i>	<i>Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Ngân</i>		280	<i>Bổ sung</i>
22	<i>Kênh ba Đồng</i>	<i>Bắt đầu từ cầu 3 Tài</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngọc</i>		280	<i>Bổ sung</i>
23	<i>Cầu 7 Mai</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất bà Võ Thị Anh-Đào</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn-On</i>		280	<i>Bổ sung</i>
24	<i>Kênh Le Le (đường phía Nam)</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Thanh Hải</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Đặng Thành Việt</i>		280	<i>Bổ sung</i>
25	<i>Kênh Le Le (đường phía Bắc)</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Tú Em</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Phấn</i>		280	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
26	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Phạm Văn Nghiệp	Đến hết ranh đất ông Trần Thanh Hải		280	Bổ sung
27	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Đăng	Đến hết ranh đất ông Cao Trung Dương		280	Bổ sung
28	Kênh 6 Tào	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Nhuận	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Thức		280	Bổ sung
29	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phương	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem		280	Bổ sung
V	XÃ NINH THẠNH LỢI					
1	Tuyến Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn	Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở UBND xã (ông Phạm Văn Bạch)	Đến hết ranh đất chùa Bửu lâm	500	560	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Nho	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Chừng	300	450	
		Bắt đầu từ ranh đất bà Ngô Diệu Đế	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Oai	300	400	
		Bắt đầu từ ranh đất bà Đào Thanh Phương	Đến hết ranh đất ông Lục Văn Nghị	300	350	
		Bắt đầu từ ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Huyền	Đến cầu Vàm Xèo Giữa	300	300	
		Bắt đầu từ ranh đất bà Phạm Thị Lạc (đối diện trụ sở UBND xã)	Đến hết ranh đất ông Đinh Văn Giới	450	490	
2	Tuyến Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Răng	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Khanh (đầu kênh)	350	390	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Thuận (đầu kênh 13.000)	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Sĩ (đầu kênh 14.000)	280	300	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Tùng (đầu kênh 14000)	Đến hết ranh đất ông Trần Bách Chiến	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở UBND xã	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mới	500	560	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Lãng	Đến hết ranh đất ông Trần Xiêm	450	490	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Khải	Đến giáp cầu kênh 10.000 (Kos Thum) Danh Cáo	400	450	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Hoàng Phấn (đầu kênh 10.000)	Đến hết ranh đất ông Danh Hoàng Phên (kênh 6.000 giáp xã Phước Long)	350	380	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Phạm Thị Lạc (đối diện trụ sở UBND xã)	Đến hết ranh đất ông Ngô Diệu Liêm	450	490	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thành	<i>Đến hết ranh đất ông Quách Văn Nghiêm (đầu kênh 13.000)</i>	350	390	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Quốc Bảo	Đến đầu Kênh 12.000 (giáp xã Ninh Thạnh Lợi A)	300	350	
3	Khu Trung tâm chợ xã	<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Nghi (đọc theo tuyến Lộ Ninh - Ninh Thạnh Lợi)</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Tăng Thanh Bình</i>	500	550	
4	Tuyến lộ nội bộ xã	Từ Ngã ba lộ nội bộ (giáp phần đất ông Lưu Hùng Liệt)	<i>Đến trước ngã ba lộ chợ (nhà ông Nguyễn Hoàng Tân)</i>	700	770	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hay	700	770	
5	Tuyến vàm Xèo Gừa - Cái Chanh -Cạnh đền	Bắt đầu từ giáp móng cầu vàm Xèo Gừa - Cây Cui qua áp Cây Cui	Đến hết ranh đất ông Trương Thanh Hà (cầu Kênh 14.000)	250	280	
6	Tuyến Cạnh đền - Phó Sinh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông bảy Nhờ (đầu kênh Dân Quân - giáp ranh xã Ninh Thạnh Lợi A)	Đến ranh đất ông Trương Minh Hùng	400	450	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Minh Hùng	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghĩa (đầu kênh 14.000)	350	390	
7	Tuyến Kênh Dân Quân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Nam	<i>Đến hết ranh đất ông Lê Văn Tuấn</i>	400	450	
		<i>Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Lê Văn Tuấn</i>	Đến ranh đất ông bảy Nhờ (cầu kênh Dân Quân - giáp ranh xã NT Lợi A)	350	390	
8	Tuyến Kênh 3/2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khải	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bó (đầu kênh ông Danh Kẹo) Phía Tây	300	340	
9	Tuyến kênh 3/2 (phía đối diện lộ 3/2)	<i>Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Điền Côn - (đầu kênh ông Danh Kẹo) - phía Đông</i>	Đến hết ranh đất ông Phạm Phước Hương	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Bó (đọc theo kênh ông Kẹo)	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Chiến	250	280	
		<i>Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Mỹ Án (cầu kênh ranh)</i>	Đến cầu kênh Cộng Hòa Giáp xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Lài Văn Nhịn)	300	340	
10	Tuyến Kênh Ranh	<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn (giáp cầu kênh ranh)</i>	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hải	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Hiền	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Khoa (đầu kênh Bùng Binh)	300	380	
		Bắt đầu từ ranh cầu Bùng Binh	Đến hết ranh đất Trg. TH Nguyễn Văn Huyền (Ngô Kim)	280	300	
11	<i>Tuyến Kênh Ranh</i>	Bắt đầu từ phần đất ông Phạm Ngọc Điệp	Đến ranh đất ông Trương Quang Ba	250	280	
12	Tuyến kênh Cộng Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thành (kênh Cai Giăng Vàm)	Hết ranh đất ông Trần Văn Cang - Đầu-kênh 6.000 (giáp xã Phước Long)	380	420	
13	Tuyến Cai Giăng - Vàm Chùa - Ngô Kim - Cây Cui					
		<i>Bắt đầu từ ranh đất Trần Văn Uẩn (điểm áp Cai Giăng)</i>	Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Lâm (Cầu Xã Sang)	350	380	
		<i>Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Quốc Thống (cầu Xã Sang)</i>	Đến hết ranh đất ông Trương Quang Ba (cầu kênh ranh)	300	330	
14	Tuyến Kênh Dân Quân	Bắt đầu từ đầu kênh ông Yêm (giáp xã NTLỢi A)	Đến hết ranh đất ông Lý Văn Vũ - Giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A	250	280	
15	Tuyến Kênh 6.000 Phía Bắc	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Danh Hoàng Phen (Cầu kênh 6.000)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cang (kênh Cộng Hòa)	300	330	
16	Tuyến Kênh 7.000 (áp Cai Giăng + Ninh Thạnh Đông)					
		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến - đầu cầu 7.000 (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Thái Văn Bạch	300	340	
		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Thái Văn Bạch (đầu cầu kênh 7.000 - Bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quân	280	320	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
17	Kênh 8.000 (ấp Cai Giang)	Bắt đầu từ hết ranh đất Bà Võ Thị Diệu (bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lôi	300	340	
		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Võ Văn Buồi (đầu cầu kênh 8000 - Bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quán	280	300	
18	Tuyến Kênh 9.000 (ấp Kos thum)	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Tăng Bình (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Mười Nhỏ	280	300	
		Bắt đầu từ hết ranh đất bà Trần Thị Luối (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Châu Văn Hội	280	300	
19	Tuyến Kênh 10.000 (ấp Kos Thum)	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Danh Mộ	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng (phía tây kênh Cộng Hòa)	250	280	
		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Tăng Dờ Ra	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng (hướng đông kênh Cộng Hòa)	300	330	
20	Tuyến Kênh Cai Giang (hai bên)	Từ hết ranh đất ông Trần Xón	Đến hết ranh đất ông Cao Văn Thành	280	300	
21	Tuyến Kênh xã Sang	Từ hết ranh đất ông Danh Cáo (ấp KosThum)	<i>Đến giáp ranh đất ông Trần Quốc Thống (cầu Xã Sang)</i>	300	330	
		<i>Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Đậm (ấp KosThum) - Bờ Tây</i>	Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Lâm (cầu Xã Sang)	250	280	
22	Tuyến Tà Hong	Từ ranh đất ông Danh Cảnh (ấp Kos Thum) - Bờ Tây	<i>Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quân (hướng Tây kênh Cộng Hòa)</i>	400	440	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Nhiếp (ngang chùa Kos Thum) - Bờ Đông	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nguyễn (đầu kênh 7.000)	300	340	
23	Tuyến Vành đai Kos Thum Ninh Thạnh Tây					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Bình	Đến hết ranh đất ông Đặng Hữu Tâm	300	340	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Ánh (đọc theo lộ nhựa)	Đến ranh đất nhà ông Danh Xương (cầu chùa Kos Thum)	400	450	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Kía	Đến hết ranh cầu Giác Dao (Tăng Bạch)	300	330	
		Bắt đầu từ ranh đất Lý Văn Liếp (đọc theo xóm 3)	Đến hết ranh đất ông Danh Nhị	280	300	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Khêl	Đến hết ranh đất ông Danh Thoi	280	300	
24	Tuyến Bùng Bình ấp Xẻo Gừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Văn Tú (Vàm Xẻo Gừa)	Đến hết ranh đất bà 9 Ky	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà của ông Nguyễn Văn Đèo	Đến hết ranh đất của ông Sáu Sài - Cầu Bùng Bình	250	280	
25	Tuyến Kênh Hào Xia	Bắt đầu từ ranh đất ông 3 Em (Đầu kênh)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trang (cuối kênh)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà của ông Nguyễn Văn Hôn (Đầu kênh)	Đến hết ranh đất ông Thu (cuối kênh)	250	280	
26	Tuyến kênh Cây Mết	Bắt đầu từ cầu ông Út Quán (ấp Cây Mết)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Bé Năm (Cai Giàng)	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Thừa	Đến hết ranh đất ông Từ Văn Như (giáp kênh Cai Giàng)	250	280	
27	Tuyến Kênh Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Thịnh	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Hiến	250	280	
28	Kênh Tập Đoàn	Cầu ông Yêm	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A	250	280	
29	Kênh 12.000	<i>Bắt đầu từ ranh nhà ông Trần Hồng Dân (cầu Kênh 12000)</i>	<i>Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A (cầu bà Chưng)</i>	250	280	
30	Tuyến Kênh 14	<i>Bắt đầu từ đất ông Trần Thanh Hóa (bờ Đông)</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lâm</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ đất ông Nguyễn Thanh Tạo (bờ Tây)</i>	<i>Đến giáp ranh đất ông Lê Văn Biểu</i>		280	<i>Bổ sung</i>
31	Tuyến Kênh 15	<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Sĩ (bờ Đông)</i>	<i>Đến ranh đất ông Trương Văn Chinh</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ ranh đất bà Nguyễn Thị Ngọc Thu (bờ Tây)</i>	<i>Đến ranh đất ông Trần Văn Nghĩa</i>		280	<i>Bổ sung</i>
VI	XÃ NINH THẠNH-LỢI-A					
2	Tuyến Cạnh Đền	Bắt đầu từ cầu Kênh Dân Quân	Đến giáp Công chào xã Phước Long (đất ông Khuê)	350	380	
		Bắt đầu từ ngã tư Cạnh Đền (từ ranh đất ông Huỳnh Văn Hà)	Đến cầu kênh dân quân (hết ranh đất bà Mát)	400	440	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nhờ (cầu kênh Dân Quân)	Đến kênh 6.000 (hết ranh đất ông Nguyễn Văn Của giáp xã Phước Long)	350	380	
		Bắt đầu từ ngã tư cạnh đền (từ ranh đất ông 7 Cừ)	<i>Đến đường dẫn vào cơ quan xã (Giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm Như)</i>	400	430	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		<i>Đến đường dẫn vào cơ quan xã (Giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm Như)</i>	Từ ranh đất Chùa Phong Lợi Tự	350	380	
		Bắt đầu từ ranh đất Chùa Phong Lợi Tự	Đến Cầu kênh Dân Quân (hết ranh đất ông Sáu Dộp)	350	380	
3	Kênh Ninh Thạnh Lợi	Bắt đầu từ kênh 12000 (từ ranh đất ông Út Lồng Đèn)	Đến Cầu kênh 6.000 giáp xã Phước Long (Vũ Thanh Tông)	300	340	
4	Kênh 20 áp Thống Nhất-kênh 8.000	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngan (từ ranh đất bà Đỗ Thị Húl)	Đến giáp Kênh xáng Xã Toàn (hết ranh đất trường Trần Kim Túc)	300	340	
5	Kênh 8.000	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Hèm	Đến Cầu Kênh Ngan (hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quì)	350	390	
6	Kênh ông Yêm	Bắt đầu từ cầu kênh thủy lợi giáp xã Ninh Thạnh Lợi (Danh Ưoi)	Đến Kênh 13.000 (Danh Dẹp)	300	340	
7	Kênh Dân Quân	Từ Cầu Kênh Dân Quân (từ ranh đất nhà ông Thanh)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Nghiệp	350	380	
		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Nguyễn Thành Nghiệp	Đến hết ranh đất Miếu ông Tà	300	330	
8	Kênh 12.000	Bắt đầu từ ranh đất Ông Tám Đô	Đến giáp ranh đất xã Ninh Thạnh Lợi (hết ranh đất ông Danh Hươ)	250	280	
9	Kênh 6.000	Bắt đầu từ kênh xáng Nhà Lầu (từ ranh đất ông ba Quán)	Đến giáp ranh xã Phước long (cột mốc ranh xã Phước Long)	350	380	
10	Tuyến Bắc Kênh Dân Quân	Bắt đầu từ cầu Kênh Dân Quân (Hết ranh đất bà Mát)	Đến hết ranh đất ông Hai Hùng	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Tuyến Kênh Cảnh Đền	Bắt đầu từ cầu Kênh Dân Quân (từ ranh đất bà Thủy)	Đến Kênh Tập Đoàn (hết ranh đất Huyện đội)	300	340	
12	Tuyến Phía Bắc Kênh 6.000	Bắt đầu từ kênh 6.000 (từ ranh đất ông Khánh)	Đến kênh xáng Xã Thoàn (hết ranh đất ông Vũ Thanh Tông)	300	340	
13	Tuyến kênh 10.000	<i>Bắt đầu từ kênh Xã Thoàn - từ ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Hải</i>	Đến Bưu điện Văn hóa - ấp Nhà Lầu 1	250	280	
VII	XÃ VĨNH LỘC					
1	Chợ Cầu Đò	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đinh Thị Tuyết	Đến hết ranh đất ông Bùi Văn Minh	850	940	
2	Chợ Cầu Đò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Mùi	Đến cầu Trạm Y Tế	710	800	
		Bắt đầu từ đội Thuế (từ ranh đất đội thuế xã)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Nhan	850	940	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hoàng Nay	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Tươi	580	700	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Út Ba	<i>Đến hết ranh đất nhà bà Hoàng Kim Oanh (tính cả 2 bên)</i>	500	700	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đinh Văn Tâm	Cầu Ngan Dọt	300	340	
		Bắt đầu từ cầu Ngan Dọt	Đến Cầu nhà Võ Thị Á	300	500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Giáp	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung (khu chữ U)	850	920	
3	Đường Liên xã	Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	350	500	
		Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến Cầu Chùa Sơn Tráng	280	350	
		Bắt đầu từ cầu Chùa ấp Sơn Tráng	Đến Giáp xã Lộc Ninh	280	350	
4	Tuyến đường Trèm Trèm	Bắt đầu từ trụ sở ấp Sơn Tráng	Đến hết ranh đất ông Đồng Văn Xuyên (cuối lộ)	250	280	
5	Tuyến Lung Chích	Bắt đầu từ cầu Lung Chích	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Lực - Kênh Xáng Hòa Bình	250	280	
6	Tuyến kênh Tây Kỳ	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến hết ranh đất ông Tượng	250	280	
7	Bờ Tây kênh Tây Kỳ (hướng Đông)	Bắt đầu từ ranh đất nhà máy xay xát lúa gạo ông Đơ	Đến-hết ranh đất ông Sáu Lùng	250	280	
8	Kênh Sóc Sáp	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chín Đức	Đến ngã tư Sóc Sáp	250	280	
9	Kênh Chín Cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Nhi	Đến hết ranh đất trường tiểu học Nhựt Cẩm	250	280	
10	Kênh Lộ xe	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Nưng	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Thắng	250	280	
11	Tuyến rạch Bà AI	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Lùng	Đến hết ranh đất nhà ông Lưu Văn Xuân	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12	Kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Mung	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Văn Vẹn (tính hai bên Kênh Xáng)	250	280	
		Bắt đầu từ trạm Y Tế	Hết ranh đất nhà ông Phong	300	340	
13	Kênh Ngang	Bắt đầu từ lộ Chín Cờ ranh đất ông Nguyễn Quốc Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Ông Đước	250	280	
14	Kênh Tư Bời	Bắt đầu từ kênh Xáng Hoà Bình	<i>Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Phong</i>	250	280	
15	Kênh Vĩnh Ninh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hồ Văn Nhân	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Phương - giáp xã Lộc Ninh	250	280	
16	Kênh Ba Quy	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hòa	Cầu Ba Quy	250	280	
17	Tuyến Lộ Xe - Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Công Định	Đến giáp móng cầu Võ Thị Á (giáp xã Vĩnh Lộc A)	250	300	
18	Tuyến Hai Thiệu	Bắt đầu từ cầu Hai Cát	Đến kênh Xáng Hòa Bình	250	280	
19	Tuyến Kênh Trạm Y Tế	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hạnh	Đến hết ranh đất nhà ông Định Văn Dũng	250	400	
20	Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương	250	500	
21	Tuyến đường Cột	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Nên	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Thi	250	280	
VIII	XÃ VĨNH LỘC A					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Tuyến-khu-vực chợ	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Thắng (ngã ba vào chợ)	Đến Cầu Chùa	2,200	2,550	
		Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Đình	Đến hết ranh đất Bru điện	2,200	2,550	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nhựt	Đến hết ranh đất ông Hòa-Cuội	2,200	2,550	
		Bắt đầu từ ranh đất Ông Siêu	Đến hết ranh đất Quán nước ông Tý	2,200	2,550	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Ràng	Đến hết ranh đất ông Mười Hề	500	1,500	
2	Tuyến Bến Bào về Ba Đình	Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tý	300	500	
3	Tuyến Vĩnh Lộc-Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã	Đến Giáp xã Vĩnh Lộc	300	360	
4	Tuyến kênh lộ xe (Bờ đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia	Đến hết ranh đất ông Lâm Ngọc Thi	250	280	
5	Tuyến kênh lộ xe (Bờ Tây)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín To	Đến hết ranh đất nền đồn cũ	250	280	
6	Sông Cá Chanh	Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng	250	280	
7	Tuyến đầu Kênh Mới	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín-Kia	Đến hết ranh đất ông Nguyễn	250	280	
8	Kênh Sóc Sáp	Bắt đầu từ trường TH Nguyễn Trường Tộ	Hết ranh ông Trần Văn Chương	250	280	
9	Tuyến đầu Kênh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Hào	Đến hết ranh đất ông Chanh	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
10	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Văn Ba	Đến hết ranh đất-Bến Luông	260	300	
11	Tuyến kênh 8 Lang	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Kịch	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sĩ	260	300	
12	Tuyến kênh Giữa	Bắt đầu từ ranh đất ông Bày Hớn	Đến hết ranh đất điểm Trường Nguyễn Trường Tộ	250	280	
13	Kênh Chuối	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đỗ Hoàng Hên	<i>Đến giáp đất ông Đinh Văn Nguyễn</i>	250	280	
14	Kênh Tám	Bắt đầu từ cầu Kênh Tám	Đến giáp Kênh giữa	250	280	
15	Kênh Bà Từ	Bắt đầu từ cầu Út Nhỏ	Đến giáp Kênh Bến Bào	250	280	
16	Kênh Mười	Bắt đầu từ cầu Cây Khô	Đến giáp Kênh giữa	250	280	
17	Sông Cái Tàu	Bắt đầu từ cầu Kênh 7	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Khoa	250	280	
18	Kênh Lô	Bắt đầu từ cầu kênh Lô	<i>Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Kiệt</i>	250	280	
19	<i>Ô Đê Bao</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất bà Phan Kim Dol</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Đèo</i>		280	<i>Bổ sung</i>
		<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Ngô Văn Sáng</i>	<i>Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Bền</i>		280	<i>Bổ sung</i>
20	<i>Kênh Chín Hỷ</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Lâm</i>	<i>Đến ranh đất ông Đinh Văn Nguyễn</i>		280	<i>Bổ sung</i>
IX	XÃ NINH HÒA					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế	Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000)	350	380	
		Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hương (giáp cầu 7.000)	400	450	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	360	400	
2	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã Ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đực	400	440	
		Bắt đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	Đến giáp thị trấn Ngan Dừa	300	340	
		Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mừng	400	440	
		Bắt đầu ranh đất Lê Hoàng Thoại	Đến cầu Xéo Tràm	300	340	
		Bắt đầu từ cầu Xéo Tràm	Đến cầu Ninh Quới (cầu Ba Hùng)	300	340	
3	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất bà Võ Thị Mừng (Phía Đông)	400	440	
		Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Đực (phía tây về Thị trấn Ngan Dừa)	400	440	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Hoàng Thoại (về Ninh Quới)	Đến Cầu Xéo Tràm	300	340	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng (về Thị trấn Ngan Dừa)	Đến Cống Bày Ú	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
4	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 Ninh Thạnh II, bờ có lộ nhựa (từ ranh bà Cam)	Đến giáp Kênh Xáng Hoà Bình hết ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm)	250	280	
5	Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh II					
		Bắt đầu từ ranh đất Trường Trương Vĩnh Ký (ngã 3 Ninh Phước) - Bờ Tây	Đến cầu 3.000 - ranh đất ông Hai Đại	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Đến Cầu Bà Hiến thị trấn Ngan Dừa	260	300	
6	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chín Khanh (Ninh Thạnh I)	Đến Cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Mèo	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Bảy Tý	280	310	
		Bắt đầu từ cầu Chữ Y - Bắt đầu từ ranh đất Huỳnh Văn Phận	Đến Cầu Ngan Châu	250	280	
		<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Cường</i>	<i>Đến hết ranh đất bà Đặng Thị Bé Hai</i>	250	280	
		<i>Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Rít</i>	<i>Đến Cầu Lá Viết</i>	280	300	
7	Đường vành đai sông cái	Bắt đầu từ ranh đất Trần Phong Sắc (Vĩnh An)	Đến Cầu Ba Hùng (giáp Ninh Quới)	300	340	
8	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Hát	Đến Cầu ngã tư Ninh An (hết ranh đất bà Trần Thị Thích)	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ cầu Rọc Lá (Ranh đất ông Võ Văn Nở)	Đến cầu Trung ương Đoàn (hết ranh đất ông Lương Văn Cường)	250	280	
		Bắt đầu từ trường Tuệ Tĩnh	Đến Cầu Xèo Rô (hết ranh đất ông Phan Văn Danh)	250	280	
9	Tuyến Út Xù	Bắt đầu từ cầu 6 Vạn (Ninh Thạnh I)	Đến hết ranh đất Danh Vân (Tà Ben)	250	280	
10	Tuyến kênh Trương Hồ	Bắt đầu từ cầu Trương Hồ (Ninh Phước)	Đến hết ranh đất Trần Văn Tính (Trương Hồ)	250	280	
11	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía không có lộ nhựa)					
		Bắt đầu từ cầu 8.000 (bờ Tây Ninh Thạnh II)	Đến Cầu ông Tiếp (Tà Ky)	250	280	
		Bắt đầu từ cầu ông Tiếp (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Út Chính - Kênh Xáng Hòa Bình	250	280	
12	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Chiến Hiền (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông-Danh Phan	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp TT Phước Long, bờ Tây)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh)	250	280	
	Ấp Vĩnh An					
13	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ giáp ranh đất ông 2 Lũy (Tà Ben)	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Khải (Vĩnh An)	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Quốc Dân	Cầu Bảy Tâm	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	250	280	
		Bắt đầu nhà ông Lê Văn Tráng (ngã tư Sáu Bàng)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Thành Công (giáp ranh Ninh Quới A)	250	280	
14	Tuyến kênh Xèo Tràm	Bắt đầu từ cầu Xèo Tràm (Trà Men)	Đến cống Xèo Tràm	250	280	
15	Áp Ninh Thạnh II	Bắt đầu từ cầu 6000 (nhà ông Bùi Văn Nho)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Vọng	250	280	
16	Tuyến Hào Hai	Bắt đầu từ cầu Hào Hai (Nhà ông Nguyễn Văn Vũ)	Đến hết ranh nhà ông Lê Văn Nghĩa (8 Nghĩa)	250	280	
17	Áp Tà Ky - Tuyến Kinh Cùg	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm	Đến hết ranh nhà ông Phan Văn Bòn	250	280	
18	Áp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	<i>Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huynh</i>	Đến kênh 9000 giáp ranh xã Lộc Ninh	250	280	
19	Tuyến Kênh Ranh (Ninh Định - Ninh An)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Hộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Tới	250	280	
20	<i>Tuyến 9000</i>	<i>Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện</i>	<i>Đến nhà ông Phan Út Lớn</i>		280	<i>Bổ sung</i>

**BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở
ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRUNG TÂM PHƯỜNG, XÃ
THỊ XÃ GIÁ RAI - TỈNH BẠC LIÊU**

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên đường	Đoạn-đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
A	QUỐC LỘ 1					
I	Phường Láng Tròn					
1	Quốc Lộ 1	Cầu Xóm Lung (Km 2201 + 397m)	Qua cầu Xóm Lung 300m (Km 2201 + 697m)	1,550	2,100	
		Qua cầu Xóm Lung 300m (Km 2201 + 697m)	Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía đông (Km 2204 + 820m)	1,350	1,750	
		Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía đông (Km 2204 + 820m)	Ngã 3 Láng Tròn (Km 2205 + 120m)	1,550	1,900	
		Ngã 3 Láng Tròn (Km 2205 + 120m)	Cầu Láng Tròn (Km 2205 + 512m)	1,800	2,300	
		Cầu Láng Tròn (Km 2205 + 512m)	Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m)	1,500	1,900	
		Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m)	Tìm Cống Lầu	1,500	2,000	
II	Phường 1					
1	Quốc Lộ 1	Tìm Cống Lầu	Tìm Cống Ba Tuyên	1,800	2,500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
III	Phường Hộ Phòng					
1	Quốc Lộ 1	Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	Tim hẻm Tự Lực	8,800	9,000	
		Tim hẻm Tự Lực	Tim đường-Hộ Phòng - Chủ Chí	6,800	7,500	
		Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Giáp ranh Tân Phong (Km 2217 + 525m)	5,300	5,800	
IV	Tân Phong					
1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh Phường Hộ Phòng (Km 2217 + 525m)	Tim cổng Nhà thờ Tắc Sậy	4,000	4,600	
		Tim cổng Nhà thờ Tắc Sậy	Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu	2,500	3,100	
		Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu	Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa)	1,800	2,300	
		Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa)	Cột mốc Km 2226 + 400m	1,300	1,800	
		Cột mốc Km 2226 + 400m (phía đông UBND xã Tân Phong)	Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong)	1,500	1,900	
		Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong)	Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	1,300	1,800	
		Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	Cầu Láng Trâm	1,500	2,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
V	Tân Thạnh					
1	Quốc-Lộ 1	Cầu Láng Trám	Giáp ranh Cà Mau	1,700	2,100	
B	GIÁ-ĐẤT Ở TẠI ĐẦU-MỐI GIAO THÔNG VÀ KHU-VỰC TRUNG TÂM XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN					
I	PHƯỜNG LÁNG TRÒN					
1	Đường dân sinh cầu Xóm Lung	Bắt đầu từ ranh đất nhà Quách Thị Ghét	Đến hết ranh đất nhà Nguyễn Văn Lực	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Nâu	Đến hết ranh đất nhà Lâm Văn Xiệu	250	280	
2	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Tú	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bảy	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Xá To	Đến hết ranh đất nhà Tiêu Cáo	250	280	
3	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Tiêu Khai Kiểm	Đến hết ranh đất nhà Đặng Thanh Xuân	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất Trường Tiểu học Phong Phú A	Đến hết ranh đất nhà Lâm Ý Kía	250	280	
		Quốc lộ 1 (cổng Đốc Béc)	Ranh phía bắc nhà ông Cao Văn Ghê	280	340	
		Quốc lộ 1 (chùa Hưng Phương Tự)	Cổng Xóm Lung	280	340	
		Quốc lộ 1 (cổng Tư Hây)	Ngã 3 Thiết	280	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Quốc lộ 1 (nhà ông Trần Quang Trúc)	Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu	400	440	
		Quốc lộ 1 (cổng bà Đội)	Kênh Cầu Móng	280	340	
		Quốc lộ 1 (cổng Lầu)	Kênh Cầu Móng	250	280	
4	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Từ Quốc lộ 1	Hết ranh phía Nam trường Mẫu giáo mới	850	900	
		Hết ranh phía Nam trường Mẫu giáo mới	Cầu Trường Học Nhà ông Lâm Hòa Bình	550	600	
		Cầu Trường Học Nhà ông Lâm Hòa Bình	Cầu áp 7 (Ba Nhạc)	300	340	
		Cầu áp 7 (Ba Nhạc)	Giáp ranh xã Phong Thạnh Đông	280	340	
5	Đường vào trường Tiểu học Phong Phú B	Quốc lộ 1	Cầu Trường học Mới	500	550	
		Cầu Trường học Mới	Nhà bà Lưu Thị Tiếp (Ngã 3 đường đi Vĩnh Phú Tây)	300	340	
6	Đường vào trường THCS Phong Phú	Cầu nhà ông Lâm Hòa Bình	Ngã tư cầu áp 7	250	280	
7	Đường vào cổng Vĩnh Phong	Ngã ba đường vào UBND Phường Láng Tròn	Cổng Vĩnh Phong	400	440	
		Cổng Vĩnh Phong (nhà ông Phạm Văn Trọng)	Cầu áp 12	250	280	
8	Đường số 1 (khu TĐC khóm 2, ranh quy hoạch phía nam)	Đường số 6 (nhà ông Nguyễn Văn Tiền)	Đường số 8	400	440	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
9	Đường số 2 (khu TĐC nhóm 2)	Đường số 7 (nhà ông Sài)	Đường vào trường mẫu giáo mới	450	480	
10	Đường số 3 (khu TĐC nhóm 2)	Đường số 6 (nhà ông Ngô Công Khanh)	Đường số 8	450	480	
11	Đường số 4 (khu TĐC nhóm 2)	Đường số 5	Đường số 8	450	480	
12	Đường số 5 (khu TĐC nhóm 2)	Đường số 4	Đường số 2	450	480	
13	Đường số 6 (khu TĐC nhóm 2)	Đường số 1	Đường số 4	450	480	
14	Đường số 7 (khu TĐC nhóm 2)	Đường vào cổng Vĩnh Phong (nhóm 2)	Đường số 1	450	480	
15	Đường số 8 (khu TĐC nhóm 2, ranh quy hoạch phía tây)	Đường số 4	Đường số 1	450	480	
		Quốc lộ 1 (nhà ông Tuấn ấp vịt)	Đường số 1 (khu TĐC)	400	480	
16	Chợ Láng Tròn	Ngã ba Láng Tròn (nhà ông Mã Thu Hùng)	Hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai	1,800	2,500	
		Từ hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai	Đến hết ranh đất bà Lộ Thị Thủy (con ông Sáu Diệu)	250	280	
17	Chợ Láng Tròn	Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Lâm Cẩm Hằng	1,800	2,100	
18	Đường vào Đồn ấp 3 Vĩnh Phong	Quốc lộ 1	Đập ấp 3 Vĩnh Phong	800	1,100	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường vào Đập áp 3 Vinh Phong	Đập áp 3 Vinh Phong	Giáp ranh xã Phong Tân	280	340	
19	Đường số 2 khu dân cư nhóm 3 (song song QL 1)	Đường số 4 (khu dân cư nhóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư nhóm 3)	750	820	
20	Đường số 3 khu dân cư nhóm 3 (ranh quy hoạch, song song QL 1)	Đường số 4 (khu dân cư nhóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư nhóm 3)	750	820	
21	Đường số 4 khu dân cư nhóm 3 (ranh quy hoạch)	Quốc lộ 1 (khu dân cư nhóm 3)	Đường số 3 (khu dân cư nhóm 3)	750	820	
22	Tuyến Kênh 16	Cầu 2 Đê	Kênh Cống Lâu	250	280	
23	Tuyến Kênh Hai Chen	Kênh nhóm 13	Kênh nhóm 12	250	280	
24	Tuyến Kênh nhóm 12 (Hào Quén)	Cầu nhóm 12	Giáp ranh xã Phong Thạnh Đông	250	280	
25	Tuyến đường Vành Đai cũ (song song với Quốc lộ 1)	Hương lộ Nhóm 2 (Đất bà Ngô Thị Năm)	Đường vào Trường Tiểu Học Phong Phú B (nhà ông Nguyễn Minh Tây)	300	340	
26	Tuyến đường chữ T (song song với tuyến đường vào UBND-phường-mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Út Em	Hết ranh đất nhà ông Bùi Tấn Hải	300	340	
27	Tuyến Nhóm 2 - Nhóm 12	bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Dũng, nhóm 2	đến Cầu Nhóm 12 nhà ông Trịnh Văn Sóng		340	Bổ sung
28	Tuyến Nhóm 3 - Cống Bà Đội (đường vành đai)	bắt đầu Khu Dân Cư Nhóm 3	đến Cống Bà Đội		340	Bổ sung
29	Tuyến Tư Bá Nhóm 2	bắt đầu từ nhà trọ ông 8 nhóm 2	đến nhà ông Hồ Vũ Bảo - kênh 7 Ói		340	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
30	Tuyến hẻm 5	bắt đầu từ nhà Kha Thanh Tài khóm 2	đến cuối nhà bà Huỳnh Thị Liêm		340	Bổ sung
31	Tuyến đường nhà trọ ông Quân khóm	bắt đầu từ nhà trọ ông Quân	đến kênh thủy lợi		340	Bổ sung
32	Tuyến đường kênh Đốc Béc khóm 1	bắt đầu từ nhà ông Ngô Văn Tổng	đến hết tuyến đường kênh Miếu		340	Bổ sung
II	XÃ PHONG THẠNH ĐÔNG					
1	Đường liên xã	Cầu Vĩnh Phong V14 (hướng Bắc)	Kênh chống Mỹ (đầu kênh hướng Nam)	360	400	
2	Đường vào trường Tiểu học PTD	Cột điện 2/19 (nhà ông Nguyễn Văn Dũng)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Trường Chiến	420	470	
3	Kênh ấp 9 (Xóm Cồng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ngọc Y	Cầu nhà ông Võ Văn Tuấn	250	280	
4	Tuyến Kênh Ấp 12 (Kênh Lầm Đồi)	từ nhà ông Lê Văn Hận	hết ranh đất của ông Trần Văn Tông		300	Bổ sung
III	XÃ PHONG TÂN					
1	Đường Giá Rai - Phong Tân	Giáp ranh Phường 1	Cầu Nhà ông Lương Ô Ra (giáp ranh xã Phong Thạnh Đông)	400	600	
2	Đường ấp 16B	Cầu kênh V 12 Chống Mỹ (Trạm y tế xã Phong Tân, ấp 16B)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thành Vạn (ấp 16B)	300	400	
3	Đường xã Phong Tân (ấp 18, 19, 20, 21)	Bắt đầu từ Cây Xăng Minh Lý	Giáp ranh Cầu Ranh Hạt ấp 21 xã Vĩnh Phú Tây	250	500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
4	Đường xã Phong Tân (ấp 14, 16A, 17, 19)	Cổng Vĩnh Phong 14 (nhà ông Trần Văn Tâm(8 Lọ))	Nhà ông Nguyễn Văn Sơn (Thúy)	250	400	
5	Đường ấp 15 (Phong Tân)	Cầu nhà ông Lương Ô Ra	Cầu ấp 15 (giáp Vĩnh Phú Tây)	250	340	
6	Đường ấp 14, ấp 16A (Phong Tân)	Cầu số 3 (nhà ông Trần Văn Tùng)	Cầu ấp 14 (nhà ông Lê Văn Khời)	250	340	
7	Đường ấp 15 (Phong Tân)	Cầu ấp 15 (nhà ông Lê Tấn Phùng)	Cầu nhà ông Lê Văn Thêm	250	280	
8	Đường ấp 16B và ấp 15 (Phong Tân)	Cầu ấp 15 (nhà ông Lê Tấn Dũng)	Cầu số 6 (Nhà ông 3 Xía)	250	280	
9	Đường ấp 19 (Phong Tân)	Cầu ấp 19, kênh Chông Mỹ	Kênh Vĩnh Phong 10 (Nhà ông Minh Điền)	250	280	
10	Đường ấp 17 (Phong Tân)	Cầu kênh 17 (nhà bà Trần Thị Lệ)	Cầu Thủy Lợi (nhà ông Phạm Thanh Tùng)	250	280	
11	Đường ấp 16A (Phong Tân)	Cầu ấp 16A (nhà Nguyễn Văn Tươi)	Đến hết ranh đất nhà Chiêm Quốc Trị	250	280	
12	Đường ấp 5 (Phong Tân)	Cầu Ô Rô	Đến hết ranh đất nhà ông Lý Văn Long (Cầu ấp 5)	250	280	
13	Đường ấp 17 (tuyến Ba Giang)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Hồng	Cổng Lung Mướp	250	280	
14	Tuyến ấp 16A	Cầu Ông Tại	Đến hết ranh đất Miếu Ông Tà (nhà ông Trương Văn Kính)	250	280	
15	Tuyến đường Kênh Cây Dương ấp 19	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Thế Mỹ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Thanh Tùng	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16	Tuyến đường ấp 20 (Liên ấp)	Từ ranh Trạm nước sạch ấp 20	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Ngọt	250	280	
17	Đường liên ấp	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phước	Kênh Vĩnh Phong 10	250	280	
18	Đường-tuyến đường (ấp 19; 17; 16B)	Bắt đầu từ cây xăng ông Trần Thanh Tùng ấp 19	Đến cầu trạm y tế ấp 16B		500	Bổ sung
IV	XÃ PHONG THẠNH					
1	Đường Giá Rai - Phó Sinh	Bắt đầu từ giáp xã Phong Thạnh A	Đến Cống 19		600	Bổ sung
		hết ranh trụ sở UBND xã mới	Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Vĩnh Phú Tây)		500	Bổ sung
2	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (gần trường tiểu học Phong Thạnh A)	Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Phong Thạnh Tây A)		600	Bổ sung
3	Đường xóm Lung	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (nhà ông Nguyễn Văn Dân)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)		450	Bổ sung
4	Đường Chủ Sáo	Bắt đầu từ Cống 19 (nhà ông Trần Văn Đoàn)	Miếu bà chúa Sứ		380	Bổ sung
		Miếu bà chúa Sứ	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)		350	Bổ sung
		Bắt đầu từ Cống 19 (nhà ông Thi Chí Thiện)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)		340	Bổ sung
5	Đường Tư Lãm	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)	Ngã Năm (nhà ông Đoàn Văn Hai)		350	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
6	Đường Chủ Chí 5	Bắt đầu từ cầu ấp 20 (gần trụ sở ấp 20)	Đến nhà ông Nguyễn Văn Tuấn		400	Bổ sung
		Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	trường THCS Phong Thạnh A (nhà ông Phan Văn Minh)		400	Bổ sung
7	Đường Chủ Chí 6	Bắt đầu từ trụ sở ấp 21	Đến trụ sở ấp 25		350	Bổ sung
8	Đường Tư Trù	Bắt đầu từ cổng ấp 25	Đến nhà ông Lê Văn Tuấn		300	Bổ sung
9	Đường Kênh Tượng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Nguyễn Văn Nơi	Đến nhà ông Trương Lý Lăng		300	Bổ sung
10	Đường xóm Huế	Bắt đầu từ miếu ấp 24	Đến nhà ông Dương Văn Tuấn		300	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Trung	Đến nhà ông Lê Văn Đâu		300	Bổ sung
11	Đường kênh Tượng	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Thành	Đến nhà ông Nguyễn Văn Thường		280	Bổ sung
12	Đường 7-Chanh	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến nhà ông Nguyễn Văn Sĩ		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến ngã năm ấp 19		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	Đến nhà ông Ba Già		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Trang Văn Thông	Đến nhà ông Trần Văn Giàu (ấp 23)		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
V	XÃ PHONG THẠNH A					
1	Đường Phan Đình Giót (nối dài)	Ranh Phường Hộ Phòng	Kênh Chủ Chí 4	300	340	
2	Đường Châu Văn Đặng (nối dài)	Cầu Trắng (giáp ranh Phường-Hộ Phòng)	Nhà ông Út Dũng	280	300	
3	Đường vào Phong Thạnh A	Giáp ranh ấp 1 Phường 1	Kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A)	350	380	
		Ngã tư kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A)	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đền	350	380	
4	Đường Giá Rai – Cạnh Đền	Kênh Chủ Chí 1 (Giáp Phường 1)	Kênh Chủ Chí 4 (giáp xã Phong Thạnh)	380	420	
5	Đường tránh Giá Rai - Cạnh Đền	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Nhà ông Tư Cua)	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Nhà ông Tùng vật liệu)	350	380	
6	Tuyến ấp 4 đến ấp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mười Hai	Đến hết ranh đất nhà ông Châu Văn Hai (giáp kênh Hộ Phòng - Chủ Chí)	250	280	
7	Tuyến ấp 4 đến ấp 22	Trụ sở xã Phong Thạnh A	Kênh Chủ Chí 4	250	280	
8	Tuyến kênh Chủ Chí 1	Cầu Út Công (ấp 4)	Cầu nhà 5 Chí (ấp 18)	250	280	
9	Cầu Trần Văn Sớm (nối dài)	Chân cầu Trần Văn Sớm đoạn giáp với Phường 1	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đền	450	900	
10	Quốc Lộ 1 đi xã Phong Thạnh A, nối tuyến tránh Giá Rai - Cạnh Đền	Giáp ranh với Phường 1 (Bệnh viện Giá Rai)	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đền	380	420	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Tuyến áp 22 đi áp 3	Trường THCS, Tiểu học Phong Thạnh A	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Bình (kênh Chủ chỉ II)	250	280	
12	Tuyến áp 22	Ngã ba nhà ông Kỳ (áp 22)	Cầu Phạm Hồng Văn (áp 22)	250	280	
13	Tuyến áp 22 đi áp 24	Chùa Hổ Phù (áp 22)	Rạch Ba Chol (kênh Chủ chỉ III)	250	280	
14	Tuyến áp 24 (Rạch xóm Huế)	Cầu Ba Chol (nhà ông Trần Văn Hoà)	Kênh Chủ chỉ (ngã tư nhà ông Lê Văn To)	250	280	
15	Tuyến kênh Chủ Chỉ III	Nhà ông Út Hiền (áp 22)	Cầu nhà ông 5 Hùng Em (áp 24)	250	280	
16	Tuyến kênh Chủ Chỉ IV (áp 25 nối áp 24)	Nhà ông Lê Văn Thừa (áp 25)	Cầu nhà ông Ngô Minh Tiền (áp 24)	250	280	
17	Tuyến kênh Chủ Chỉ IV (áp 22)	Ngã tư Cỏ (áp 22)	Đến nhà ông Trần Văn Việt (áp 22)	250	280	
VI- XÃ PHONG THẠNH TÂY						
1	Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp	Giáp xã Tân Thạnh (Kênh Giồng Bướm)	Cầu Hai Thanh	450	900	
		Cầu Hai Thanh	Cầu vượt Hộ Phòng-Chủ Chỉ (hết ranh Phong Thạnh Tây)	400	900	
		Cầu Đen (giáp Tân Phong)	Cầu Mười Thêm	350	380	
		Cầu Mười Thêm	Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công	450	480	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công	Cầu Hai Thanh	320	360	
		Cầu Hai Thanh	Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đầy	250	280	
		Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đầy	Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng	300	340	
		Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng	Ngã 5 Vàm Bóm (giáp xã Tân Thạnh)	350	380	
3	Đường Dầu Sầu - Tân Lộc	Cây Dừa 1 (giáp ranh Tân Phong)	Cầu Khúc Tréo	300	340	
VII XÃ TÂN PHONG						
1	Đường Khúc Tréo - Tân Lộc	Quốc Lộ 1	Qua trường mẫu giáo 100m về phía bắc	400	700	
		Qua trường mẫu giáo 100m về phía bắc	Hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc	350	500	
		từ hết Ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc	hết tuyến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây	350	350	
2	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Giáp ranh Phường Hộ Phòng	Hết ranh nhà thờ	700	750	
		Hết ranh đất nhà thờ	Cầu Đen (giáp Phong Thạnh Tây)	500	550	
3	Đường vào trường tiểu học Tân Hiệp	Quốc Lộ 1	Ranh phía bắc trường Tiểu học (hết ranh)	400	440	
		Ranh phía bắc trường Tiểu học (hết ranh)	Cống Khúc Tréo	350	380	
4	Đường vào Trung tâm Bảo trợ xã hội	Quốc Lộ 1	Hết đường (giáp trung tâm)	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Cổng Nhân Dân (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tìm cổng Nhân Dân	350	380	
6	Cổng Cây Gừa (Khúc Tréo) (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tìm cổng Cây Gừa	350	380	
7	Cổng Lầu Bằng (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tìm Cổng Lầu Bằng	350	380	
8	Cổng Sư Sơn (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tìm cổng Sư Sơn	350	380	
9	Đường lộ cũ ấp 2	Giáp ranh Hộ Phòng	Quốc Lộ 1	400	440	
10	Tuyến Trung Tâm Bảo Trợ - Kênh Hàng Mai	Giáp Trung Tâm Bảo Trợ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Giàu	270	300	
11	Tuyến Kênh Đào	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thùy Dương (hết đường)	270	300	
12	Tuyến Kênh 2 Lương	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tông (hết đường)	270	300	
13	Tuyến Láng Trâm	Quốc Lộ 1	Cổng Láng Trâm	270	300	
14	Tuyến Tin Lành	Nhà Thờ tin lành	Cầu ông Tư Tráng	270	300	
VIII	XÃ TÂN THẠNH					
1	QL Quán Lộ - Phụng Hiệp	Giáp Cà Mau	Cầu kênh Lung Thành	1,000	1,200	
		Cầu kênh Lung Thành	Giáp Phong Thạnh Tây	800	900	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường kênh Láng Trâm	Quốc lộ 1	Cổng Láng Trâm	700	750	
		Cổng Láng Trâm	Cầu số 1	600	660	
		Cầu số 1	Ngã 5 ấp 8	500	550	
		Ngã 5 ấp 8	Giáp Cà Mau	350	380	
3	Áp Xóm Mới	Cổng Láng Trâm	Đập Láng Trâm	350	380	
4	Đường Kênh Lung Cặp (Áp Xóm Mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thắng	Kênh Sáu Vàng	400	440	
5	Áp Xóm Mới	Cầu Số 1	Cầu Xã Xứ	350	380	
		Cầu Xã Xứ	Cầu Ông Cầm	300	340	
		Cầu Ông Cầm	Giáp ấp 3 Tắc Vân	350	380	
6	Đường Gò Muồng	Cầu nhà ông Minh Mười	Cầu ông Thi (nhà Trần Thị Tuyền)	250	280	
7	Đường Lung Ngang (ấp Gò Muồng)	Bến dò (Việt Tân)	Cầu Khảo Xén	250	280	
		Cầu Khảo Xén	Cầu Tư Hải	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Anh	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Quốc Tuấn	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8	Đường ấp Gò Muồng - ấp 9	Cầu ông Sừ	Trường Tiểu học ấp 9	350	380	
9	Đường ấp 9	Cầu ông Bé Thơ	Đến hết ranh đất nhà Trần Minh Được	250	280	
10	Đường ấp 9	Cầu Xã Xứ	Cầu Trường tiểu học ấp 9	300	340	
11	Đường ấp 9	Cầu nhà ông Trọng	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Văn Bé	250	280	
12	Đường ấp kênh Lớn	Cầu ông Bình (Bu)	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hộ	250	280	
13	Đường ấp 8	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hai Cừ (Láng Trám 3)	Kênh Lung Thành (nhà Ngọc Anh)	250	280	
14	Đường ấp 8	Cầu Rạch Dừa	Đến hết ranh đất nhà ông Út Tuyển	250	280	
15	Lộ Công ty Thiên Phú (lộ Quy Hoạch)	Quốc Lộ 1	Đường Láng Trám - ngã 5	700	800	
16	Kênh Long Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Khuyến	Giáp ấp 3 xã Tắc Vân	300	340	
17	Kênh Nước Mặn	Cầu Lung Nước Mặn	Cầu số 3	250	280	
18	<i>Tuyến Bờ Đông</i>	<i>Đường Quân lộ Phụng Hiệp</i>	<i>Đập Láng Trám</i>		350	<i>Bổ sung</i>
IX	KHU VỰC PHƯỜNG 1					
1	Đường lộ cũ (Trụ sở Khóm 2)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cổng Ba Tuyển	550	750	
		Ngã ba (Quốc lộ 1)	Cầu Giá Rai - Gành Hào	1,000	1,500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường Giá Rai-Gành Hào	Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đỉnh 1)	Cầu Rạch Rắn 1	750	1,200	
		Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đỉnh 2)	Cổng Chùa mới	750	1,200	
3	Phan Thanh Giản	Lê Lợi	Cầu Đỉnh	1,000	1,200	
4	Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,000	1,200	
5	Trung Trắc	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,000	1,200	
6	Trung Nhị	Nguyễn Thị Lụa	Trần Hưng Đạo	750	800	
		Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,000	1,100	
7	Trần Hưng Đạo	Cầu Giá Rai - Gành Hào	Tìm đường Phan Thanh Giản	1,000	1,100	
		Tìm đường Phan Thanh Giản	Tìm đường Lý Thường Kiệt	1,400	1,500	
		Tìm đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thị Lụa	900	1,000	
8	Lý Thường Kiệt	Cổng trường THCS Giá Rai A	Đường Lê Lợi	750	800	
9	Lê Lợi	Cầu Gành Hào-Giá Rai	Tìm đường Phan Thanh Giản	850	900	
		Tìm đường Phan Thanh Giản	Tìm đường Trung Nhị	1,200	1,300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Tìm đường Trung Nhị	Tìm đường Lý Thường Kiệt	820	900	
10	Nguyễn Thị Lượm	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cầu Đen	480	540	
11	Nguyễn Tri Phương (lộ nhựa Khóm 3)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	480	750	
		Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	Hết đường (giáp kênh)	350	480	
12	Đường lộ nhựa Khóm 4	Cầu chương trình 135	Giáp Phường Hộ Phòng	300	420	
13	Nguyễn Văn Chức (đường vào khu di tích Nọc Nặng)	Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nặng	500	750	
		Cổng Nọc Nặng	Giáp ranh Phong Thạnh A	420	550	
14	Tuyến KDC Nọc Nặng đến Khu di tích Nọc Nặng	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	Giáp đường vào Khu di tích Nọc Nặng	500	750	
15	Nguyễn Văn Uông (Đường Tòa án)	Quốc lộ 1	Ngã ba	800	1000	
		Ngã ba	Hết đường Nguyễn Văn Uông	550	800	
16	Đường vào Phong Thạnh A (vào trại chăn nuôi cũ)	Quốc lộ 1	Hết ranh Phường 1	600	800	
17	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phố Sinh Khóm 1)	Quốc lộ 1	Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	1000	1100	
		Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	Cổng Phố Sinh	800	900	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Cổng Phó Sinh	Kênh Chủ Chí 1 giáp ranh Phong Thạnh A	500	570	
18	Quách Thị Kiều (Đường đi Phó Sinh, khóm 2)	Quốc lộ 1	Cổng Phó Sinh	800	900	
		Cổng Phó Sinh	<i>Giáp đường Giá Rai - Phong Tân</i>	500	560	
19	Đường Giá Cắn Bậy	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết ranh Phường 1	420	470	
20	Tạ Tài Lợi (Đường sau UBND huyện)	Đường Tòa án	Ngã ba đường trường mẫu giáo Sơn Ca	420	800	
21	Dương Văn Diệp (Đường trường mẫu giáo Sơn Ca)	Đầu ranh trường mẫu giáo Sơn Ca	Đường Tạ Tài Lợi	420	800	
22	Phùng Ngọc Liêm (Đường huyện đội)	Quốc lộ 1	Hết đường bệnh viện mới	420	800	
23	Đường Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Kênh Rạch Rắn	750	1,000	
24	Đường Quốc lộ 1 - xã Phong Thạnh A	Đường số 4 (KDC Thiên Phúc)	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	750	800	
25	Đường Chùa Cô Lý	Chùa Cô Lý	Hết ranh nhà ông Trần Văn Bông	750	800	
26	Đường Giá Rai - Phong Tân	Quốc lộ 1	Cầu số 1 xã Phong Tân	750	1,000	
27	<i>Đường Cầu Trần Văn Sớm</i>	<i>Cầu Trần Văn Sớm</i>	<i>Giáp ranh xã Phong Thạnh A</i>		<i>1,000</i>	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
28	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Đường Trần Văn Sớm	Giáp ranh phường Hộ Phòng		1,000	Bổ sung
29	Đường khu dân cư Nhật Trang (trục chính của dự án)	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường		1,500	Bổ sung
30	Đường khu dân cư Nhật Trang (đường nội bộ)	Toàn-tuyến			1,000	Bổ sung
	Khóm 1					
31	Hẻm số 5 (nhà Bảy Hoàng)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu (hết đường)	420	500	
32	Hẻm số 7 (nhà Dũng Composite)	Đường dân sinh đường Nọc Nặng	Nhà ông Dũng (Composite)	420	500	
33	Hẻm số 6 (hẻm Sơn Lệ)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông bé Chạy Đáy)	420	500	
34	Hẻm số 3 (bác sĩ Thiết)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	
35	Hẻm số 2 (đường hẻm Bến đò)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	
36	Hẻm số 1 (hẻm Đầu Voi)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	
37	Đường dân sinh cầu Nọc Nặng	Quốc lộ 1	Kênh Nọc Nặng	420	470	
38	Đường dân sinh cầu Giá Rai	Quốc lộ 1	Hẻm số 1 (Hẻm Đầu Voi)	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Khóm 2					
39	Hẻm số 16 (hẻm Chệt Tám)	Quách Thị Kiều	Hết hẻm (Nhà ông Sừ Văn Hóm)	300	340	
40	Hẻm số 7 (hẻm nhà ông Ba Thi)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh Thủy Lợi)	300	340	
41	Hẻm số 5 (hẻm Cây Táo)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông Trần Văn Hớn)	300	340	
42	Hẻm số 4 (hẻm Bầy Liếng)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông Từ Văn Liếng)	300	340	
43	Hẻm số 15 (hẻm Ba Lát)	Quách Thị Kiều	Hết đường (Nhà bà Phan Thị Huệ)	300	340	
44	Kênh áp 5 - Ba Lát	Quách Thị Kiều	Giáp xã Phong Tân	300	340	
45	Hẻm số 1 (hẻm Công Lâu)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Út	300	340	
46	Hẻm số 6	Quốc lộ 1	Kênh Thủy Lợi	300	340	
47	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Thị Oanh	300	340	
48	Hẻm số 2	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	
49	Hẻm số 8	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	
50	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	
51	Tuyến đường dân sinh khóm 2 (cầu Giá Rai)	Chợ khóm 2	Kênh Phó Sinh (nhà ông Nguyễn Tấn Nghinh)	420	470	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Khóm 4					
52	Đường vào Trường Tiểu học Giá Rai C (khóm 4)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết đường (Kênh Thủy Lợi)	300	340	
53	Tuyến đường chùa mới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Bảy	300	340	
54	Tuyến Xóm Lưới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	300	340	
55	Đường Cầu Thanh Niên	Cầu Nhà ông Huỳnh Mười	Kênh Rạch Rắn	300	340	
	Khu dân cư Nọc Nặng					
56	Đường số 1	Quốc lộ 1	Đường số 8	3,800	4,200	
57	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Chức	Đường số 9	1,700	2,300	
58	Đường số 3	Đường số 5	Đường số 10	1,700	2,300	
59	Đường số 4	Đường số 8	Giáp ranh Huyện đội	1,700	2,300	
60	Đường số 5	Đường số 2	Đường số 3	1,700	2,300	
61	Đường số 6	Đường số 3	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	2,400	2,700	
62	Đường số 7	Đường số 2	Đường số 3	2,400	2,700	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
63	Đường số 8	Đường số 4	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	5,000	5,700	
X	KHU VỰC PHƯỜNG HỘ PHÒNG					
1	Đường trước Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã ba Bưu điện	Ngã ba bến xe - tàu (Hết nhà Ba Mão)	2,100	2,800	
2	Đường 30/4	Đầu Voi Hộ Phòng - Chủ Chí	Ngã ba đồng lạnh Hộ Phòng	720	1,000	
3	Tô Minh Xuyên	Hẻm số 4	Đường Phan Đình Giót	1,000	1,300	
4	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí (Tư Bình)	Quốc lộ 1	Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	2,000	2,400	
		Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	Giáp ranh xã Tân Phong	1,500	1,800	
5	Trần Văn Quý	Quốc lộ 1	Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	4,000	4,300	
6	Đường 30/4 (ngã ba Tân Thuận đi ngã ba Tác Sậy)	Ngã ba Tân Thuận	Hẻm số 6	1,400	1,700	
		Hẻm số 6	Giáp ranh Tác Sậy - Tân Phong	900	1,000	
		Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	Kho vật tư cũ (cầu Hộ Phòng)	4,000	4,400	
7	Đường 30/4	Cầu Hộ Phòng (dây bờ sông)	Hết đường (nhà ông Thiệu)	1,200	1,350	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8	Lê Văn Tám (đường số 1)	Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	8,000	8,500	
		Nguyễn Quốc Hương	Kênh Lái Niền	5,000	5,700	
		Kênh Lái Niền	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1,000	1,300	
9	Nguyễn Văn Nguyên (đường số 2)	Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	6,000	6,500	
10	Trần Văn Ôn (đường số 3)	Nguyễn Quốc Hương	Cao Triều Phát	5,000	5,700	
11	Huỳnh Hoàng Hùng (đường số 4)	Quốc lộ 1	Từ Minh Khánh	7,000	7,500	
12	Cao Triều Phát (đường số 5)	Lê Văn Tám	Hết đường (giáp chùa Long Đức)	5,500	5,800	
13	Từ Minh Khánh (đường số 6)	Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	6,800	7,200	
		Huỳnh Hoàng Hùng	Hết đường (sông Hộ Phòng – Chú Chí)	4,000	4,600	
14	Nguyễn Quốc Hương (đường số 7)	Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	7,000	7,500	
15	Đường vào Chùa	Quốc lộ 1 (nhà ông Lưu Minh Lập)	Ranh phía nam nhà ông Trần Văn Thiểu	4,000	4,500	
		Ranh phía nam nhà ông Trần Văn Thiểu	Hết ranh đường bê tông (nhà ông Châu Văn Toàn)	1,500	1,700	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16	Tuyến Phà ấp 4	Ranh Chùa Khومه cũ	Cầu Sắt	300	340	
17	Tuyến Kinh lộ cũ	Ranh Chùa Khومه cũ	Ranh ấp 4 Phường 1	270	320	
18	Đường ngang qua nhà ông Nguyễn Văn Thanh Dũng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khánh	Giáp ranh xã Long-Điền - Đông Hải	270	320	
		Đầu Voi (ấp 4)	Hết đường (nhà ông Huỳnh Bé Mười)	270	320	
19	Đường vành đai Hộ Phòng	Cầu Nọc Nặng 2	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1,000	1,300	
20	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1A) (Áp dụng suốt tuyến bao gồm Phường Hộ Phòng và xã Tân Phong)	Quốc lộ 1 (ấp 1)	Quốc lộ 1 (giáp ranh Tân Phong)	2,000	2,400	
21	Phan Đình Giót (đường Thanh Niên)	Quốc lộ 1	Tô Minh Xuyên	2,000	2,400	
		Tô Minh Xuyên	Đập Ba Túc + 100m	1,500	1,800	
		Đập Ba Túc + 100m	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	1,000	1,300	
22	Châu Văn Đặng (đường Cầu Trắng)	Phan Đình Giót	Đường Tránh Hộ Phòng (QL 1)	1,500	1,800	
		Đường Tránh Hộ Phòng (QL 1)	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	1,000	1,300	
23	Đường phía Đông nhà thờ Ninh Sơn	Đầu đường nhà ông Nguyễn Hải Đăng	Hết ranh đất nhà bà Phan Thị Diệp	500	600	
	Khóm 1					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
24	Đường lộ cũ ấp 1	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Thanh Tâm	500	620	
25	Đường trạm quản lý cống	Bắt đầu từ ranh đất Chùa Hải An	Ranh Phong Thạnh A	350	420	
26	Đường dọc bờ sông (ấp 1)	Cầu Hộ Phòng	Hết đường (Nhà ông Lưu Quốc Nam)	500	620	
27	Đường phía Đông Trung tâm dạy nghề	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Đường tránh tuyến	500	620	
28	Đường phía Tây Trung tâm dạy nghề	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông thầy Bình	Hết đường (Nhà ông Nguyễn Thanh Phong)	500	620	
29	Đường phía Đông kênh Ba Túc	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Giang Anh	Đến hết ranh đất nhà Châu Như Truyền	500	620	
30	Đường phía Tây kênh Ba Túc	Bắt đầu từ ranh đất Cơ sở tôm giống ông Cung	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Hiền	500	620	
31	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Hẻm 14 (hết ranh nhà bà Lê Việt Thu)	500	620	
32	Hẻm số 4 (trường Tiểu học Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Hết đường	1,000	1,200	
33	Hẻm số 5 (hẻm hăng nước đá)	Quốc lộ 1	Ngã ba xuất khẩu	1,000	1,200	
34	Hẻm số 6 (hẻm Bá Toàn)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,000	1,200	
35	Hẻm số 7 (hẻm Xuân Hen)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,000	1,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
36	Hẻm số 8 (chùa mới Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Tèo	1,000	1,200	
37	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Hết đường	1,000	1,200	
38	Hẻm số 13	Đầu đường nhà bà Nguyễn Dương Thùy Loan	Hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Dal	500	580	
39	Hẻm số 15 (nhà máy Hòa Phong cũ)	Phan Đình Giót	Kênh xáng Hộ Phòng-Chủ Chí	620	680	
40	Hẻm số 19 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Mai Thanh Hùng)	Hết đường (nhà Nguyễn Thị Điệp)	620	680	
41	Hẻm số 20 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Nguyễn Văn Mau)	Hết đường (nhà ông Nguyễn Văn Sáu)	620	680	
42	Hẻm số 21	Đường Thanh Niên (nhà ông Nguyễn Văn Hùng)	Hết đường (nhà bà Trần Mỹ Dung)	500	580	
43	Hẻm số 23 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (Nhà ông Khởi NH Chính Sách)	Hết đường (nhà Thái Thành Nghiệp)	620	680	
44	Hẻm số 24 (ngang hẻm trụ sở ấp 1)	Phan Đình Giót	Giáp kênh Ánh Xuân	500	580	
45	Hẻm số 26	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Phước Sơn	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Bích Liên	500	580	
46	Tuyến nhà ông Bùi Xuân Kiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Công Thạch	Đến hết ranh đất nhà Dương Văn Đoàn	500	580	
47	Đường vào nhà bà Trần Thị Nho	Đường Phan Đình Giót	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Mạnh	500	580	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
48	Đường Lò Rèn	Giáp hèm số 4	Đến hết ranh đất nhà ông Từ Khươt	500	580	
49	Đường sau trường Tiểu học Hộ Phòng B	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Huệ	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Lành	500	580	
50	Khu nhà ông Đuọc (bến xe)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,500	1,650	
51	Hèm số 12 (cấp phòng KT - HT cũ)	Đường trước Ngân hàng Nông nghiệp	Đường 30/4	700	780	
52	Đường vào công an Phường Hộ Phòng	Cửa hàng VLXD Hộ Phòng	Phước Đức Cổ Miếu	500	580	
53	Hèm cấp nhà ông Kim Phương	Đập Nhỏ	Đến hết ranh đất nhà ông Trương Văn Cường	500	580	
54	Hèm nhà Hoàng Anh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng	Cổng trường cấp 2	1,000	1,200	
		Cổng trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Thắng	400	460	
55	Đường nhà ông Trần Hồng Quân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Tám	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Huệ	500	570	
	Khóm 2					
56	Đường chợ cũ (phía đông)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	7,000	8,000	
57	Đường chợ cũ (phía tây)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	7,000	8,000	
58	Hèm số 6 (hèm hăng nước đá cũ)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	2,000	2,800	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
59	Hẻm Tự Lực	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Diệp Văn Hiệp)	2,500	3,100	
60	Hẻm số 4 (hẻm phế liệu)	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Hàn Minh Toàn)	1,000	1,300	
61	Hẻm số 5 (hẻm Thanh Tâm)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,000	1,300	
62	Hẻm số 8 (nhà ông Quý đến nhà ông Sinh)	Đường Lê Văn Tám	Hết đường (Nhà ông Nguyễn Văn Sinh)	1,000	1,300	
63	Hẻm nhà ông Nguyễn Hoàng Khang	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Quý	500	580	
64	Hẻm số 7 (đây nhà thầy Nhận)	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Bích Loan	650	720	
65	Hẻm số 1 (cặp nhà ông Lến, Hoàng Thám)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Ngọc Minh	2,000	2,400	
66	Đường sau nhà ông Đạm (khu Việt Úc)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đạm	Chùa Long Đức	500	580	
67	Hẻm số 3 (đường nhà ông Trí)	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Quý	2,000	2,400	
68	Hẻm số 2 (Đường Ngân hàng Chính Sách)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lưu Thị Út	2,000	2,400	
69	Hẻm cặp nhà ông Huỳnh Văn Bình	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà ông Quách Hon	500	580	
70	Hẻm số 10 (hẻm nhà bà Liễu)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Liễu	500	580	
71	Hẻm số 11 (hẻm nhà ông Trương Văn Bạch)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Kiệt	500	580	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Khóm 3					
72	Tuyến dọc kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Thanh Phong (xáng đầu)	Hết đường (cấp kênh xáng CM-BL)	350	420	
73	Tuyến dọc kênh Hộ Phòng - Gành Hào	Bến phà cũ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	350	420	
		Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp ấp Quyết Thắng	270	320	
74	Tuyến Bảy Gõ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp kênh Bảy Gõ	320	360	
	Khóm 5					
75	Hẻm số 5	Quốc lộ 1 (phía Tây nhà bà Nguyễn Thị Sáu)	Giáp kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,000	1,200	
76	Đường cấp nhà Nguyễn Thị Quế	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà bà Thái Văn Oai)	1,000	1,200	
77	Đường vào trường Tiểu học Hộ Phòng C	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Hộ Phòng C	1,000	1,200	
78	Đường cấp nhà ông Hữu Hạnh (Hẻm 4)	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà Hoàng Đức Dường)	1,000	1,200	
79	Đường vào Trạm biến điện	Quốc lộ 1	Trạm biến điện (Nhà ông Châu Văn Thẩm)	2,000	2,200	
80	Cống Nọc Nạng	Quốc lộ 1	Cống Nọc Nạng	1,000	1,200	
		Cống Nọc Nạng	Đến hết ranh đất nhà ông Danh Xem	500	580	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
81	Đường dân sinh Cầu Nọc Nặng	Phía Nam Quốc lộ 1: ranh bờ sông (nhà ông Trần Văn Sang) hết chân cầu (nhà bà Lương Thị Hường)		2,000	2,200	
		Phía Bắc Quốc lộ 1: ranh bờ sông (nhà ông Vũ Văn Quân) hết chân cầu (nhà bà Phạm Thị Thành)		1,200	1,350	
82	Hèm số 2	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà ông Nguyễn Việt Triều)	1,000	1,200	
83	Hèm số 3 (nhà Lâm Ba)	Quốc lộ 1	Hết ranh đất đất nhà bà Ngoạn	1,000	1,200	
84	Hèm số 10	Quốc lộ 1 (nhà bà Nguyễn Thị The)	Hết đường (Nhà ông Trần Đình Liên)	500	580	
85	Hèm số 12	Quốc lộ 1 (nhà nuôi yến Trần Quang Xuyên)	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	1,500	1,750	
86	Hèm số 15 (phía Đông nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu đến hết đường	500	580	
87	Hèm số 17 (phía Tây nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu đến hết đường về phía Tây (KDC áp 5)	500	580	
88	Hèm số 6	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chuẩn	500	580	
89	Hèm số 7 (nhà ông Chế Văn Công)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Phích	500	580	
90	Hèm số 8 (nhà ông Ngô Mộng Xuân)	Quốc lộ 1	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	500	580	
91	Đường khu dân cư Thành Trung	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Hoa	1,500	1,800	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
92	Hẻm Trung Kiên	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Đào Văn Sỹ	500	580	
93	Đường phía đông chợ Nọc Nặng	Quốc lộ 1 (Nhà ông Đinh Phi Hổ)	Hết đường (nhà ông Đinh Văn Dánh)	900	1,000	
94	Đường phía tây chợ Nọc Nặng	Quốc lộ 1 (Nhà ông Châu Văn Cam)	Hết đường (nhà bà Trần Thị Nhật)	900	1,000	
95	Hẻm nhà trẻ Hoa Hồng	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất Nhà trẻ Hoa Hồng	500	580	
96	Hẻm số 14	Đầu đường nhà bà Dương Thị Sương (giáp Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Loan	500	580	
97	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Giáp ranh Phường 1	Giáp áp Đẩu Lá xã Long Điền	500	1,000	
KHU DÂN CƯ ĐẠI LỘC						
98	Đường vào KDC Công ty Đại Lộc Khu A	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Thạch Hòa Hiệp)	6,000	6,800	
99	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc Khu A (Đường số 1, 2, 4)	Nguyên tuyến		4,000	4,800	
100	<i>Đường số 7 KDC Công ty Đại Lộc Khu B và khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng</i>	Đường Quốc lộ 1A	Cuối đường	1,500	6,000	
101	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc Khu B	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Cuối đường	1,500	4,200	
102	<i>Đường Khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (Đường số 2)</i>	<i>Đường Nguyễn Quốc Hương</i>	<i>Đường số 07</i>		5,500	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
103	<i>Đường nội bộ khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (Đường số 3, 4, 5, 6)</i>	<i>Nguyễn Tuyển</i>			5,200	<i>Bổ sung</i>
104	Đường vào khu đất thánh	Quốc lộ 1	Đường Vành Đai	1,000	1,500	
105	Đường Dân sinh cầu khóm 2	Phía Nam Quốc lộ 1 (Nhà ông Bừ Điền)	Kênh Xáng Hộ Phòng	2,500	3,200	
		Phía Nam Quốc lộ 1 (Nhà ông Trần Hồng Lén)	Kênh Xáng Hộ Phòng	2,500	3,200	

**BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở
THỊ TRẤN, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRUNG TÂM XÃ
HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	THỊ TRẤN PHƯỚC LONG					
	Đường bờ Bắc - Kênh Q. lộ - Phụng Hiệp					
1		Bắt đầu từ cầu 30/4 (kênh Cộng Hòa)	Đến kênh Tài Chính (khu Hành chính)	2,300	2,600	
2		Kênh Tài Chính (Ba Tụ)	Đến kênh Cầu Cháy			
		+ Trên lộ		1,300	1,450	
		+ Dưới lộ		1,100	1,280	
3		Bắt đầu từ kênh Cầu Cháy	Đến Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt)			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		800	900	
4		Bắt đầu từ Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt)	Đến cầu kênh Xáng Hòa Bình (Cầu Trắng)			
		+ Trên lộ		950	1,050	
		+ Dưới lộ		800	900	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5		Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (Cầu Trắng)	Đến giáp ranh H. Hồng Dân			
		+ Trên lộ		750	800	
		+ Dưới lộ		650	700	
6		Bắt đầu từ bờ Tây kênh cầu Tài Chính	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		780	850	
		+ Dưới lộ		600	700	
7		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến ngã ba ông Bững	650	750	
8		Bắt đầu từ bờ đông kênh cầu Tài Chính	Đến kênh 1.000	500	640	
9	Lộ sau Huyện uỷ	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (đường Yên Mô phía Nam)	1,400	1,650	
		Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (đường Yên Mô phía Bắc)	1,400	1,650	
10	Phía đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ cầu 30/4	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Đông)			
		+ Trên lộ		800	900	
		+ Dưới lộ		650	750	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
Phía Tây kênh Cộng Hòa						
11		Bắt đầu từ cầu 30/4	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Tây)			
		+ Trên lộ		750	800	
		+ Dưới lộ		600	700	
12		Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến hết Cầu Phước Long 2			
		+ Trên lộ		1,300	1,450	
		+ Dưới lộ		900	1,050	
13		Bắt đầu từ hết Cầu Phước Long 2	Đến hết ranh Hăng Mũ			
		+ Trên lộ		900	1,000	
		+ Dưới lộ		720	850	
14		Bắt đầu từ hết ranh Hăng Mũ	<i>Đến giáp ranh xã Phước Long</i>			
		+ Trên lộ		700	800	
		+ Dưới lộ		500	600	
15		Bắt đầu từ kênh 2.000 (lộ Phước Long - Vĩnh Mỹ)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Bắc)	350	400	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16		Từ cầu Xã Tá	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	450	500	
17		Bắt đầu từ cầu Xã Tá	Đến hết ranh Nghĩa Trang			
		+ Trên lộ		800	850	
		+ Dưới lộ		550	600	
18		Bắt đầu từ hết ranh Nghĩa Trang	Đến hết ranh Khách sạn Hoàng Châu			
		+ Trên lộ		1,100	1,200	
		+ Dưới lộ		750	900	
19		Bắt đầu từ hết ranh Khách sạn Hoàng Châu	Đến ranh Cầu Phước Long			
		+ Trên lộ		1,400	1,500	
		+ Dưới lộ		1,100	1,250	
20		Bắt đầu từ ranh Cầu Phước Long	Đến Cầu Sắt			
		+ Trên lộ		2,500	3,000	
		+ Dưới lộ		2,000	2,600	
21		Bắt đầu từ cầu Sắt	Đến cầu Phước Long 2			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		850	950	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
22		Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây			
		+ Trên lộ		750	820	
		+ Dưới lộ		600	660	
23		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000	650	700	
24		Bắt đầu từ cầu Kênh 1.000 (bờ Đông)	Đến giáp ranh xã Phước Long (vô vườn cò)	650	700	
25		Bắt đầu từ cầu kênh Xáng Hòa Bình (cầu Trắng)	Đến giáp ranh huyện Hồng Dân (bờ Tây)	650	700	
Đường bờ Nam-Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp						
26		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Đông)	1,300	1,400	
27		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Tây)	1,500	1,600	
28		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô) (Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Nam	1,200	1,300	
29		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô) (Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Bắc	1,000	1,100	
30		Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ Phụng Hiệp)	Đến Kênh Miếu Bà áp Long Đức	550	600	
31		Bắt đầu từ kênh Miếu Bà áp Long Đức	Đến Cầu Ba Phát	500	560	
32		Bắt đầu từ cầu Ba Phát	Đến Cầu Mười Hai (giáp VP. Đông)	450	490	
33		Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ Phụng Hiệp) bờ bắc	Đến Cầu Ba Phát	400	450	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
34		Bắt đầu từ lộ Ba Rô (Hoa Rô)	Đến hết ranh hãng nước đá Vĩnh Hào			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		650	710	
35		Bắt đầu từ hết ranh hãng nước đá Vĩnh Hào	Đến giáp ranh cầu xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		750	800	
		+ Dưới lộ		600	660	
36		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Đông (bờ Nam TT PL)	Đến Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp	250	280	
Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long						
37		Từ trụ sở ấp Nội Ô	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp			
		+ Trên lộ		2,500	3,000	
		+ Dưới lộ		2,200	2,600	
38		Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp	Đến hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	1,100	1,200	
39		Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	Đến Cầu Hai Niệm	800	920	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
40		Bắt đầu từ cầu Hai Niệm	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		600	670	
		+ Dưới lộ		500	570	
41		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (bờ Tây)	3,000	3,600	
42		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (bờ Đông)	2,500	3,100	
43		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến Ngã ba Lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1,700	1,900	
Lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra QL Quản lộ Phụng Hiệp						
44		Bắt đầu từ lộ ấp Phước Thuận 1 đi xã Vĩnh Phú Đông	Đến giáp Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1,100	1,200	
45		Bắt đầu từ ranh nhà Bác sĩ Đức	Đến lộ Ba Rô (2 bên lộ)	2,500	2,800	
46		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Trường Mẫu giáo	2,200	2,300	
47		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 3 lộ nhà Bác sĩ Đức - lộ Ba-Rô	2,000	2,150	
48		Bắt đầu từ lộ cầu Đức Thành I	Đến hết ranh Trường cấp 1 B (Lộ sau 2 bên)	3,500	3,700	
49		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp 1B	Đến lộ Hoa Rô (2 bên lộ)	1,800	2,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
50	Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	Đến cầu Hoa Rô	1,200	1,300	
		Bắt đầu từ cầu Hoa Rô	Đến hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	2,000	2,150	
		Bắt đầu từ hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	1,200	1,300	
51	Đường Nho Quan	Bắt đầu từ Lộ Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến giáp Quản lộ Phụng Hiệp	2,000	2,150	
52	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến Ngã 4 Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	2,000	2,150	
		Bắt đầu từ ngã 4 Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	Đến hết ranh Kênh 1000	2,000	2,150	
		Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Đến ranh nhà Chín Thọ	1,000	1,100	
		Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000	Đến Ngã 3 Phước Long Vĩnh Mỹ	1,500	1,650	
		Bắt đầu từ đường dẫn cầu Phước Long	Đến kênh 500 ấp Long Hòa	1,200	1,300	
		Bắt đầu từ kênh 500 ấp Long Hòa	Đến kênh 1000	800	880	
		Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến ngã 3 Năm Cừ (bờ Nam)	250	280	
		Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến giáp ranh huyện Hồng Dân	250	280	
	Bắt đầu từ Cầu kênh Miếu Bà	Đến Ngã 3 Năm Cừ (bờ Bắc)	250	280		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
53	Đường khu Hành Chính	Bắt đầu từ công An Huyện	Đến hết ranh nhà Ông Nguyễn Hoàng Ân	900	950	
		Bắt đầu từ kho bạc nhà nước	Đến hết ranh nhà Ông Nguyễn Văn Chương	900	950	
		Bắt đầu từ ngân Hàng Nông Nghiệp	Đến hết ranh nhà Ông Mai Văn Ngẫu	900	950	
54	Tuyến Trung tâm thương mại	Bắt đầu từ Ngã 3 Trần Hồng Dân	Đến Quán lộ Phụng Hiệp ấp Long Đức	2,000	2,150	
55	Đường cầu Ba Rô (Hoa Rô)	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 4 đường Trần Hồng Dân (Hai bên lộ)	1,500	1,650	
56	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 250 từ kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Hai bên lộ)		700	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 250 (giúp đường dẫn Cầu Phước Long 2, bờ Bắc)	Đến Kênh 500 (đến nhà ông Mười Te)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ Kênh 500 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Bắc)		700	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 500 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh Kênh 750 (Bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Nam)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ Kênh 750 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2	Đến Kênh Vườn Cò (Bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ Kênh 2000 từ Kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Phước Long (Bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ Kênh 3000 từ Kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Phước Long (Bờ Nam)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Trương Văn Lâm	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Minh (Kênh Miếu Bà)		500	Bổ sung
Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B	Đến Kênh 1000 (Bờ Tây, tuyến kênh Vườn Cò)		600	Bổ sung		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
57	Phía Đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 1000	Đến kênh 3000		600	Bổ sung
		Bắt đầu từ Kênh 3000	Đến kênh 6000		500	Bổ sung
58	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Tài Chính	Đến giáp Kênh Cộng Hòa (tuyến lộ bê tông nhà ông Út Nhỏ)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Hải	Đến Kênh 1000 (Bờ Đông)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 1000 Kênh Tài Chính	Đến Kênh 1000 Kênh Cộng Hòa (Bờ Nam)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 750 Kênh Tài Chính (Bờ Nam)	Đến Kênh 500 Kênh Cộng Hòa (Bờ Bắc)		500	Bổ sung
59	Kênh Cầu Cháy	Bắt đầu từ đường Phước Long - Ninh Quới	Đến Kênh Tài Chính (Bờ Nam)		800	Bổ sung
60	Phía Đông Cầu số 02 (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Bắt đầu từ Kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến Cầu Ba Phát (Bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ Miếu Bà (Khu tư Long Đức)	Đến giáp ranh Kênh 2000 (Bờ Đông)		500	Bổ sung
II	XÃ HƯNG PHÚ					
1	Khu vực chợ	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (Rọc lá 1)	Đến hết ranh Trường cấp II			
		+ Trên lộ		1,300	1,400	
		+ Dưới lộ		900	1,000	
2		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp II	Đến cầu Đất Phên giáp xã Vĩnh Hưng A			
		+ Trên lộ		800	880	
		+ Dưới lộ		600	670	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1)	Đến hết ranh Trạm Y Tế	900	1,000	
4	Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1)	Đến Cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)			
		+ Trên lộ		1,300	1,400	
		+ Dưới lộ		1,000	1,150	
5		Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Tư Tuyền	360	400	
6	Áp Mỹ Tường I đường Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Ba Phong			
		+ Trên lộ		700	760	
		+ Dưới lộ		600	650	
7	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ Trạm Y tế	Đến cầu ông Phương (Tường 2)	550	600	
8		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Xương	Đến cầu Bảy Việt (Mỹ Hoà)	400	440	
9		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thuỷ	Đến cầu Tư Hào (Mỹ Hoà-Mỹ Trinh)	350	380	
10		Bắt đầu từ Đất Phèn	Đến Cầu ông Quân (áp Tường 2)	300	340	
11		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đằm	Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông	300	340	
12		Bắt đầu từ cầu Ba Phong	Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông (nhà Phùng Văn Thao)			
		+ Trên lộ		650	700	
	+ Dưới lộ		500	550		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13		Bắt đầu từ Nhà Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh Trường Tiểu Học			
		+ Trên lộ		700	760	
		+ Dưới lộ		500	560	
14	Áp Tường II	Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu Học	Đến giáp ranh H. Hòa Bình			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		300	370	
15		Bắt đầu từ Cầu nhà bà Mười Y	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	450	
16	Kênh xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	Đến giáp ranh H. Vĩnh Lợi (bên lộ nhựa)			
		+ Trên lộ		400	450	
		+ Dưới lộ		350	380	
17		Bắt đầu từ cống ống Cự	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (kênh Thầy Thép) - Mỹ Tường 1	350	380	
18		Bắt đầu từ Cầu Biện Tôn	Đến Cầu ống Thiết - Mỹ Tường 1	350	380	
19		Bắt đầu từ cầu Tư Mập	Đến kênh Phước Long - Vĩnh Mỹ (giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông)	300	340	
20	Đường Cặp kênh Tân An	Đường Nguyễn Thị Mười	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
21	Tuyến đường kênh Cơ Sáu	Bắt đầu từ cầu nhà 3 Thu	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hưng A	500	550	
22	Tuyến kênh Tư Đen	Bắt đầu từ Cầu Nhà ông Phong (ấp Mỹ Tường 2)	Đến Cầu 3 Quý (giáp lộ bê tông ấp Mỹ Trinh)		350	Bổ sung
23	Tuyến kênh 3 Phong	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới (Nhà ông Lâm Thanh Phong)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (nhà ông 6 Sóng)		350	Bổ sung
24	Tuyến kênh Xáng Cụt	Bắt đầu từ Cầu 3 Cứng ấp Vĩnh Tường (lộ bê tông nhà ông Trần Văn Út)	Đến lộ bê tông nhà ông Dương Văn Liêm (ấp Tường Tư)		300	Bổ sung
25	Tuyến vô chợ Rọc Lá	Bắt đầu từ đầu lộ tuyến Nguyễn Thị Mười	Đến giáp lộ 2 Huệ - Tư Tuyên		900	Bổ sung
III	XÃ PHƯỚC LONG					
	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)					
1		Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền)	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến			
		+ Trên lộ		3,000	3,200	
		+ Dưới lộ		2,700	2,800	
2		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến	Đến hết ranh Trạm Y Tế			
		+ Trên lộ		3,000	3,200	
		+ Dưới lộ		2,600	2,800	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3		Bắt đầu từ hết ranh Trạm Y Tế	Đến hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy			
		+ Trên lộ		1,600	1,700	
		+ Dưới lộ		1,100	1,300	
4		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy	Đến hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ)			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		700	800	
5		Bắt đầu từ hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ)	Đến hết ranh Chòm mã tại Xã Thoản			
		+ Trên lộ		700	770	
		+ Dưới lộ		550	600	
Khu vực cầu xã Thoản						
6		Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoản	Đến hết ranh cây xăng Khánh Tôn			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		600	670	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Khánh Tôn	Đến Cầu xã Toàn			
		+ Trên lộ		1,100	1,200	
		+ Dưới lộ		900	1,000	
8		Cầu xã Toàn	Đến hết ranh nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	500	550	
9		Bắt đầu từ nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi	Đến kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	400	440	
10		Bắt đầu từ kênh 500	Đến kênh 1.000	380	420	
11		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 3.000	350	380	
12		Bắt đầu từ nhà Miếu cầu xã Toàn	Đến hết ranh nhà Út Triều (trên, dưới)	350	380	
13		Bắt đầu từ cầu hết ranh nhà Út Triều	Đến Kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	350	380	
14		Bắt đầu từ nhà ông Quách Chuối	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Phi (hai bên)	330	360	
15		Bắt đầu từ cầu Xã Toàn	Đến hết ranh Trường Tiểu học A			
		+ Trên lộ		800	880	
		+ Dưới lộ		600	680	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16		Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu học A	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long			
		+ Trên lộ		650	710	
		+ Dưới lộ		550	610	
Khu vực chợ						
17		Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền)	Đến hết ranh VLXD Thanh Hải			
		+ Trên lộ		2,600	2,800	
		+ Dưới lộ (nhà ông Phạm Hoàng Tân)		2,300	2,500	
18		Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thanh Hải	Đến hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành)			
		+ Trên lộ		1,800	2,000	
		+ Dưới lộ		1,200	1,400	
19		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành)	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		1,200	1,400	
		+ Dưới lộ		850	1,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
20		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến Kênh 2.000			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		700	770	
21		Bắt đầu từ Kênh 2.000	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi (Phước Trường)			
		+ Trên lộ		400	450	
		+ Dưới lộ		350	400	
22		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân)			
		+ Trên lộ		1,200	1,300	
		+ Dưới lộ		850	1,000	
23		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân)	Đến kênh 2.000			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		600	680	
24		Bắt đầu từ kênh 2.000	Đến Kênh 6000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Ninh)			
		+ Trên lộ		400	450	
		+ Dưới lộ		350	390	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
Nhánh đi Cà Mau						
25		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh Cầu Phó Sinh 2			
		+ Trên lộ		1,300	1,400	
		+ Dưới lộ		1,050	1,100	
26		Bắt đầu từ hết ranh Cầu Phó Sinh 2	Đến hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hào			
		+ Trên lộ		1,100	1,200	
		+ Dưới lộ		850	970	
27		Bắt đầu từ hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hào	Đến hết ranh nhà ông Trần Hên (VLXD)			
		+ Trên lộ		650	720	
		+ Dưới lộ		450	530	
28		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Trần Hên (VLXD)	Đến đập giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		450	480	
29		Bắt đầu từ đầu Trường tiểu học C (ranh Thị trấn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi (Đầu kinh 3.000)	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
30	Nhánh kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ hết ranh kênh 4.000 (giáp ranh thị trấn Phước Long)	Đến Kênh 6.000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Hồng Dân)	600	650	
31	Cầu Phó Sinh - Trạm Y tế	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Dương Văn Vũ (Phía sau)	Đến hết ranh trạm Y tế xã	1,800	1,900	
32	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Đầu Cầu Phó Sinh 2	Đến hết đường dẫn	700	800	
		Bắt đầu từ đường nối từ cầu Phó Sinh 2	Đến lộ Phước Tân-Phước Ninh	1,100	1,150	
		Bắt đầu từ xã Thoàn (Bắt đầu ranh đất nhà Ông Vạn)	Đến kênh 500 (Bờ Tây)	500	550	
		Bắt đầu từ kênh 500 (Bờ Tây)	Đến kênh 1000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền	400	450	
		Bắt đầu từ kênh 1000 (Bờ Tây)	Đến kênh 3000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền	350	380	
		Bắt đầu từ kênh 3000 (Bờ Tây)	Đến kênh 6000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền	330	360	
33	Kênh Thọ Hậu Cù	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Tâm	Đến kênh 6000 (trường tiểu học C)	350	380	
		Bắt đầu từ đầu kênh 3000	Đến giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Thọ Hậu)	350	380	
34	Tuyến áp Phước Tân	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Huỳnh Văn Minh)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		500	Bổ sung
35	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà ông Nguyễn Văn Thống)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	Bổ sung
36	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Đoàn Văn Lợi)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	Bổ sung
37	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lê Văn Thắng)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
38	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 6000 (nhà bà Lê Thị Muội)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sang		300	Bổ sung
39	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu từ đầu kênh Sóc Kha	Đến hết khu đất nhà ông Lê Văn Dũng		300	Bổ sung
40	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Nguyễn Văn Thương)	Đến Cổng ông Lê Văn Căn		300	Bổ sung
41	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu Cổng ông Lê Văn Căn	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		500	Bổ sung
42	Tuyến áp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Đặng Văn Minh)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	Bổ sung
43	Tuyến áp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà bà Trương Thị Phú)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	Bổ sung
44	Tuyến áp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Nguyễn Văn Viễn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	Bổ sung
45	Tuyến áp Phước Thạnh	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Lê Văn Kỳ)	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long		300	Bổ sung
46	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Huỳnh Văn Khui)	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long		300	Bổ sung
47	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Trần Văn Vũ)	Đến kênh Thọ Hậu cũ		300	Bổ sung
48	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lý Thanh Tuấn)	Đến kênh Thọ Hậu cũ		300	Bổ sung
IV	XÃ PHONG THẠNH TÂY B					
	Tuyến Kênh Phụng hiệp					
		Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4)	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1		+ Trên lộ		2,700	2,800	
		+ Dưới lộ		2,100	2,200	
2		Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành			
		+ Trên lộ		2,400	2,550	
		+ Dưới lộ		1,650	1,850	
3		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ			
		+ Trên lộ		1,400	1,500	
		+ Dưới lộ		1,000	1,150	
4		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung			
		+ Trên lộ		900	980	
		+ Dưới lộ		600	670	
5		Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau)			
		+ Trên lộ		600	670	
		+ Dưới lộ		500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
6	Đường nhánh	Cầu Trung ương Đoàn	Đến Cầu kênh 1	500	550	
		Bắt đầu từ Cầu kênh 1	Đến Cầu kênh 2	400	440	
Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội						
7		Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (áp 9)	Đến hết ranh cây xăng Nguyễn Đồi			
		+ Trên lộ		2,700	2,850	
		+ Dưới lộ		2,100	2,300	
8		Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyễn Đồi	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa			
		+ Trên lộ		1,700	1,850	
		+ Dưới lộ		1,000	1,200	
9		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ			
		+ Trên lộ		1,400	1,500	
		+ Dưới lộ		800	940	
10		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ	Đến Kênh 2.000			
		+ Trên lộ		700	760	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		600	650	
11		Bắt đầu từ kênh 4.000	Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)			
		+ Trên lộ		500	560	
		+ Dưới lộ		400	460	
Tuyến đường áp 9B						
12		Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)	Đến áp 9B đến đầu cầu Chù Chì (bờ Bắc)			
		+ Trên lộ		2,400	2,500	
		+ Dưới lộ		2,100	2,200	
13		Bắt đầu từ cầu Chù Chì	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng			
		+ Trên lộ		1,600	1,650	
		+ Dưới lộ		1,200	1,300	
14		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công			
		+ Trên lộ		1,300	1,350	
		+ Dưới lộ		900	1,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
15		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê			
		+ Trên lộ		900	1,000	
		+ Dưới lộ		650	700	
16		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê	Đến Kênh 1000			
		+ Trên lộ		700	800	
		+ Dưới lộ		500	600	
17		Bắt đầu từ Kênh 1000	Đến kênh 2000			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
18		Bắt đầu từ kênh 4000	Đến kênh 8000, giáp ranh xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		400	430	


STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ cổng Ông Minh	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông			
		+ Trên lộ		1,150	1,250	
		+ Dưới lộ		800	900	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		540	620	
		+ Dưới lộ		450	500	
20	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại Cây Ba Kiệt (ấp 12)	Đến hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng (trên, dưới)	600	650	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	Đến hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng (trên, dưới)	500	550	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Bắt đầu từ Văn Phước về Hộ Phòng	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai	380	400	
	Tuyến đường ấp 12					
21		Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt)	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		700	750	
		+ Dưới lộ		500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
22		Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A	Đến hết ranh nhà bà Mỹ A			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
23		Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A	Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)			
		+ Trên lộ		420	450	
		+ Dưới lộ		330	360	
24	Tuyến Quán lộ Phụng hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	Đến Đầu Cầu Chủ Chí	400	440	
25	Đường dẫn móng cầu Chủ Chí (Bên Chợ)	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Dũng ấp 2A	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đen ấp 4	2,100	2,200	
26	Tuyến kênh 1000 ấp 9B	Bắt đầu từ nhà bà Nguyễn Thị Tranh	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
27	Tuyến kênh 2000 ấp 9B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
28	Tuyến kênh 4000 ấp 9B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
29	Tuyến kênh 6000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Văn Tuổi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
30	Tuyến kênh 7000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
31	Tuyến kênh 8000 áp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hiền	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
32	Tuyến kênh 1000	Bắt đầu từ nhà bà Lê Thị Danh	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	Bổ sung
33	Tuyến kênh 4000	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Khôi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	Bổ sung
34	Tuyến kênh 2000	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	Bổ sung
35	Tuyến kênh 6000	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Tuổi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		350	Bổ sung
36	Tuyến kênh 7000	Bắt đầu từ ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		350	Bổ sung
V	XÃ VĨNH PHÚ TÂY					
1		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ (bờ Tây)	Đến kênh 1.000	350	380	
2		Bắt đầu từ Kênh 1.000	Đến cầu Trường Học	300	340	
3		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ	Đến cống Ông Bọng			
		+ Trên lộ		350	380	
		+ Dưới lộ		300	340	
4		Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược	Đến cầu Phó Sinh			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh chùa Hưng Phước Tự			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		320	350	
6		Bắt đầu từ hết ranh chùa Hưng Phước Tự	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		300	340	
		+ Dưới lộ		250	280	
7		Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông)	Đến ranh hạt giáp Giá Rai (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		270	300	
		+ Dưới lộ		250	280	
8		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh cây xăng Lâm Xiệu			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
9		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Lâm Xiệu	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (Bờ Tây)			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
10		Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giã Rai (Bờ Tây)	Đến ranh xã Phong Thạnh, Giã Rai			
		+ Trên lộ		330	360	
		+ Dưới lộ		250	280	
11		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre)			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
12		Bắt đầu từ kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre)	Đến giáp ranh ấp 1B xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		300	340	
13		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp (bờ tây)	400	440	
14		Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp	Đến kênh 1.000, kênh Vĩnh Phong			
		+ Trên lộ		330	360	
		+ Dưới lộ		250	280	
15		Bắt đầu từ Kênh 1.000 (Cầu Vĩnh Phong)	Đến giáp xã Vĩnh Thanh	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)	350	380	
		+ Trên lộ				
		+ Dưới lộ				
17		Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)	Đến kênh 500 (bờ đông) hướng Vĩnh Phong	300	340	
18		Bắt đầu từ cầu Kênh Nhỏ	Đến kênh 6 Hạo	630	680	
		+ Trên lộ				
		+ Dưới lộ				
19		Bắt đầu từ kênh 6 Hạo	Đến giáp ranh TT. Phước Long	500	540	
		+ Trên lộ				
		+ Dưới lộ				
20	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành (chùa CosĐon)	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 2000)	300	340	
21		Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 6000)	300	340	
22		Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến hết ranh thị trấn Phước Long	400	440	
23		Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long	Đến Cầu Kinh mới (2 Đạo)	800	860	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
24	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Cầu Kinh mới (2 Đạo)	Đến Cổng Út Hạnh	500	550	
25		Bắt đầu từ Cổng Út Hạnh	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	1,000	1,100	
26		<i>Bắt đầu từ cầu Ba Âu</i>	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh (Chú Đóng)	250	280	
27		Bắt đầu từ cầu Kênh 2.000 (Út Ri)	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh	250	280	
28		Bắt đầu từ Cầu kênh Nhỏ Trường học	Đến cầu Trung ương Đoàn 4.000 (Vườn Cò)	250	280	
29	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Đầu Cầu Phó Sinh 2	Đến cây Xăng Lâm Xiệu	700	750	
30	<i>Tuyến lộ bê tông 2m</i>	<i>Bắt đầu từ đường từ Cầu nhà ông Nguyễn Văn An</i>	<i>Đến cầu ấp Bình Thiện xã Vĩnh Thanh</i>		300	<i>Bổ sung</i>
31	<i>Tuyến lộ bê tông 3m ấp Bình Tốt</i>	<i>Bắt đầu từ Cầu 8 Thành ấp Bình Tốt</i>	<i>Đến nhà ông Minh Cương ấp Bình Tốt B</i>		400	<i>Bổ sung</i>
VI	XÃ VĨNH THANH					
	Tuyến Cầu số 2 - Phước Long					
1		Bắt đầu từ giáp ranh huyện Hoà Bình	Đến Cầu Vĩnh Phong			
		+ Trên lộ		650	700	
		+ Dưới lộ		550	600	
		Bắt đầu từ Cầu Vĩnh Phong	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lập			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2		+ Trên lộ		850	900	
		+ Dưới lộ		600	700	
3		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lập	Đến hết ranh đất nhà ông Văn Công Ý - Cầu Trương Tòa			
		+ Trên lộ		1,200	1,300	
		+ Dưới lộ		1,000	1,100	
4		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Kim Ba - cầu Trương Tòa	Đến hết ranh đất cây xăng Đức Thành.			
		+ Trên lộ		1,200	1,300	
		+ Dưới lộ		900	1,000	
5		Bắt đầu từ ranh đất cây xăng Đức Thành	Đến ranh cổng Hai Tiệm			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		900	950	
6		Bắt đầu từ cổng Hai Tiệm	Đến Cầu xã Tả			
		+ Trên lộ		700	760	
		+ Dưới lộ		550	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7		Bắt đầu từ cống Cây Nhâm	Đến cầu Miếu -Huê 2B, lộ bê tông 3m	400	440	
8		Bắt đầu từ cầu Trường Tòà -tường thắng B	Đến cầu nhà ông Hà	550	590	
9		Bắt đầu từ cầu Tường Thắng B	Đến Cầu 3 Tầng (Huê 2A)	550	590	
10		Bắt đầu từ cầu Tường Thắng B	Đến cầu 3 Tầng- Huê 2A, Lộ bê tông 3m	550	590	
11		Bắt đầu từ cầu Xã Tá	Đến cầu Tư Núi (Huê 1) Lộ bê tông 3m	300	340	
12		Bắt đầu từ cống Tư Quán	Đến cầu 9 Chánh-Vĩnh Bình B (Nhà văn hoá ấp Tường 3A) Lộ bê tông 3m	300	340	
13		Bắt đầu từ Cống Hai Tiệm	Đến Cầu 3 Tầng (ấp Huê 2A) Lộ bê tông 3m	300	340	
14		Bắt đầu từ kênh 8.000	Đến Cầu nhà ông Hiền (Vĩnh Bình B) Lộ bê tông 3m	300	340	
VII XÃ PHONG THẠNH TÂY A						
1		Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc)			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
2		Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc)	Đến kênh 3.000			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3		Bắt đầu từ cầu số 2 , áp 2B	Đến trường THCS xã Phong Thạnh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam)			
		+ Trên lộ		900	960	
		+ Dưới lộ		800	870	
4		Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thạnh Tây A	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		700	760	
5		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
6		Bắt đầu từ kênh 4.000	Đến hết áp 8B			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
7		Bắt đầu từ cầu số 2 , áp 2B	Đến hết ranh Thánh-Thất-Thiện Tâm Đàn			
		+ Trên lộ		750	800	
		+ Dưới lộ		600	650	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8		Bắt đầu từ hết ranh Thánh Thất Thiện Tâm Đàn	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B			
		+ Trên lộ		550	600	
		+ Dưới lộ		450	490	
9		Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A	<i>Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh</i>			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
10		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh	Đến giáp ranh xã Phước Long			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		450	490	
11		Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		300	340	
12		Bắt đầu từ Quán Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 1000m ấp 1B về Phong Thạnh - Giá Rai	250	280	
13		Bắt đầu từ Quán Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	500	540	
14		Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	Đến giáp xã Phong Thạnh - Giá Rai	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
15	Tuyến Quản Lộ Phụng Hiệp - CM	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	400	440	
16	Đường dẫn Cầu số 2 - QL Quản lộ Phụng Hiệp	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Đến kênh Xáng Phụng Hiệp	300	340	
17	Đường dẫn Cầu số 2 - QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ QL Quảng lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m ấp 1B về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	250	280	
18	Đường dẫn Cầu số 2 - Quản lộ Phụng Hiệp ấp 2B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Đến ranh đất nhà ông Ngô Văn Khôi	280	300	
19	Kênh 1000 ấp 1B, ấp 3	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	250	280	
20	Kênh 1000 ấp 1A, ấp 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
21	Kênh 2000 ấp 1A, ấp 8A, 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
22	Kênh 3000 ấp 8A	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
23	Kênh 4000 ấp 8A, 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
24	Kênh 5000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
25	Kênh 6000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
26	Kênh 7000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
27	Kênh 8000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
28	Tuyến kênh Cô 9 (ấp 1A)	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B (nhà ông Trịnh Hoài Nhanh)	Đến kênh 1000		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
29	Tuyến vào Miếu Vinh Ông (ấp 8A)	Bắt đầu từ Nhà Văn hóa (ấp 8A)	Đến Vinh Ông		280	Bổ sung
VIII	XÃ VINH PHÚ ĐÔNG					
1	Trung tâm xã	Bắt đầu từ UBND xã	Đến cầu Thầy Thép Quán Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Bắc)	500	540	
2		Bắt đầu từ UBND xã	Đến kênh Hòa Bình			
		+ Trên lộ		500	540	
		+ Dưới lộ		400	440	
3		Bắt đầu từ Quán Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Đến kênh 1000 nhà bà Tư Nhiều (bờ Bắc)	350	380	
4		Bắt đầu từ kênh 1.000 nhà bà Tư Nhiều	Đến ngã tư Mười Khịch	250	280	
5		Bắt đầu từ Giáp ranh thị trấn	Đến Cây Nhâm			
		+ Trên lộ		500	540	
		+ Dưới lộ		400	440	
6		Bắt đầu từ Cây Nhâm	Đến cầu Tám Ngọ			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7		Bắt đầu từ kênh Hòa Bình	Đến kênh 500 (bờ Đông)	300	340	
8		Bắt đầu từ kênh Hòa Bình	Đến kênh 500 (bờ Tây)			
	+ Trên lộ			400	440	
	+ Dưới lộ			360	400	
9		Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khịch (bờ Đông)	300	340	
10		Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khịch (bờ Tây)			
	+ Trên lộ			300	340	
	+ Dưới lộ			250	280	
11		Bắt đầu từ cầu Hòa Bình	Đến đập Kiểm Đê			
	+ Trên lộ			400	440	
	+ Dưới lộ			350	380	
12		Bắt đầu từ cầu Rạch Cũ	Đến nhà ông Võ Thành Đức			
	+ Trên lộ			950	1,000	
	+ Dưới lộ			700	760	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Đức	Đến hết ranh cây xăng (nhà bà Bé)			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
14		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng (nhà bà Bé)	Đến cầu đập Kiểm Đê			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		400	440	
15		Bắt đầu từ giáp ranh xã Ninh Quới A (cầu giáp ranh)	Đến cầu Hai Giới			
		+ Trên lộ		700	750	
		+ Dưới lộ		600	670	
16		Bắt đầu từ cầu Hai Giới	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (nhà Lâm Văn Điện)			
		+ Trên lộ		550	580	
		+ Dưới lộ		400	450	
17		Bắt đầu từ miếu Mỹ Tân	Đến cầu 9 Xị	450	480	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	QL Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Ngan Dừa ấp Vĩnh Phú A	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long	800	850	
19		Bắt đầu từ nhà Út Nhân	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (hướng đi Địa Muồng)	500	550	
20		Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (bờ Đông)	250	280	
21		Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		350	380	
		+ Dưới lộ		300	340	
22		Bắt đầu từ hết ranh nhà Ông Năm Trăm	Đến cầu đập Kiềm dê	350	380	
23		Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (Cầu Xáng Cụt)			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		300	340	
24		Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ	Đến trường Tiểu học "B"	350	380	
25		Bắt đầu từ cầu Mười Khịch	Đến miếu Mỹ Tân	300	340	
26		Bắt đầu từ Thủy lợi (ông Thum)	Đến ngã 4 Địa 5 Quyền	300	340	
27		Bắt đầu từ Cầu nhà bà Nga	Đến Miếu ấp Mỹ Tân	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
28	Lộ Nông Thôn	Bắt đầu từ ngã tư cầu 9 Xị ấp Vĩnh Phú B	Đến chùa Địa Muồng ấp Vĩnh Lộc	300	340	
29		Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long	Đến ngã tư nhà ông Danh (ấp Phước 3A)	300	340	
30		Bắt đầu từ cầu 8 ngọ (ấp quê 3)	Đến ngã 4 trường Tiểu Học-ấp Phước 3B)	300	340	
31		Bắt đầu từ cầu nhà 2 Rờ ấp Huê 3	Đến cầu nhà 9 Huỳnh ấp Phước 3A	300	340	
32	Tuyến Kênh Tây Lác	Bắt đầu từ nhà ông 8 Ý (ấp Phước 3B)	Đến ngã tư nhà ông Châu Văn Nhanh . (Kênh Tư Hùng)		280	Bổ sung
33		Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Hiền	Đến giáp ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)		280	Bổ sung
34	Tuyến Kênh Tây Mập	Bắt đầu từ ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)	Đến nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)		300	Bổ sung
35	Tuyến Kênh Quảng Át	Bắt đầu từ Cầu nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)	Đến Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)		300	Bổ sung
36		Bắt đầu từ Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Nhân (Ngã tư kênh Cây Nhâm)		300	Bổ sung
37	Tuyến Kênh Chòm Tre	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Kháng (ấp Huê 3)	Đến nhà ông Dương Văn Phấn (ngã ba ấp Tường 1)		300	Bổ sung
38	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Em (Cầu ông Hoàng)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Lợi		280	Bổ sung

BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở
THỊ TRẤN, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRUNG TÂM XÃ
HUYỆN VĨNH LỢI - TỈNH BẠC LIÊU

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	GIÁ ĐẤT Ở MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH TRONG HUYỆN					
1	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh Sóc Trăng	Đến giáp ranh Sóc Trăng + 200m (Cầu Nàng Rền)	1,100	1,340	
		Bắt đầu từ giáp ranh Sóc Trăng + 200m (Cầu Nàng Rền)	Đến cầu Xa Bào	1,300	1,500	
		Bắt đầu từ cầu Xa Bào	Đến cách tim lộ tè Châu Thới 500m về hướng Sóc Trăng	1,600	1,800	
		Bắt đầu từ cách tim lộ tè Châu Thới 500m về hướng Sóc Trăng	Đến tim lộ tè Châu Thới	2,300	2,600	
		Bắt đầu từ tim lộ tè Châu Thới	Đến cầu Cái Dầy	3,000	3,500	
		Bắt đầu từ giáp mé sông cầu Cái Dầy	Đến công trường Lê Văn Đẩu	3,400	4,000	
		Bắt đầu từ công trường Lê Văn Đẩu	Đến giáp đường lộ Xèo Lá	4,200	4,500	
		Bắt đầu từ đường lộ Xèo Lá	Đến cách ranh thành phố Bạc Liêu 400m	2,800	3,200	
		Bắt đầu từ cách ranh thành phố Bạc Liêu 400m	Đến giáp ranh thành phố Bạc Liêu	3,400	3,700	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	(Giá đất QL1 trên đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 tại Phụ lục số 1 - Giá đất ở trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu)	Bắt đầu từ cầu Sập (Cầu Dàn Xây)	Đến ngã 3 Huy Liệu	2,400	3,400	
		Bắt đầu từ ngã 3 Huy Liệu	Đến ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	2,300	2,700	
		Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	Đến cầu Cái Tràm	2,400	3,400	
3	Đường ven Kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau bên Quốc Lộ 1 (Trừ các tuyến đường đã có giá)	Bắt đầu từ cầu Sập	Đến cầu Cái Tràm (giáp ranh huyện Hòa Bình)	550	620	
Các Tuyến lộ Liên Xã (Trừ các tuyến đường đã có giá)						
4	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ giáp ranh thành phố Bạc Liêu	Cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m	1,600	1,900	
		Bắt đầu từ cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m	Đến hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiều	1,300	1,600	
		Bắt đầu từ hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiều	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	1,000	1,340	
		Bắt đầu từ cống nước mặn	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Dũng	900	1,100	
		Bắt đầu từ cầu Gia Hội	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Hoàng Thư	1,100	1,340	
5	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cách Quốc Lộ 1 500 m	420	500	
		Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500 m	Đến Gia Hội (giáp đất bà Trần Thị Hoàng Thư)	350	390	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
6	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến trạm Y tế xã Long Thạnh	700	800	
		Bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh	Đến đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng	650	720	
		Bắt đầu từ đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng	Đến cầu 3 Phụng	1,000	1,200	
II	GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐẦU MỐI GIAO THÔNG VÀ KHU VỰC TRUNG TÂM XÃ					
II.1	XÃ CHÂU THỚI					
1	Đường đi Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ đền Thờ Bác	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Nam	500	550	
2	Khu vực chợ	Bắt đầu từ cách UBND xã 300 m về hướng QL1	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bác	700	760	
3	Đường 19/5	Bắt đầu từ giáp ranh Thị Trấn Châu Hưng	Cách UBND xã 300 m về hướng QL1	500	550	
		Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bác	Đến Đền Thờ Bác	500	550	
4	Đường Bàu Sen	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hui (Công Văn Hóa)	Đến cầu Thanh Niên	250	280	
5	Đường Trà Hắt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến cầu Trà Hắt	250	280	
6	Đường ấp Trà Hắt-Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Ba Cùm	Đến cầu Thợ Võ	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7	Đường Bà Chăng A-B1-B2	Bắt đầu từ ranh trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng)	250	280	
8	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Sáu Miếu	Đến cầu Ba Cùm	250	280	
9	Đường Giồng Bướm A.B	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu	Đến cầu Dù Phịch	250	280	
10	Đường Giồng Bướm B	Bắt đầu từ ngã 3 Lung Sen	Đến cầu Xá Xính	250	280	
11	Đường Công Điền-Cai Điền	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Thọ	Đến đường học Cai Điền	250	280	
12	Đường Giồng Bướm A-Tràm 1	Bắt đầu từ cầu Bày Sên	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Việt (bà Kiều)	250	280	
13	Đường Cái Điền-Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh đất trường học Cai Điền	Đến cầu miếu Đá Trắng	250	280	
14	Đường Bà Chăng A- Bà Chăng B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Oanh	Đến cầu ngã ba Trần Nghĩa	250	280	
15	Đường B2- Giồng Bướm B-Tràm 1	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng)	Đến Miếu Bà Tràm 1 (Giáp ranh xã Long Thạnh)	250	280	
16	Đường Bàu Sen-Bà Chăng A- Bà Chăng B	Bắt đầu từ cầu Chữ Y	Đến cầu Kênh Cùm	250	280	
17	Đường Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Thọ Võ	Đến hết ranh đất nhà ông Việt	250	280	
18	Đường Bà Chăng B	Bắt đầu từ ranh trụ sở ấp Bà Chăng B	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thuận	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến trường Nguyễn Bình Khiêm	250	280	
20	Đường Bà Chăng B	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu Tư Nam	250	280	
21	Đường Xóm Lớn	Bắt đầu từ ranh nhà máy bà Chín Lèo	Đến giáp ranh xã Long Thạnh	250	280	
22	Đường Công Điền- Nàng Rèn	Bắt đầu từ cầu Ông Lác	Đến Miếu bà Nàng Rèn	250	280	
23	Đường Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh Trường Ngô Quang Nhã	Đến cầu Ông Tuệ	250	280	
24	Đường Lung Sen	Bắt đầu từ cầu Ông An	Đến cầu Ông Lợi (Kinh Xáng)	250	280	
25	Đường kênh Thanh Niên	Bắt đầu từ ranh Trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến Ấp B2 (Nhà ông Phúc)	250	280	
26	Đường Trà Hắt	Bắt đầu từ cầu Trà Hắt	Đến hết ranh đất nhà Bà Chợ	250	280	
27	Đường Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sáng	250	280	
28	Đường Bà Chăng A-B1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hai	250	280	
29	Đường Nàng Rèn - Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mùi	Đến hết ranh đất nhà ông Đực	250	280	
30	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông An	Đến hết ranh đất nhà ông Xuân	250	280	
31	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tấu	Đến cầu nhà ông Dũng	250	280	
32	Đường Hàn Bản	Bắt đầu từ ranh trường tiểu học Châu Thới	Đến cầu nhà ông 6 Ngộ	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
33	Tuyến Giồng Đé	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tỏa	Đến giáp ranh ấp Công Điền	250	280	
34	Tuyến Ấp Kênh - Ấp 4B	Bắt đầu từ cầu Lung Sen	Đến hết ranh đất nhà ông Út Thêm	250	280	
35	Tuyến Bàu Sen - Bà Chăng A	Bắt đầu từ cầu Bà Sanh	Đến hết ranh đất nhà ông Công	250	280	
36	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà bà Hoa	Đến hết ranh đất nhà ông 7 Sên	250	280	
37	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà ông 5 Đá	Đến hết ranh đất nhà ông Thủ	250	280	
38	Đường ấp Tràm 1	Bắt đầu từ ranh nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà bà Kim Hai	250	280	
39	Đường ấp Cai Điều	Bắt đầu từ ranh nhà ông Khanh	Đến cầu Bà Lăng	250	280	
40	Đường ấp Bàu Sen	Bắt đầu từ ranh nhà ông Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	250	280	
41	Đường ấp Bàu Sen	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đê	250	280	
42	Đường ấp Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Ông Nam	Đến giáp Sóc Trắng	250	280	
43	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà ông Hiền.	250	280	
44	Đường ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông Hương	250	280	
45	Đường ấp Giồng Bướm B	Bắt đầu từ cầu Lung Sen	Đến hết ranh đất nhà ông Thiên	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
46	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà Ông Bích	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Ông Nhiên	Đến hết ranh đất nhà Ông Khoa	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đáng	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngọc Tới	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà Ông Việt (giáp ấp Xóm Lớn)	250	280	
47	Đường Bà Sen - Trà Hắt	Bắt đầu từ cầu bà Nga	Đến cầu Ông Nghĩa	250	280	
48	Đường Bà Sen	Bắt đầu từ cầu Ông Sáng	Đến giáp Tỉnh Sóc Trăng	250	280	
49	Đường Nhà Việc Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà Ông Hưng	250	280	
50	Đường B1	Bắt đầu từ cầu Ông Hai	Đến hết ranh đất Nhà văn hóa ấp B1	250	280	
51	Đường Cai Điều - Công Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Lãng	Đến hết ranh đất nhà Ông Khanh	250	280	
52	Đường Cai Điều	Bắt đầu từ cầu Ông Nam	Đến hết ranh đất nhà Ông út	250	280	
53	Đường ấp B2	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hằng	Đến hết ranh đất nhà Bà Minh	250	280	
54	<i>Đường Giồng Bướm A</i>	<i>Bắt đầu từ bến xe xã Châu Thới</i>	<i>Đến cầu 7 Sên</i>		280	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
55	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ nhà ông Lý Văn Ân	Đến cầu trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm (cũ)		500	Bổ sung
56	Đường Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu nhà ông Quân	Đến cầu nhà ông Ba Giỏ (ấp Nàng Rền)		280	Bổ sung
II.2	XÃ CHÂU HƯNG A					
1	Đường Trà Ban 2- Nhà Dài A	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà Bảy An (đê bao Đông Nàng Rền)	300	340	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Bảy An (Trà Ban 2)	Đến hết ranh đất nhà Năm Nai	250	280	
2	Lộ Nhà Dài A - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Thượng	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Hậu	250	280	
3	Lộ Nhà Dài B - Bàu Lớn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Nai	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thắng	250	280	
4	Lộ Chác Đốt - Cầu Sáu Sách	Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến cầu nhà ông Sáu Sách (cổng 6 Sách)	250	280	
5	Lộ Trà Ban 2 - Quang Vinh	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Út Liễu (Quang Vinh)	300	340	
6	Lộ Thông Lưu A	Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến cầu Sáu Liễu	350	390	
		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A-Hưng Thành (cầu Ông Tòng)	Đến giáp Thông Lưu B	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hoàng	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7	Đường Thạnh Long	Đường Thạnh Long	Đến hết ranh đất nhà Ông Bảo	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà 10 Lớn	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà Ông Quyền	250	280	
8	Đường Thạnh Long	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bảy Tròn	Đáp Năm Nguyên	250	280	
9	Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành	Bắt đầu từ trường mẫu giáo Phong Lan	Đến cầu Nhà Dài A	500	550	
10	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến Chùa Châu Quang	250	280	
		Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến hết ranh đất nhà thạch Út	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 6A	Đến trạm bơm kênh Tư Báo	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 5 Diệp	Đến hết ranh đất nhà 4 Oai	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Hết	250	280	
		Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến giáp ranh Sóc Trăng (Nhà bà Tám)	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Oanh	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà 8 Giang	250	280	
		Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Nhà Tuấn Anh)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vui	250	280	
		Bắt đầu từ Quốc-lộ 1 (Miếu Thạch Thân)	Đến hết ranh đất nhà Ông Hùng	250	280	
		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Cổng Trà Hát)	Đến kênh Nội Đồng	250	280	
		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà 3 Sang)	Đến hết ranh đất nhà Ông Lý Đực	250	280	
		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Xuôi)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vinh	250	280	
		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Ái)	Đến hết ranh đất nhà Ông Út Em	250	280	
12	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Lộ xã)	Đến cầu 2 Cồn	250	280	
13	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ cầu Ông Khanh	Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Quyền	250	280	
		Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Cầu 2 Kêu)	Đến hết ranh đất nhà Bà Thúy	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Út Lê	Đến cầu 2 Bừ	250	280	
14	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hải	Đến cầu 5 Y	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
15	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ Lộ xã Châu Hưng A - Hưng Thành	Đến hết ranh đất nhà Ông 7 Ích	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Nhà Dài A	Đến đê Bao Đông Năng Rền	250	280	
		Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A- Hưng Thành (Nhà Bích Trì)	Đến hết ranh đất nhà Ông Cọp	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 3 Chấn	Đến cầu 6 Sành	250	280	
		Bắt đầu từ cầu Vũ Hoàng	Đường 3 Tình	250	280	
16	Đông Năng Rền	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến cống 6 Sách	300	340	
17	Lộ Nhà Dài A - Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ cầu 5 Hồ	Đến cầu 4 Hoàng	250	280	
		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu Ông Hồ	250	280	
18	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ ranh nhà Ông Hai Hậu	Đến hết ranh đất nhà Ông Nhanh	250	280	
		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu Nhà Dài B	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 5 Lắm	Đến hết ranh đất nhà Ông Phụng	250	280	
		Bắt đầu từ cầu 3 Triều	Đến hết ranh đất nhà Ông Cường	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Minh	Đến hết ranh đất nhà 3 Xệ	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Bà Chênh	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Chú	Đến giáp ranh Thị Trán	250	280	
		Điểm trường Tiểu học Chắc Đốt	Đến hết ranh đất nhà Ông Tông	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thiện	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Thạch	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Lâm	Đến cầu Thạnh Long (6 ĐỀ)	250	280	
		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 9 Tuấn	250	280	
20	Lộ Thông Lưu A - Trà Ban 2	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 6 A	250	280	
21	Lộ Hà Đức - Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu 5 Trường	Đến lộ Nhà Dài A	250	280	
22	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ cầu 3 Triệu	Đến cầu 7 Bưởi	250	280	
23	<i>Lộ Nhà Dài B</i>	<i>Bắt đầu từ nhà bà Út Tích</i>	<i>Đến nhà ông 10 Vốn</i>		280	<i>Bổ sung</i>
24	<i>Lộ 10 Hương</i>	<i>Bắt đầu từ đê bao Đông Nàng Rền</i>	<i>Đến nhà ông Mãng.</i>		280	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
25	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ nhà ông 9 Tuấn (Chắc Đốt)	Đến giáp nhà ông Văn		280	Bổ sung
II.3	THỊ TRẤN CHÂU HƯNG					
1	Đường Trương Thị Cương	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Thông Lưu B	600	650	
		Bắt đầu từ cầu Thông Lưu B	Đến cầu Mặc Dây	350	380	
		Bắt đầu từ cầu Mặc Dây	Đến cổng Nhà Thờ	320	350	
2	Đường Trương Thị Cương (Phía nam kênh Cái Dầy - Nhà Thờ)	Bắt đầu từ ranh nhà Ông 8 Hòa	Đến cầu Ông Cha	300	360	
3	Đường Lê Thị Mạnh	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết ranh Trường Tiểu học Hoa Lư	1,200	1,400	
		Bắt đầu từ giáp Trường Tiểu học Hoa Lư	Đến cầu Sáu Thanh	800	880	
		Bắt đầu từ cầu Sáu Thanh	Đến hết ranh đất nhà Ông Trọng	400	440	
4	Đường Lê Thị Mạnh (phía nam kênh Tư Bal)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết Khu Nhà ở xã hội	500	550	
		Bắt đầu từ hết Khu Nhà ở xã hội	Đến cầu 6 Thanh	400	440	
		Bắt đầu từ cầu 6 Thanh	Đến cầu Sơn Dương	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Đường 19/5	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Trường Yên	800	880	
		Bắt đầu từ cầu Trường Yên	Đến giáp ranh xã Châu Thới	600	670	
6	Đường Huỳnh Thị Hoa	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Ông Hải	1,000	1,150	
		Bắt đầu từ cầu Ông Hải	Đến giáp ranh Phường 8	320	360	
7	Đường Mạc Đĩnh - Bà Chăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Việt	Đến hết ranh đất nhà Bà 2 Mèo	300	340	
8	Đường Mạc Đĩnh - Bà Chăng (đường 10 Hưng)	Bắt đầu từ cầu 8 Đơ	Đến Miếu Ông Tà	300	340	
9	Đường Tân Tạo	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến bãi rác	500	550	
		Bắt đầu từ lộ bãi rác	Đến Lò Hoà Táng	300	340	
		Bắt đầu từ cầu Công Tâm	Đến giáp bãi rác	300	340	
10	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ lộ tè ngoài	Đến cầu Xéo Chích cũ	650	720	
		Bắt đầu từ cầu Xéo Chích cũ	Đến lộ tè trong	300	340	
11	Đường Huỳnh Thị Ngó (Cố Hai Ngó)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Chùa Giác Hoa	450	500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12	Đường Xẻo Chích	Bắt đầu từ cầu Ông Triều	Đến cầu Trường Yên	700	780	
		Bắt đầu từ ranh nhà Ông Quậy	Đến giáp ranh xã Châu Thới	300	340	
		Bắt đầu từ cống Bản	Đến hết ranh đất nhà Ông Thông	300	340	
13	Đường Cái Dầy (ngang nhà Ông 5 Thành)	Bắt đầu từ ranh đất nhà kho Bà Kiều	Đến hết ranh đất nhà út Hết	300	340	
14	Đường Thông Lưu B (ngang nhà 2 Tuấn)	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến giáp xã Châu Hưng A	280	310	
15	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu 6 Nghiêm	Đến gò 3 Lộ Mới	280	310	
		Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến hết ranh đất nhà ông 5 Thọ	300	340	
		Bắt đầu từ cầu Ông Tráng	Đến cầu 2 Lớn	300	340	
		Bắt đầu từ cầu 9 Nhiều	Đến hết ranh đất nhà 2 Tươi	300	340	
16	Đường Xẻo Lá (ngang nhà 6 Thanh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khải	Đến cầu 7 Định	300	340	
17	Đường Xẻo Lá	Bắt đầu từ cầu 4 Mạnh	Đến hết ranh đất nhà 3 Miên	300	340	
18	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Thọ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Dương	Đến hết ranh đất nhà ông 8 Sơn	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Chuông)	Bắt đầu từ Điểm Trường Xẻo Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Diễm	300	340	
20	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Chinh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Khương Em	Đến hết ranh đất nhà 4 Nghiêm	300	340	
21	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Tiện)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hòa	Đến hết ranh đất nhà ông Chiến	300	340	
22	Đường Xẻo Lá	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Lập	Đến hết ranh đất nhà Thạch Trắng	300	340	
23	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Nhọn)	Bắt đầu từ cầu 5 Kiểm	Đến cầu Bà Sáng	300	340	
24	Đường Mạc Dây (ngang nhà Ông Mạnh)	Bắt đầu từ cầu Ông Trường	Đến hết ranh đất nhà ông Yết	300	340	
25	Đường Mạc Dây (ngang nhà Ông Dũng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Guôi	Đến giáp xã Châu Hưng A	300	340	
26	Đường Mạc Dây (ngang nhà Ông 6 Chiên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dẫn	Đến cầu Ông Ngân	300	340	
27	Đường Mạc Dây	Bắt đầu từ cầu Mạc Dây	Đến giáp ranh xã Châu Hưng A	270	300	
28	Đường Mạc Dây	Bắt đầu từ cầu Mạc Dây	Đến hết ranh đất nhà ông Sương Dương	270	300	
29	Đường Bà Chăng (ngang nhà Ông Khải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hà	Đến hết ranh đất nhà Ông Dũ	280	310	
30	Đường Bà Chăng (Xalatel)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hà	Đến cầu Thanh Niên	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
31	Đường Bà Chăng (ngang nhà bà 9 Đò)	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Miếu Ông Tà	300	340	
32	Đường Bà Chăng (ngang nhà Chệt Nhíp)	Bắt đầu từ cầu Bà Chăng	Đến giáp ranh xã Châu Hưng A	300	340	
33	Đường Nhà Thờ (ngang nhà bà Điệp)	Bắt đầu từ cầu Ông Cha	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	350	390	
34	Đường Nhà Thờ (Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	350	390	
		Bắt đầu từ lộ Nhà Thờ	Đến hết ranh đất nhà 6 Vinh	400	440	
35	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tý	Đến hết ranh đất nhà Ông Sơn	300	340	
36	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Ga	300	340	
37	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tùng	Đến hết ranh đất nhà ông 3 Kiên	300	340	
38	Khu dân cư Hoài Phong (Đoạn chính) cách QL 30m	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông 2 Tính	600	670	
39	Khu dân cư Hoài Phong (các đoạn còn lại)	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		400	440	
40	Khu dân cư Huy Thống	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		400	440	
	Khu hành chính của huyện Vĩnh Lợi					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
41	Đường Bùi Văn Việt	Đường Nguyễn Thị Dần	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	2,000	3,000	
42	Đường Lê Thị Quý	Đường Bùi Văn Việt	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	2,000	3,000	
43	Đường Võ Văn Kiệt	Quốc Lộ 1	Giao đường Hoa Lư	2,000	3,000	
44	Đường Nguyễn Thị Tiên	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Hoa Lư	2,000	3,000	
45	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiên	2,000	3,000	
46	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	Đường Bùi Văn Việt	Đường số 17	2,000	3,000	
47	Đường Ngô Văn Ngô	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiên	2,000	3,000	
48	Đường Hoa Lư	Đường 19/5	Đường Nguyễn Thị Dần	2,000	3,000	
49	Đường Phạm Thị Chử	Đường 19/5	Trung tâm y tế	2,000	3,000	
50	Đường Nguyễn Thị Dần	Đường Bùi Văn Việt	Đường Hoa Lư	2,000	3,000	
51	Đường Tân Tạo	Quốc lộ 1	ấp Tân Tạo	2,000	3,000	
52	<i>Đường khu nhà ở xã Hội Xéo Lá</i>	<i>Các tuyến đường nội bộ trong khu Nhà ở Xã Hội</i>			<i>300</i>	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
53	Cuối đường Trương Thị Cương	Bắt đầu từ cầu Sơn Dương	Đến giáp ranh xã Hưng Hội		400	Bổ sung
II.4	XÃ HƯNG HỘI (Khu vực Trung tâm xã)					
1	Cù Lao - Cái Giá	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Ông Cầu)	Đến ngã 3 Chùa Chót	350	390	
2	Phú Tòng - Bung Xúc - Giá Tiểu	Bắt đầu từ trụ Sở Ấp Phú Tòng	Đến hết ranh đất nhà ông Trọng	350	390	
3	Giá Tiểu - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Điện	Đến cầu Chùa Chót	270	300	
4	Lộ Sóc Đồn - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Đầu lộ Giá Tiểu)	Đến cầu nhà ông Tấn	320	360	
5	Lộ Cà Vinh - Bung Xúc	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Cà Vinh)	Đến đầu nhà ông Năm Phù	320	360	
6	Lộ Nước Mặn - Bung Xúc	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Sơn Nhân)	Đến hết ranh đất nhà Máy Bà Yến	270	300	
7	Lộ Nước Mặn - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Nước Mặn)	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Quốc Bảo	500	550	
8	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Trụ sở ấp Sóc Đồn)	Đến cầu nhà Bà Hoa	350	380	
9	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Dương	Đến hết ranh đất nhà Thầy Lành	350	380	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Viễn	Đến Miếu Ông Bồn	250	280	
10	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất Kho Sáu Diệu	Đến hết ranh đất nhà bà Hiền	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Lộ Cù Lao- Cái Giá	Bắt đầu từ Tinh lộ 976 (Nhà Ông Đào Dên)	Đến hết ranh đất nhà Ông Phan Sua	250	280	
12	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Tinh lộ 976 (nhà ông Cường)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Sôi	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lén	Đến hết ranh đất nhà bà Lâm Thị ChuôL	250	280	
		Bắt đầu từ Tinh lộ 976 (nhà ông Kim Chung)	Đến sau nhà Bà Hương	300	340	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Bình Dinh	Đến hết ranh đất nhà Bà Huỳnh Thị Hường	320	350	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 9 Thân	Đến trạm Y Tế	500	550	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Chánh	Đến hết ranh đất nhà bà Thủy	500	550	
13	Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lý Dũng	Đến cầu Chùa Chót	300	340	
14	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ Tinh lộ 976 (Cầu Sóc Đồn)	Đến cầu Chùa Chót	300	340	
15	Lộ Đay Tà Ni	Bắt đầu từ cầu Chùa Chót	Đến cầu Nhà Ông Danh Sai	250	280	
16	Lộ Cái Giá - Đay Tà Cao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Sơn By	Đến giáp ranh Thị Trần Châu Hưng (đường Bãi Rác)	270	300	
17	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thanh Thùy	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Mão	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Minh Hoa	Đến hết ranh đất nhà bà Trịnh Ngọc Phú	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Mi	Đến ngã 3 hết kho Văn Hiền	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Văn Hoá	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Huỳnh Tha	300	340	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Quang Trung	Giáp đất Chùa Đầu	250	280	
19	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Hiếu Thảo	Cầu Nhà ông Hiệp	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Triệu Núp	Cầu nhà ông Huỳnh Na Si	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hoa Ry	Cầu nhà Bánh Tốt	250	280	
20	Lộ Bung Xúc	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Đáng	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chánh	300	340	
21	Giá Tiểu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Văn Sơn	Đến cầu giáp ấp Mạc Đây	250	280	
22	Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Quốc Bảo	Đến cầu Nhà Hòa giáp ranh Châu Hưng	300	340	
23	Lộ Giá Tiểu	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà ông Bãy	250	280	
24	Lộ Bung Xúc	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thanh	Đến cầu nhà ông Chênh	250	280	
25	Lộ Cà Vinh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Tiến	Đến hết ranh đất nhà ông Chiêu	250	280	
26	Lộ Cà Vinh - Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cống Cà Vinh	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Mét	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
27	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thương	Đến giáp Chùa Đầu	300	340	
28	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ Chùa Chót (phía sau)	Đến cầu nhà ông Quên	250	280	
29	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Vui	Đến hết ranh đất nhà ông Đông	250	280	
30	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ Tinh lộ 976 (hương lộ 6)	Đến hết ranh đất nhà Sáu Tâm (Kho Tài Nguyễn 2)	250	280	
31	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ cổng Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Bực	250	280	
32	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ cổng Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Thông	250	280	
33	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ tinh lộ 976 (hương lộ 6)	Sông Bạc Liêu	250	280	
34	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tha	Đến hết ranh đất nhà Sơn Sà Miêl	270	300	
35	Lộ Bung Xúc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thanh	Đến cầu Ông Chên	270	300	
II. 5	XÃ HƯNG THÀNH					
1	Lộ Gia Hội- Quốc Kỳ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Thành	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Hiền	250	280	
2	Đường Đê-Bao	Bắt đầu từ Tinh lộ 976 (nhà Ông Thê)	Đến cầu Treo Vàm Lèo	450	480	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Phạm Văn Đệ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tới	300	340	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bành Văn Phấn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	450	480	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3	Lộ Quốc Kỳ	Bắt đầu từ tỉnh lộ 976 (nhà Bà Hồng)	Đến cầu 4 Bal	500	550	
4	Lộ Quốc Kỳ - Phú Tòng	Bắt đầu từ cầu Ông Nhiều	Đến cầu Ông Móm	700	760	
5	Lộ Phú Tòng - Nhà Thờ	Bắt đầu từ cầu Ông Móm	Đến cầu 6 Lành	450	480	
6	Kênh Thông Lưu	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu	Đến hết ranh đất nhà Bà Loan	250	280	
7	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ ranh đất trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	450	480	
8	Lộ ấp Ngọc Đước	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ánh Hồng	Đến cầu ông Thảo	260	290	
		Bắt đầu từ cầu ông Chuối	Đến cầu Út Dân	260	290	
		Bắt đầu từ cầu Út Dân	Đến hết ranh đất nhà Ông 9 Bé	260	290	
9	Lộ Vườn cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hăng	Đến cầu Hai Ngươn	260	290	
10	Lộ Vườn cò-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Hai Ngươn	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hòa	260	290	
11	Lộ ấp Gia Hội	Bắt đầu từ trạm Y Tế (Cũ)	Đến hết ranh đất nhà Bà Kim Thuận	300	340	
12	Lộ ấp Xẻo Nhào-Hoàng Quân 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hai Rầy	Cổng Hoàng Quân III	300	340	
13	Lộ Vườn cò-Hoàng Quân 1	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Thoại	Cầu Hoàng Quân I (Nhà Ông Út Gờ)	260	290	
14	Lộ ấp Năm Căn-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Ông 3 Tiễn	Cầu Thanh Niên	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
15	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Cầu Ông Bành	250	280	
16	Lộ Hoàng Quân 2	Bắt đầu từ cầu Ông Tháo	Cầu Ông Bình	250	280	
17	Đê Bao Ấp Năm Căn	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông Mã)	Cống Nước Mặn	270	300	
18	Lộ Quốc Kỳ	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông 5 Đức)	Đền kênh ông cha (Hết phần đất nhà Ông Cường)	250	280	
II.6	XÃ LONG THẠNH					
1	Lộ tè bờ sông Cầu Sập	<i>Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Quy tín dụng)</i>	<i>Đến cây xăng Minh Hoàng</i>	750	820	
2	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	650	740	
		Bắt đầu từ ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	Đến hết ấp Trà Khứa (Nhà ông Châu)	550	600	
3	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến cầu Bà Thuận	350	380	
4	Lộ Béc Hen Lớn - Tân Long - Trâm Một	Bắt đầu từ giáp ranh phường 8, thành phố Bạc Liêu	Đến cống Cầu Sập	700	770	
		Bắt đầu từ cống Cầu Sập (ngã tư đường)	Đền giáp xã Châu Thới	450	480	
5	Lộ Béc Hen lớn-Cây Điều	Bắt đầu từ cống Cầu Sập	<i>Đến cầu 5 Râu</i>	350	380	
6	Đường Cái Trâm A2- P.Thạnh 2	Bắt đầu từ cái Trâm A2 (Miếu Bà)	Đến sông Dàn Xây	550	600	
7	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đình Tân Long	400	440	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Đình Tân Long	Đền chùa Ông Bồn	300	340	
9	Lộ Bầu Rán	<i>Bắt đầu từ cầu 7 Cưng</i>	<i>Đến Chợ Cái Tràm (QL1)</i>	300	340	
		Bắt đầu từ cống 7 Phát	Đến ngã tư 7 Lốc	350	380	
10	Lộ Thới Chiến	Bắt đầu từ cầu Ông Khém	Đến cầu Thanh Niên	350	380	
11	Lộ Béc Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lê Văn Thu	Đến hết ranh đất nhà ông Quách Văn Giá	300	340	
12	Lộ nhánh nhà ông Trương Văn Nói	Bắt đầu từ Lộ Năm Cua - Cầu Sập	Đến giáp lộ tè bờ sông Cầu Sập	700	770	
13	Lộ Cái Tràm A1 (song song QL1)	Bắt đầu từ trường Tiểu học	Đền chùa Ông Bồn	450	490	
14	Đường nhánh Cái Tràm A1- Phước Thạnh 1	Các Tuyến đường nhánh từ Quốc Lộ 1	Đến sông Bạc Liêu	550	600	
15	Đường Phước Thạnh 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà ông Nguyễn Thành Thiệt)	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Dừa	550	600	
16	Đường Cái Tràm A 2	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Phước	300	340	
17	Đường Cái Tràm A 2	<i>Bắt đầu từ cầu Ông Phước</i>	<i>Đến kênh 8 Thước (PT2)</i>	250	280	
18	Đường Long Hà (Cái Tràm 2)	Bắt đầu từ cầu Nguyễn Thành Kỳ	<i>Đến giáp ranh Hòa Bình</i>	300	340	
19	Đường Dàn Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tho	Đến kênh 8 thước (đất ông Phan Thanh Bình)	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
20	Đường kênh ông Cấn	Bắt đầu từ cầu ông Cấn	Đến kênh 8 Thước (Nhà bà Lê Thị Kim Ba)	300	340	
21	Đường Cây Điều	<i>Bắt đầu từ cầu 5 Râu</i>	<i>Đến nhà ông Lê Văn Ngựa</i>	300	340	
22	Đường Béc Hen Nhỏ - Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu bà Thuận	300	340	
23	<i>Đường Tân Long - Béc Hen Lớn</i>	Bắt đầu từ cầu 6 Tùng	Đến cầu ông Rê	350	380	
24	Đường Tân Long - Hòa Linh	Bắt đầu từ cống 6 Lợi	Đến cầu 7 Cung	350	380	
25	Đường Hòa Linh - Bầu Ráng	Bắt đầu từ ngã tư Bày Lốc	Đến cầu 7 Cung	350	380	
26	Đường Hòa Linh	Bắt đầu từ chợ Cái Trám	Đến cầu ông Huỳnh	300	340	
27	Đường Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu ông Rê	Đến cầu ông Hường	350	380	
28	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Tách	Đến hết ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	300	340	
29	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Tuyết Hân	300	340	
30	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	Đến hết ranh đất nhà ông Quách Văn Giá	300	340	
31	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ cầu ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Hai	250	280	
32	<i>Lộ Kênh bà Hai Sinh</i>	<i>Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngạn Dừa</i>	<i>Đến nhà ông Ngô Hoàng Oanh</i>		340	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
33	Lộ Hòa Linh - Bàu Ráng	Bắt đầu từ cầu Ông Huỳnh	Đến cầu Ông Hiền		340	Bổ sung
34	Lộ Cây Điều - Tràm Một	Bắt đầu từ Cầu Út Đèo	Đến cầu Ông Liêm		280	Bổ sung
35	Lộ kênh 8 Thước	Bắt đầu từ lộ Dân Xây (nhà ông Phan Thanh Bình)	Đến đường Cái Tràm A2		280	Bổ sung
II.7	XÃ VĨNH HƯNG					
1	Đường Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Ba Phụng	Đến cầu Mới Vĩnh Hưng	2,500	2,800	
2	Lộ tè	Bắt đầu từ Ba Tân	Đến Tám Em - Chín Đình	380	420	
3	Đường Vĩnh Hưng - Thạnh Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Vàm Đình	Đến hết ranh đất nhà Út Bồn (Lê Văn Bồn)	250	280	
4	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tám Em	Đến cầu Am	250	280	
5	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Am	Đến cầu Trần Nghĩa	250	280	
6	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Am	Đến giáp xã Vĩnh Hưng A	250	280	
7	Đường Trần Nghĩa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Hải	Đến hết ranh đất nhà ông Rạng	280	310	
8	Đường Trần Nghĩa- Đông Hưng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Hải	Đến cầu 3 Gồm	280	310	
9	Đường Vĩnh Hưng - Đền Thờ Bác	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông Tư Gãy	800	870	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Gãy	Đến hết ranh đất nhà Ông Nguyễn Thanh Nam	600	650	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
10	Tuyến HB15	Bắt đầu từ cầu Ba Phụng	Đến giáp ranh Kinh Xáng Hòa bình	300	340	
11	Rạch Cây Giông	Bắt đầu từ ranh đất Nhà Ông Thông	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Tòng	250	280	
12	Đường Út Bồn - Tư Bá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Út Bồn	Đến hết ranh đất nhà Tư Bá	250	280	
13	Đường Chín Đô - 3 Ngọt	Bắt đầu từ cầu Vâm Đình	Đến hết ranh đất nhà Ông Sua	250	280	
14	Đường Miếu Chủ Hai - 8 Hồ	Bắt đầu từ Miếu Chủ Hai	Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Hồ	250	280	
15	Đường Bà Bé - Ông On	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Bé	Đến hết ranh đất nhà Ông On	250	280	
16	Đường Cầu Thanh Niên - Giáp ranh Minh Diệu	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến giáp Ranh xã Minh Diệu	250	280	
17	Tuyến Đường Bà Quách	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tư Lũy	Đến hết ranh đất nhà Ông 7 Lý	250	280	
18	Đường Thạnh Hưng 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bảy Tàu	Đến giáp ranh Vĩnh Hưng A	250	280	
19	Đường Trần Nghĩa giáp xã Vĩnh Hưng A	Bắt đầu từ cầu Trần Nghĩa	Đến cầu ông Ba Giai	250	280	
20	Đường kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà 2 Tây	Đến hết Ranh Đất Nhà Ông Bành	250	280	
21	<i>Đường khu nhà lồng chợ Vĩnh Hưng</i>	<i>Các tuyến đường nội bộ khu nhà lồng chợ Vĩnh Hưng</i>			<i>1,500</i>	<i>Bổ sung</i>
22	<i>Tuyến Tam Hưng- ấp Trung Hưng 1A</i>	<i>Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hưng</i>	<i>Đến giáp ranh ấp Trung Hưng 1A, xã Vĩnh Hưng A</i>		<i>380</i>	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
26	Đường Bắc Hưng	Bắt Đầu từ nhà Út Anh	Đến nhà ông Chiến		280	Bổ sung
27	Đường Trung Hưng 3	Bắt đầu từ cầu 2 Nghé	Đến nhà ông Tư Công		280	Bổ sung
28	Đường Bắc Hưng - Nguyễn Diên	Bắt đầu từ trường tiểu học điểm Bắc Hưng	Đến cầu Ông Cuội		280	Bổ sung
29	Đường Trung Hưng 1A - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ cầu Út Mân	Đến Cầu Ông Sanh		280	Bổ sung
30	Đường Phú Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ cầu Tám Hương	Đến nhà ông Nhật		280	Bổ sung
31	Đường Trung Hưng 1A - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hưng	Đến cầu từ thiện số 97		280	Bổ sung
32	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ cầu Út Biểu	Đến Nhà Năm Thanh		280	Bổ sung
33	Đường Nguyễn Diên	Bắt đầu từ cầu Hai Lóc	Đến cầu Chín Thù		280	Bổ sung
34	Đường Trung Hưng 1B - Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ cầu Ba Phương	Đến nhà ông Hời		280	Bổ sung
35	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ cầu Quýt Xiêm	Đến nhà ông Loan Đi		280	Bổ sung
36	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hưng	Đến nhà bà Cúc		280	Bổ sung
37	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ nhà ông Vẹ	Đến nhà ông Thơ		280	Bổ sung
38	Đường Trung Hưng	Bắt đầu từ cầu Cà Ba	Đến nhà Bảy Minh		280	Bổ sung
39	Đường Nguyễn Diên	Bắt đầu từ cầu Bà Đô	Giáp ranh tỉnh Sóc Trăng		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
40	<i>Đường Mỹ Trinh</i>	<i>Bắt đầu từ Cầu Ông Điện</i>	<i>Đến Nhà Năm Thanh</i>		280	<i>Bổ sung</i>
41	<i>Đường dẫn vào Tháp Cổ</i>	<i>Giáp đường Tháp Cổ</i>	<i>Đến khu di tích Tháp Cổ</i>		250	<i>Bổ sung</i>
42	<i>Đường Mỹ Phú Đông</i>	<i>Bắt đầu từ nhà ông Non</i>	<i>Đến Nhà ông Tâm</i>		250	<i>Bổ sung</i>
43	<i>Đường Trung Hưng 1A</i>	<i>Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn</i>	<i>Đến Nhà ông Bành</i>		250	<i>Bổ sung</i>
44	<i>Đường Trung Hưng 1A</i>	<i>Bắt đầu từ nhà ông Hai Hồng</i>	<i>Đến Nhà ông Hai Thức</i>		250	<i>Bổ sung</i>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
23	Đường Ông Quang - ông Nền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quang	Đến hết ranh đất nhà ông Nền		260	Bổ sung
24	Tuyến đường ấp Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Hoàng Em		260	Bổ sung
II.8	XÃ VĨNH HƯNG A					
1	Lộ Tháp Cỏ	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến hết ranh đất nhà Ông Hoàng Chiến	400	440	
2	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sách	Đến cổng Chèo Trung Hưng 1A	320	350	
3	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ cổng Chèo Trung Hưng 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Bảy Quyết	250	280	
4	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (về phía xã Vĩnh Hưng)	1,050	1,150	
5	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía xã Vĩnh Hưng A)	1,050	1,150	
6	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía xã Vĩnh Hưng A)	Đến hết ranh đất nhà Ông Lê Quang Rinh	800	870	
7	Đường Trung Hưng - Bắc Hưng	Bắt đầu từ cầu Ngang Kênh Xáng	Đến giáp Ranh xã Vĩnh Hưng	250	280	
8	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lê Quang Rinh	Đến giáp ranh xã Hưng Phú huyện Phước Long	800	860	
9	Đường Trung Hưng III - Mỹ Trinh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 3 Nhuận	Đến hết ranh đất nhà ông 3 Khanh	250	280	
10	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông 3 Khanh	Đến cầu Thanh Niên	250	280	
11	Đường Trung Hưng 1B-Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Chiến	Đến hết ranh đất nhà Ông Dạn	270	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mỹ Linh	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Non	250	280	
13	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 4 Quân	Đến hết ranh đất nhà Ông Phạm Chí Nguyễn	250	280	
14	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Quýt	Đến hết ranh đất nhà Ông Lý Em	250	280	
15	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Huỳnh Văn Tặng	Đến hết ranh đất nhà Ông Đỗ Văn Mẫn	250	280	
16	Đường Trung Hưng - Trung Hưng III	Bắt đầu từ cầu Kênh Xáng	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Tinh	250	280	
17	Đường Trung Hưng III	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 5 Tinh	Đến hết ranh đất nhà Ông 2 Nghệ	250	280	
18	Đường Trung Hưng III - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 2 Nghệ	Đến hết ranh đất nhà Ông 3 Hồng	250	280	
19	Đường Nguyễn Điền - Trung Hưng	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 3 Hồng	Đến hết ranh đất nhà Ông Kỳ Phùng	250	280	
20	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 10 Lạc	Đến hết ranh đất nhà Bà Cứng	250	280	
21	Đường dẫn lên Cầu Mới Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ Lộ Nấn Cua - Cầu Sập	Đến cầu Mới Vĩnh Hưng	850	900	
22	Tuyến Bắc Hưng - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà Út Tịnh	Đến cầu Bà Đô	250	280	
23	Lộ Nguyễn Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Đô	Đến giáp ranh Sóc Trăng	250	280	
24	Lộ Mỹ Trinh - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Chín Là	Đến nhà văn hóa ấp Trung Hưng 1 B	250	280	
25	Lộ Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà Chín Hương	Đến hết ranh đất nhà Ông Ba Nhân	250	280	